

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 đã được sửa đổi, bổ sung ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020, đã được sửa đổi, bổ sung ngày 11 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình ngày 18 tháng 4 năm 2025,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Các nội dung đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua

Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (ABBANK) đã thông qua các nội dung sau đây tại cuộc họp thường niên ngày 18/4/2025:

1. Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024 (tài liệu đính kèm).
2. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2025, trong đó chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2025 là 1.800 tỷ đồng (tài liệu đính kèm).
3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 của ABBANK đã được kiểm toán; Báo cáo về hoạt động năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025 của HĐQT (các tài liệu đính kèm). Đại hội đồng Cổ đông giao/ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện các nội dung sau đây:
 - a) Quyết định bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh phù hợp với định hướng chiến lược kinh doanh bán lẻ của ABBANK; thực hiện thủ

tục, hồ sơ cập nhật bổ sung ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- b) Xem xét, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế và chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước.

Hội đồng Quản trị có trách nhiệm báo cáo việc thực hiện các nội dung công việc được giao/ủy quyền nêu trên (nếu có phát sinh) cho Đại hội đồng Cổ đông tại phiên họp gần nhất.

4. Thông qua Báo cáo về thẩm định tài chính, hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát (tài liệu đính kèm).

Phê duyệt danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập bao gồm: Công ty TNHH KPMG (KPMG), Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (DELOITTE), Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y), Công ty TNHH PWC VIỆT NAM (PWC). Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn một trong các tổ chức kiểm toán độc lập trong danh sách trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của ABBANK cho năm tài chính 2026.

5. Thông qua Tờ trình của HĐQT về trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2024. Trong đó, trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 10%; quỹ dự phòng tài chính 10%, quỹ khen thưởng phúc lợi 5%. Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ sẽ để lại, chưa phân phối (tài liệu đính kèm).
6. Thông qua Báo cáo của HĐQT về thù lao thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát năm 2024 và đề xuất cho năm 2025 (tài liệu đính kèm).
7. Thông qua Điều lệ ABBANK thay thế cho bản Điều lệ ngày 29/4/2021 và các sửa đổi, bổ sung kèm theo.
8. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát (các tài liệu đính kèm). Giao HĐQT ban hành Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế Hoạt động của HĐQT; giao Ban Kiểm soát ban hành Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát thay thế cho các Quy chế hiện hành.
9. Thông qua Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm (tài liệu đính kèm) theo quy định tại Điều 143 Luật Các tổ chức tín dụng. Giao/ủy quyền HĐQT điều chỉnh, bổ sung, chi tiết hoá các nội dung của Phương án này phù hợp với quy định của pháp luật,



tình hình thực tế của ABBANK và/hoặc chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quản lý và báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

10. Ghi nhận việc chấm dứt tư cách thành viên HĐQT đối với Ông John Chong Eng Chuan do thay đổi người đại diện vốn của Maybank tại ABBANK; thông qua việc miễn nhiệm thành viên độc lập HĐQT đối với Ông Trần Bá Vinh có đơn xin từ nhiệm theo nguyện vọng cá nhân.
11. Bầu Ông Syed Ahmad Taufik Albar làm thành viên HĐQT và bầu Ông Trịnh Thanh Hải làm thành viên độc lập HĐQT ABBANK (nhiệm kỳ của thành viên được bầu: 2025-2027).

Điều 2. Hiệu lực

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 18/4/2025.

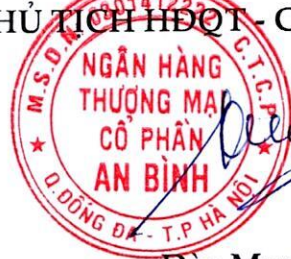
Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc ABBANK căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, TGĐ;
- NHNN, UBCKNN;
- Lưu VPHĐQT, VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT - CHỦ TỌA CUỘC HỌP



Đào Mạnh Kháng



**BIÊN BẢN CUỘC HỌP THƯỜNG NIÊN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH****(Hà Nội, ngày 18/4/2025)****Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (ABBANK)**

- Trụ sở chính: Tầng 1, 2, 3 Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.
- Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu số 0031/NH-GP ngày 15/4/1993 Giấy phép cấp đổi số 120/GP-NHNN ngày 12/12/2018, đã được cập nhật, sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 2575/QĐ-NHNN ngày 13/12/2019, Quyết định số 1466/QĐ-NHNN ngày 14/9/2021, Quyết định số 672/QĐ-NHNN ngày 12/4/2022 và Quyết định số 1360/QĐ-NHNN ngày 13/7/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Mã số doanh nghiệp: 0301412222, đăng ký lần đầu do Cơ quan Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 17/5/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 29 do Cơ quan Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 28/6/2023.

Tiến hành cuộc họp thường niên.

- **Thời gian:** Bắt đầu hồi 8:45 ngày 18/4/2025.
- **Địa điểm:** Hội trường Tầng 4, Tòa nhà GELEXIMCO, Số 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

I. THÀNH PHẦN CỔ ĐÔNG DỰ HỌP

Căn cứ Danh sách Cổ đông lập tại ngày 21/3/2025 (Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông) do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp và thông tin đăng ký dự họp, kết quả được tổng hợp như sau:

- Tổng số Cổ đông của ABBANK **26.670** Cổ đông, sở hữu tổng số vốn điều lệ **10.350.367.620.000** (mười nghìn ba trăm năm mươi tỷ, ba trăm sáu mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi nghìn) đồng tương ứng với **1.035.036.762**

(một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm sáu mươi hai) cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết.

- Tham dự cuộc họp có tổng số **219** Cổ đông và người đại diện theo ủy quyền hợp lệ của Cổ đông sở hữu **756.481.829** cổ phần đã có mặt dự họp và tham gia biểu quyết, chiếm tỷ lệ **73,12%** tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của ABBANK. Trong đó:

- 123 Cổ đông sở hữu 351.797.407 cổ phần trực tiếp dự họp, và
- 96 Cổ đông sở hữu 405.044.422 cổ phần đã ủy quyền hợp lệ cho người khác dự họp và biểu quyết.

Căn cứ Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 1 Điều 44 Điều lệ ABBANK, cuộc họp thường niên Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP An Bình năm 2025 đủ điều kiện tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

II. KHAI MẠC CUỘC HỌP

1. Thành phần khách mời:

a) Về phía các cơ quan quản lý

➤ *Ngân hàng Nhà nước TW có:*

- Bà **Đặng Thị Hương**, Chuyên viên chính - Cục Quản lý, Giám sát tổ chức tín dụng – NHNN Việt Nam
- Ông **Nguyễn Thanh Hải**, Chuyên viên - Cục Quản lý, Giám sát tổ chức tín dụng – NHNN Việt Nam

➤ *Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Khu vực 1 có:*

- Bà **Hoàng Huyền Châm** - Phó Giám đốc NHNN – Chi nhánh Khu vực 1.
- Ông **Phạm Anh Khoa** - Q. Trưởng phòng Quản lý, giám sát Ngân hàng và Chi nhánh ngân hàng nước ngoài – NHNN Chi nhánh Khu vực 1.

- Tham dự cuộc họp còn có đại diện một số cơ quan quản lý khác có liên quan đến tổ chức và hoạt động của ABBANK.

b) Về phía các đối tác, Cổ đông chiến lược của ABBANK:

- Tập đoàn GELEXIMCO có: Ông **Vũ Văn Tiền** - Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn; Ông **Vũ Văn Hậu**, Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc và các ông bà Trưởng Ban/Đơn vị thuộc Tập đoàn.

- Tập đoàn Maybank có: Ông **John Chong Eng Chuan** - GD Điều hành Dịch vụ ngân hàng toàn cầu của Tập đoàn Maybank; Ông **Syed Ahmad Taufik Albar** - GD Dịch vụ Tài chính Cộng đồng của Tập đoàn Maybank.
 - Các ông bà đại diện cho Ban Lãnh đạo các tổ chức đối tác khác của ABBANK.
- c) *Về phía Tổ chức kiểm toán độc lập:* Công ty TNHH KPMG - Tổ chức kiểm toán độc lập đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của ABBANK có Bà **Ngô Linh Nga** – Trưởng phòng Kiểm toán cấp cao KPMG.
- d) *Về phía cơ quan báo chí, truyền thông:*
Tới dự và đưa tin về cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông ABBANK có các phóng viên một số cơ quan báo chí, truyền thông Trung ương và Hà Nội.
- e) *Về phía ABBANK:*
- *Hội đồng Quản trị (HĐQT)*
 - Ông **Đào Mạnh Kháng** – Chủ tịch HĐQT.
 - Ông **Vũ Văn Tiền** - Phó Chủ tịch HĐQT.
 - Ông **John Chong Eng Chuan** - Thành viên HĐQT.
 - Ông **Nguyễn Danh Lương** – Thành viên HĐQT.
 - Bà **Đỗ Thị Nhung** - Thành viên độc lập HĐQT.
 - Ông **Trần Bá Vinh** - Thành viên độc lập HĐQT.
 - *Ban Kiểm soát:*
 - Bà **Nguyễn Thị Hạnh Tâm** - Trưởng Ban Kiểm soát.
 - Bà **Nguyễn Thị Thanh Thái** – Thành viên Ban Kiểm soát.
 - Ông **Nguyễn Hồng Quang** – Thành viên Ban Kiểm soát.
 - *Ban Điều hành:*
 - Ông **Phạm Duy Hiếu**, Tổng Giám đốc;
 - Các ông/bà Phó Tổng Giám đốc, Thành viên Ban Điều hành ABBANK.
 - Tham dự cuộc họp còn có các ông/bà Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Thành viên các Ủy ban của HĐQT; Các ứng viên Thành viên mới của HĐQT; Trưởng Kiểm toán nội bộ; Giám đốc các Khối/Ban Hội sở; Giám đốc/Trưởng các Đơn vị kinh doanh, Giám đốc Công ty trực thuộc của ABBANK.

2. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp:

a) Chủ tọa cuộc họp:

Ông **Đào Mạnh Kháng**, Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa cuộc họp.

Tham gia Chủ tọa đoàn còn có:

- Ông **Vũ Văn Tiền**, Phó Chủ tịch HĐQT.
- Ông **Nguyễn Danh Lương**, Thành viên HĐQT.
- Bà **Đỗ Thị Nhung**, Thành viên độc lập HĐQT.
- Ông **Phạm Duy Hiếu**, Tổng Giám đốc ABBANK.

b) Thư ký cuộc họp do Chủ tọa chỉ định gồm:

- Ông **Trần Nam Sơn**, Giám đốc Văn phòng HĐQT.
- Bà **Vũ Phương Duyên**, Giám đốc cao cấp Quản trị Hiệu quả bán hàng và Chất lượng dịch vụ.

3. Ban kiểm phiếu và thể lệ biểu quyết:

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết thông qua Danh sách Ban Kiểm phiếu và Thể lệ biểu quyết với tỉ lệ tán thành 100%.

a) Danh sách Ban kiểm phiếu gồm:

- 1) Bà **Lương Thị Thu Trang**, Trưởng Ban kiểm phiếu.
- 2) Bà **Nguyễn Thị Hồng Phượng**, Thành viên.
- 3) Bà **Lương Thị Thảo Uyên**, Thành viên.
- 4) Bà **Nguyễn Thị Huyền**, Thành viên.
- 5) Bà **Phạm Ngân Giang**, Thành viên.

b) Thể lệ biểu quyết (Tài liệu kèm theo):

- 1) Đối với các vấn đề thể thức (như thông qua Danh sách Thành viên Ban Kiểm phiếu, Thể lệ biểu quyết, Chương trình cuộc họp, Biên bản cuộc họp): Sử dụng *hình thức biểu quyết giản đơn bằng cách giơ Thẻ biểu quyết hoặc giơ tay*.
- 2) Đối với việc thông qua các Báo cáo, Tờ trình, Kế hoạch: Sử dụng *Phiếu Biểu quyết*. Cổ đông đánh dấu (✓) hoặc (X) để chọn 1 trong 3 phương án biểu quyết: (1) *Tán thành*; (2) *Không tán thành*; hoặc (3) *Không có ý kiến*.

3) Đối với việc bầu (thay thế) Thành viên HĐQT: Sử dụng *Phiếu bầu* và thực hiện bầu theo phương thức dồn phiếu, cụ thể:

3.1) Tổng số phiếu của Cổ đông bằng số cổ phần cổ đông đó sở hữu nhân với số thành viên HĐQT được bầu thay thế – Tổng số phiếu đã được nhân và in sẵn trên Phiếu bầu phát cho Cổ đông.

3.2) Cổ đông *lựa chọn 1 trong 2 Phương án* sau:

- *Phương án 1 - Dồn phiếu đều cho các ứng viên:* Cổ đông chỉ cần đánh dấu (✓) hoặc (X) vào ô lựa chọn trên Phiếu bầu. Theo đó, toàn bộ tổng số phiếu của Cổ đông sẽ được chia đều cho các ứng viên có tên trong danh sách.
- *Phương án 2 - Dồn phiếu cách khác:* Cổ đông ghi cụ thể số phiếu bầu dành cho từng ứng viên với điều kiện tổng số phiếu bầu cho tất cả ứng viên trong danh sách không vượt quá tổng số phiếu mà Cổ đông có (đã được in trên Phiếu bầu). Trường hợp Cổ đông không sử dụng hết số phiếu mà mình có thì Phiếu bầu đó vẫn hợp lệ và số phiếu Cổ đông không sử dụng sẽ không được tính cho ứng viên nào.

3.3) Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định.

4) Phiếu Biểu quyết, Phiếu bầu không hợp lệ là Phiếu không thực hiện theo quy định, hướng dẫn tại Thể lệ biểu quyết nêu trên.

4. Chương trình nghị sự cuộc họp:

Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua Chương trình nghị sự cuộc họp với tỉ lệ 100% tán thành, gồm các nội dung sau:

- 1) Báo cáo kết quả kinh doanh 2024.
- 2) Kế hoạch kinh doanh 2025.
- 3) Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán; Báo cáo hoạt động năm 2024 và định hướng hoạt động 2025 của HĐQT.
- 4) Báo cáo về thẩm định tài chính; về hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát.

- 5) Tờ trình về trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024.
- 6) Báo cáo về thù lao thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát năm 2024 và đề xuất cho năm 2025.
- 7) Thông qua Điều lệ ABBANK (sửa đổi), Quy chế nội bộ về quản trị (sửa đổi), Quy chế Hoạt động của HĐQT (sửa đổi); Quy chế Hoạt động của BKS (sửa đổi).
- 8) Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm đối với ngân hàng thương mại theo quy định tại 143 Luật Các tổ chức tín dụng.
- 9) Miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên HĐQT (nhiệm kỳ thành viên được bầu thay thế: 2025-2027).
- 10) Nội dung khác phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK.

III. NỘI DUNG NGHỊ SỰ CỦA CUỘC HỌP

1. Ông Phạm Duy Hiếu, Tổng Giám đốc đã trình bày:

- Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024; và
- Kế hoạch kinh doanh năm 2025.

2. Ông Đào Mạnh Kháng, Chủ tịch HĐQT đã trình bày:

- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán; Báo cáo hoạt động năm 2024 và định hướng năm 2025 của HĐQT.
- Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên HĐQT (nhiệm kỳ thành viên 2025-2027)

3. Bà Nguyễn Thị Hạnh Tâm, Trưởng Ban Kiểm soát đã trình bày:

- Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định tài chính, hoạt động năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025.
- Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (sửa đổi).

4. Bà Đỗ Thị Nhung, Thành viên độc lập HĐQT đã trình bày:

- Tờ trình trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024.

- Báo cáo về thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2024 và đề xuất cho năm 2025.

5. Ông Nguyễn Danh Lương, Thành viên HĐQT đã trình bày:

- Tờ trình Điều lệ ABBANK (sửa đổi), Quy chế nội bộ về quản trị (sửa đổi), Quy chế Hoạt động của HĐQT (sửa đổi).
- Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm đối với ngân hàng thương mại theo quy định tại 143 Luật Các tổ chức tín dụng.

6. Nội dung thảo luận về các Báo cáo, Tờ trình

1) Cổ đông nêu ý kiến:

- Đề nghị tăng nhanh vốn điều lệ lên mức 20.000 đến 30.000 tỷ đồng trước vận hội kỷ nguyên vươn mình của đất nước. Đồng thời cần tăng mạnh hơn quy mô lợi nhuận và có kế hoạch đến 2030 đưa cổ phiếu lên niêm yết nhằm tăng thanh khoản và tính hấp dẫn của cổ phiếu. Tìm kiếm thêm các cổ đông nước ngoài, đặc biệt từ Nhật Bản và Hàn Quốc để gia tăng giá trị cho Ngân hàng và Cổ đông khi cổ phiếu niêm yết trên sàn.
- Thu hút nguồn nhân lực trẻ có chất lượng từ các cơ sở đào tạo chính quy có uy tín thông qua lộ trình thăng tiến nghề nghiệp để chuẩn bị nguồn lực cho phát triển đột phá.
- Xem xét việc mở rộng mạng lưới hoạt động Chi nhánh/PGD.
- Cải thiện công tác quan hệ với Cổ đông thông qua việc tạo kênh trao đổi thường xuyên hơn giữa Cổ đông và Ngân hàng.

Chủ tịch và Thường trực HĐQT trao đổi trả lời:

- Việc tăng vốn điều lệ cũng là mong muốn của Ngân hàng và sự đồng thuận của nhiều Cổ đông, trong đó có Cổ đông lớn. Ban Lãnh đạo Ngân hàng sẽ lập kế hoạch tăng vốn điều lệ trình ĐHĐCĐ quyết định trên cơ sở đánh giá nhu cầu vốn để hiện thực hoá mục tiêu chiến lược trong các năm tới.
- Năm nay, Ngân hàng đặt mục tiêu kế hoạch lợi nhuận trước thuế 1.800 tỷ đồng, bằng 231% so với mức thực hiện năm 2024 là thách thức

nhưng Ngân hàng sẽ nỗ lực để đạt và vượt con số mục tiêu này dựa trên kết quả kinh doanh quý I/2025 có nhiều triển vọng tích cực.

- Việc thu hút nhân tài, bồi dưỡng nhân lực luôn được Ban Lãnh đạo Ngân hàng xác định là yêu cầu và nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu và sẽ nghiên cứu, tiếp thu, cố gắng làm tốt hơn theo các gợi ý cụ thể của Cổ đông để Ngân hàng thu hút được nguồn nhân sự có giá trị, có trí tuệ, có phẩm chất đạo đức làm gia tăng giá trị của tổ chức.
- Tăng số lượng chi nhánh/PGD, trong bối cảnh ứng dụng công nghệ, Ban lãnh đạo Ngân hàng sẽ cân nhắc kỹ về tính hiệu quả so với việc đầu tư công nghệ để tiếp cận Khách hàng tốt hơn.
- Về việc tìm kiếm thêm các Cổ đông nước ngoài, hiện Ngân hàng có Cổ đông chiến lược nước ngoài là Maybank đã gắn bó cùng ABBANK từ 2008 đến nay và sẽ tiếp tục đồng hành cùng Ngân hàng trong tương lai. Sau khi IFC thoái vốn, room nhà đầu tư nước ngoài còn dư địa, khi có cơ hội Ngân hàng cũng sẽ xem xét việc tìm kiếm thêm Cổ đông nước ngoài vì sự phát triển của Ngân hàng và trên cơ sở gia tăng lợi ích cho Cổ đông.
- Thường trực HĐQT trong năm qua đã thường xuyên họp với Ban Điều hành, bám sát tình hình thực tế để xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh; đồng thời cũng nhìn ra các cơ hội phát triển. Ban Lãnh đạo Ngân hàng luôn trân trọng sự tin tưởng và gắn bó của Cổ đông trong suốt nhiều năm qua để lựa chọn và triển khai định hướng, chiến lược phát triển đúng đắn cho Ngân hàng nhằm bảo đảm an toàn vốn, không tăng trưởng nóng, rủi ro bằng mọi giá. Đồng thời, nhận thức rõ yêu cầu của thực tiễn, Ngân hàng cần phải thay đổi, điều chỉnh. Ngân hàng đã thực hiện rà soát sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản nhân sự nhằm tạo tác động tích cực về nhận thức, trách nhiệm và hành động của đội ngũ. Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa yêu cầu công việc và tổ chức bộ máy nhân sự phù hợp đồng thời đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ nhằm mang lại hiệu quả tối ưu. Về tăng vốn điều lệ. Hình thức tăng vốn là từ lợi nhuận chưa phân phối và chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu. Hiện tại, Ngân hàng còn số lợi nhuận chưa phân phối trên 2.300 tỷ đồng năm nay Ngân hàng đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 1.800 tỷ đồng dự kiến cũng sẽ bổ sung thêm một khoản đáng kể nữa làm nguồn tăng vốn (chưa tính quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ).

Phấn đấu trong 2-3 năm tới chúng ta đạt được quy mô tăng trưởng tốt, bộ máy được củng cố hiệu quả cao hơn là các điều kiện tốt để chúng ta thực hiện niềm yết cổ phiếu và thu hút thêm vốn từ Cổ đông và mang lại lợi ích tốt nhất cho Cổ đông.

2) Cổ đông nêu ý kiến:

- Đề nghị Ngân hàng tập trung phát triển khách hàng cá nhân, SME; chuyển đổi số mạnh mẽ, tăng tỷ lệ trải nghiệm dịch vụ không giấy tờ cần đạt trên 40%; triển khai ứng dụng công nghệ AI trong QTRR; tập trung tăng trưởng lĩnh vực tiêu dùng và bán lẻ khách hàng cá nhân và SME; bảo đảm an toàn tài chính, kiểm soát nợ xấu dưới 3%; mở rộng hợp tác đối tác Fintech để đưa ra thêm các sản phẩm như ví điện tử; kiểm soát tốt chi phí hoạt động.

Tổng Giám đốc trả lời:

Đề nghị của cổ đông cũng là những nội dung mà Ngân hàng đang nghiên cứu và triển khai, đặc biệt trong việc tăng tốc thực hiện ngân hàng số, kinh doanh trên nền tảng số và hợp tác đối tác Fintech và đây cũng là các nhóm giải pháp nhằm đạt mục tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2025 bằng 231% so với mức thực hiện năm 2024 như đã trình bày.

3) Cổ đông có ý kiến:

- Cổ đông chúng tôi mong mọi Ngân hàng phải bảo đảm an toàn tài chính trong kinh doanh, có kế hoạch chiến lược phát triển đúng đắn bền vững nhưng chúng tôi cũng mong mọi nhận được cổ tức và tỷ lệ cổ tức bảo đảm cao hơn mức lãi suất ngân hàng. Do vậy đề nghị Ban Lãnh đạo cần có kế hoạch để Ngân hàng có sự phát triển mạnh mẽ hơn và Cổ đông sớm nhận được cổ tức như mong muốn.

Chủ tịch HĐQT chia sẻ, trả lời:

- Ban lãnh đạo Ngân hàng biết ơn các Cổ đông đã tin tưởng, trong đó có nhiều Cổ đông đã kiên trì gắn bó rất lâu với Ngân hàng. Những ý kiến của Cổ đông cũng là trăn trở của Ban Lãnh đạo Ngân hàng. Chúng tôi tin rằng với nền tảng phát triển mà chúng ta đang tạo dựng và với triển vọng tích cực cũng như nỗ lực đang thực hiện, HĐQT sẽ sớm trình ĐHĐCĐ việc chia cổ tức, đáp ứng sự mong mỏi của Cổ đông.

4) Cổ đông hỏi:

- Tỷ lệ nợ xấu tại Ngân hàng không thuộc nhóm thấp (2,48%). Vậy giải pháp xử lý nợ xấu của ABBANK trong năm 2025 thế nào để kéo nợ xấu xuống thấp hơn?

Chủ tịch HĐQT chia sẻ, trả lời:

- Tỷ lệ nợ xấu tại Ngân hàng luôn kiểm soát dưới 3% theo quy định tại mọi thời điểm (tại 31/12/2024 là 2.48%).
- Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng cụ thể đầy đủ cho các khoản nợ xấu, nâng dần cao tỷ lệ bao phủ nợ xấu.
- Năm 2025, Ngân hàng tiếp tục xác định công tác xử lý nợ là một trong các trọng tâm, được triển khai quyết liệt, đồng bộ với mục tiêu kéo tỷ lệ nợ xấu xuống dưới 2%.
- Các nhóm giải pháp kiểm soát và xử lý nợ xấu bao gồm:
 - Kiểm soát nợ xấu phát sinh mới bao gồm: Rà soát, đồng hành với các khách hàng khó khăn để có phương án cấu trúc các khoản nợ sớm, tránh chuyển xấu; nâng cao năng lực đánh giá, nhận diện khách hàng tốt để lựa chọn khách hàng phù hợp; nâng cao chất lượng thẩm định, phê duyệt tín dụng; cảnh báo sớm thông qua công tác quản lý hiện trạng, diễn biến và xu hướng rủi ro của danh mục...
 - Xử lý, thu hồi nợ xấu bao gồm: Tập trung ưu tiên thu tiền mặt, ưu tiên những khoản nợ trọng điểm; sử dụng đồng bộ nhiều giải pháp linh hoạt để nâng cao hiệu quả xử lý nợ; tăng cường và kiện toàn đội ngũ thu hồi xử lý nợ; ban hành và thực thi chính sách thúc đẩy hiệu quả công tác thu hồi nợ, quy trình nội bộ để đẩy nhanh tiến trình xử lý công việc
- Phấn đấu trong năm 2025 không bán thêm nợ cho VAMC.

7. **Biểu quyết về các nội dung nghị sự và bầu thay thế Thành viên HĐQT**

Đại hội đồng Cổ đông đã tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung nghị sự đã được trình bày, thảo luận tại cuộc họp và bầu thay thế 2 thành viên HĐQT (nhiệm kỳ của thành viên được bầu 2025-2027).

V. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

Bà **Lương Thị Thu Trang** – Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố kết quả kiểm Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử của Cổ đông – Chi tiết theo Biên bản Kiểm phiếu đính kèm.

Căn cứ kết quả biểu quyết; căn cứ Khoản 3 Điều 59 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 3 và Điều 148 Luật Doanh nghiệp và các quy định của Điều lệ ABBANK, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua các nội dung sau đây:

1. Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024 (tài liệu đính kèm).
2. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2025, trong đó chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2025 là 1.800 tỷ đồng (tài liệu đính kèm).
3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 của ABBANK đã được kiểm toán; Báo cáo về hoạt động năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025 của HĐQT (các tài liệu đính kèm). Đại hội đồng Cổ đông giao/ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện các nội dung sau đây:
 - a) Quyết định bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh phù hợp với định hướng chiến lược kinh doanh bán lẻ của ABBANK; thực hiện thủ tục, hồ sơ cập nhật bổ sung ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật.
 - b) Xem xét, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế và chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước.

Hội đồng Quản trị có trách nhiệm báo cáo việc thực hiện các nội dung công việc được giao/ủy quyền nêu trên (nếu có phát sinh) cho Đại hội đồng Cổ đông tại phiên họp gần nhất.

4. Thông qua Báo cáo về thẩm định tài chính, hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát (tài liệu đính kèm).

Phê duyệt danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập bao gồm: Công ty TNHH KPMG (KPMG), Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (DELOITTE), Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y), Công ty TNHH PWC VIỆT NAM (PWC). Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn một trong các tổ chức kiểm toán độc lập trong danh sách trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của ABBANK cho năm tài chính 2026.

5. Thông qua Tờ trình của HĐQT về trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2024. Trong đó, trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 10%; quỹ dự phòng tài chính 10%, quỹ khen thưởng phúc lợi 5%. Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ sẽ để lại, chưa phân phối (tài liệu đính kèm).
6. Thông qua Báo cáo của HĐQT về thù lao thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát năm 2024 và đề xuất cho năm 2025 (tài liệu đính kèm).
7. Thông qua Điều lệ ABBANK thay thế cho bản Điều lệ ngày 29/4/2021 và các sửa đổi, bổ sung kèm theo.
8. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát (các tài liệu đính kèm). Giao HĐQT ban hành Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế Hoạt động của HĐQT; giao Ban Kiểm soát ban hành Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát thay thế cho các Quy chế hiện hành.
9. Thông qua Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm (tài liệu đính kèm) đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 143 Luật Các tổ chức tín dụng. Giao/ủy quyền HĐQT điều chỉnh, bổ sung, chi tiết hoá các nội dung của Phương án này phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình thực tế của ABBANK và/hoặc chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quản lý và báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
10. Ghi nhận việc chấm dứt tư cách thành viên HĐQT đối với **Ông John Chong Eng Chuan** do thay đổi người đại diện vốn của Maybank tại ABBANK; thông qua việc miễn nhiệm thành viên độc lập HĐQT đối với **Ông Trần Bá Vinh** có đơn xin từ nhiệm theo nguyện vọng cá nhân.
11. Bầu **Ông Syed Ahmad Taufik Albar** làm thành viên HĐQT và bầu **Ông Trịnh Thanh Hải** làm thành viên độc lập HĐQT ABBANK (nhiệm kỳ của thành viên được bầu: 2025-2027).

VI. BẾ MẠC CUỘC HỌP

Ông **Trần Nam Sơn** - Thư ký đọc dự thảo Biên bản cuộc họp.

Đại hội đồng Cổ đông ABBANK tiến hành biểu quyết thông qua toàn văn nội dung Biên bản với tỉ lệ 100% tán thành.

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của ABBANK đã bế mạc lúc 12h15 cùng ngày.

THƯ KÝ



Trần Nam Sơn

Vũ Phương Duyên



CHỦ TOẠ

Đào Mạnh Kháng

13

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH
MINUTES OF VOTE COUNTING
2025 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
AN BINH COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

(Hà Nội, ngày 18/4/2025 / Hanoi, April 18, 2025)

I. MỤC ĐÍCH, THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM KIỂM PHIẾU / PURPOSE, TIME AND LOCATION OF VOTE COUNTING

1. Mục đích kiểm phiếu: Kiểm phiếu xác định kết quả biểu quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (ABBANK)

Purpose of vote counting: Vote counting to determine the voting results of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of An Binh Commercial Joint Stock Bank (ABBANK).

2. Thời gian kiểm phiếu: Bắt đầu hồi 11 giờ 15 phút ngày 18/4/2025, kết thúc lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày.

Vote counting time: Started at 11:15 AM on April 18, 2025 and ended at 11:30 AM on the same day.

3. Địa điểm kiểm phiếu: Nơi tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của ABBANK tại Hội trường Tầng 4, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Location of counting votes: Place where the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of ABBANK is held at the Hall on the 4th Floor, Geleximco Building, No. 36 Hoang Cau Street, O Cho Dua Ward, Dong Da District, Hanoi City.

II. THÀNH PHẦN BAN KIỂM PHIẾU / THE VOTE COUNTING COMMITTEE

Thành phần Ban Kiểm phiếu được Đại hội đồng Cổ đông bầu ra gồm:

The members of the Vote Counting Committee elected by the General Meeting of Shareholders include:

1. Bà/Mrs. Lương Thị Thu Trang, Trưởng Ban kiểm phiếu / Chairwoman

2. Bà/Mrs. Nguyễn Thị Huyền, Thành viên / Member
3. Bà/Mrs. Nguyễn Thị Hồng Phượng, Thành viên / Member
4. Bà/Mrs. Lương Thị Thảo Uyên, Thành viên/ Member
5. Bà/Mrs. Phạm Ngân Giang, Thành viên/ Member

III. NỘI DUNG PHẠM VI KIỂM PHIẾU / SCOPE OF VOTE COUNTING

Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu đối với các nội dung biểu quyết cụ thể tại:

The Vote Counting Committee conducted the vote counting for voting contents at:

- Phiếu biểu quyết (Phiếu số 1) về việc thông qua các Báo cáo, Tờ trình, Điều lệ, Quy chế, Phương án đã được trình bày theo Chương trình nghị sự của cuộc họp.

Voting slip (Form No. 1) on the approval of Reports, Proposals, Charter, Regulations, and Plans presented according to the agenda of the meeting.

- Phiếu bầu thành viên HĐQT (Phiếu số 2)

Ballot for BOD members (Form No. 2)

IV. KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT / VOTING RESULTS

- Tổng số Cổ đông của ABBANK **26.670** Cổ đông, sở hữu tổng số vốn điều lệ **10.350.367.620.000** (mười nghìn ba trăm năm mươi tỷ, ba trăm sáu mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi nghìn) đồng tương ứng với **1.035.036.762** (một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm sáu mươi hai) cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết.

*Total number of shareholders of ABBANK **26,670** shareholders, owning total charter capital of **10,350,367,620,000** (ten thousand three hundred and fifty billion, three hundred and sixty seven million, six hundred and twenty thousand) VND corresponding to 1,035,036,762 (one billion thirty five million, thirty six thousand, seven hundred and sixty two) common shares with voting rights.*

- Tính đến 10h30, tổng số có **219** cổ đông và người đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông sở hữu **756.841.829** (bảy trăm năm mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, tám trăm hai mươi chín) cổ phần đã có mặt dự họp và tham gia biểu quyết, chiếm tỷ lệ **73,12%** tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của ABBANK.

*As of **10:30am**, a total of **219** shareholders and valid authorized representatives of shareholders owning **756,841,829** (seven hundred fifty six billion, eight hundred forty one million, eight hundred twenty nine) shares were present at the meeting and participated in the vote, accounting for 73.12% of the total number of common shares with voting rights of ABBANK.*

Kết quả kiểm phiếu cụ thể / Detail of vote counting results:

	Số cổ phần biểu quyết Number of voting shares	Tỷ lệ phần trăm trên Số cổ phần tham dự họp (%) Percentage calculated on Number of shares attending the meeting (%)
1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 <i>2024 Business Performance Report</i>		
Đồng ý / Agree	756.787.501	99,9928%
Không đồng ý / Disagree	23.100	0,0031%
Không ý kiến / Abstain	31.028	0,0041%
Không hợp lệ / Invalid	200	0,0000%
2. Kế hoạch kinh doanh năm 2025 <i>Business plan for 2025</i>		
Đồng ý / Agree	756.126.482	99,9055%
Không đồng ý / Disagree	638.487	0,0844%
Không ý kiến / Abstain	76.660	0,0101%
Không hợp lệ / Invalid	200	0,0000%
3. Báo cáo tài chính; Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2024 và định hướng hoạt động 2025 <i>Financial statements; Report of the Board of Directors on activities in 2024 and orientation for activities in 2025</i>		
Đồng ý / Agree	756.734.186	99,9858%
Không đồng ý / Disagree	23.105	0,0031%
Không ý kiến / Abstain	74.028	0,0098%
Không hợp lệ / Invalid	10.510	0,0014%
4. Báo cáo của Ban kiểm soát về thẩm định tài chính, hoạt động năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025 <i>Report of the Board of Supervisors on financial appraisal, the operational in 2024 and Operational Plan in 2025</i>		
Đồng ý / Agree	756.834.974	99,9991%
Không đồng ý / Disagree	5	0,0000%
Không ý kiến / Abstain	6.850	0,0009%
Không hợp lệ / Invalid	0	0,0000%
5. Tờ trình về trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2024		

	Số cổ phần biểu quyết Number of voting shares	Tỷ lệ phần trăm trên Số cổ phần tham dự họp (%) Percentage calculated on Number of shares attending the meeting (%)
Report on fund allocation and profit distribution in 2024		
Đồng ý / Agree	756.064.360	99,8973%
Không đồng ý / Disagree	673.487	0,0890%
Không ý kiến / Abstain	93.472	0,0124%
Không hợp lệ / Invalid	10.510	0,0014%
6. Báo cáo về thù lao thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2024 và đề xuất cho năm 2025 <i>Report on remuneration of members of the Board of Directors and Board of Supervisors in 2024 and proposals for 2025</i>		
Đồng ý / Agree	755.983.375	99,8866%
Không đồng ý / Disagree	650.382	0,0859%
Không ý kiến / Abstain	197.562	0,0261%
Không hợp lệ / Invalid	10.510	0,0014%
7. Điều lệ ABBANK <i>ABBANK's Charter</i>		
Đồng ý / Agree	756.800.291	99,9945%
Không đồng ý / Disagree	0	0,0000%
Không ý kiến / Abstain	31.028	0,0041%
Không hợp lệ / Invalid	10.510	0,0014%
8. Quy chế nội bộ về quản trị <i>Internal Regulation on Governance</i>		
Đồng ý / Agree	756.765.291	99,9899%
Không đồng ý / Disagree	35.000	0,0046%
Không ý kiến / Abstain	31.028	0,0041%
Không hợp lệ / Invalid	10.510	0,0014%
9. Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị <i>Regulation Operation of the Board of Directors</i>		
Đồng ý / Agree	756.800.291	99,9945%
Không đồng ý / Disagree	0	0,0000%

	Số cổ phần biểu quyết Number of voting shares	Tỷ lệ phần trăm trên Số cổ phần tham dự họp (%) Percentage calculated on Number of shares attending the meeting (%)
Không ý kiến / <i>Abstain</i>	31.028	0,0041%
Không hợp lệ / <i>Invalid</i>	10.510	0,0014%
10. Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát <i>Regulation on the Operation of the Board of Supervisors</i>		
Đồng ý / <i>Agree</i>	756.800.291	99,9945%
Không đồng ý / <i>Disagree</i>	0	0,0000%
Không ý kiến / <i>Abstain</i>	31.028	0,0041%
Không hợp lệ / <i>Invalid</i>	10.510	0,0014%
11. Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm theo Điều 143 Luật Các tổ chức tín dụng <i>Proposed remedial plan in case of early intervention according to Article 143 of the Law on Credit Institutions</i>		
Đồng ý / <i>Agree</i>	756.626.391	99,9715%
Không đồng ý / <i>Disagree</i>	0	0,0000%
Không ý kiến / <i>Abstain</i>	204.928	0,0271%
Không hợp lệ / <i>Invalid</i>	10.510	0,0014%
12. Ghi nhận việc chấm dứt tư cách thành viên HĐQT đối với Ông John Chong Eng Chuan do cổ đông Maybank thay đổi người đại diện vốn tại ABBANK; thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và Ông Trần Bá Vinh có đơn xin từ nhiệm theo nguyện vọng cá nhân. <i>Acknowledged the ceasing of the Board of Directors membership of Dato' John Chong Eng Chuan due to the change of Maybank's capital representative at ABBANK; approved the dismissal of Mr. Tran Ba Vinh as an independent member of the Board of Directors who submitted his resignation letter according to his personal wishes.</i>		
Đồng ý / <i>Agree</i>	756.691.053	99,9801%
Không đồng ý / <i>Disagree</i>	0	0,0000%
Không ý kiến / <i>Abstain</i>	150.576	0,0199%
Không hợp lệ / <i>Invalid</i>	200	0,0000%
13. Bầu ông Syed Ahmad Taufik Albar làm thành viên HĐQT (nhiệm kỳ thành viên 2025-2027) <i>Elect Mr. Syed Ahmad Taufik Albar as the BOD member (term of membership 2025-2027)</i>		

		Số cổ phần biểu quyết Number of voting shares	Tỷ lệ phần trăm trên Số cổ phần tham dự họp (%) Percentage calculated on Number of shares attending the meeting (%)
TT No.	Họ tên ứng viên Candidate's full names	Số phiếu bầu cho ứng viên / Number of votes for candidate	Ghi chú Notes
1	Ông/Mr. Syed Ahmad Taufik Albar	756.841.729	
14. Bầu ông Trịnh Thanh Hải làm thành viên độc lập HĐQT (nhiệm kỳ thành viên 2025-2027) <i>Elect Mr. Trinh Thanh Hai as the BOD independent member (term of membership 2025-2027)</i>			
TT No.	Họ tên ứng viên Candidate's full names	Số phiếu bầu cho ứng viên / Number of votes for candidate	Ghi chú Notes
1	Ông/Mr. Trịnh Thanh Hải	756.841.729	

V. CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT ĐÃ ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA

- Căn cứ Khoản 3 Điều 59 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 3 và Điều 148 Luật Doanh nghiệp và các quy định của Điều lệ ABBANK, đối với tất cả các vấn đề được đưa ra biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2025, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua nếu được cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, riêng việc bầu thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.

Pursuant to Clause 3, Article 59 of the Law on Credit Institutions; Article 3 and Article 148 of the Law on Enterprises and the provisions of ABBANK's Charter, for all contents to be voted on at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders, the Resolution of the General Meeting of Shareholders shall be passed if approved by shareholders representing more than 50% of the total number of votes of all shareholders attending the meeting, except for the election of members of the Board of Directors and members of the Board of Supervisors, which shall be carried out by cumulative voting.

- Căn cứ kết quả kiểm phiếu biểu quyết được báo cáo trên đây,

Based on the voting results reported above,

Tất cả các nội dung được đưa ra biểu quyết đã thoả mãn điều kiện quy định về số phiếu tối thiểu để được thông qua. Theo đó, Đại hội đồng Cổ đông ABBANK đã thông qua toàn bộ các nội dung được đưa ra biểu quyết và đã bầu thay thế 2 thành viên HĐQT tại cuộc họp thường niên năm 2025.

All the contents submitted for voting have satisfied the conditions prescribed for the minimum number of votes to be passed. Accordingly, the ABBANK's General Meeting of Shareholders has approved all the contents proposed for voting and elected to replace 2 members of the Board of Directors at the 2025 annual meeting.

Biên bản kiểm phiếu này được lập và thông qua trước toàn thể các Thành viên Ban Kiểm phiếu ngay sau khi việc kiểm phiếu kết thúc.

This vote counting minutes is prepared and approved by all members of the Vote Counting Committee immediately after the vote counting is completed.

Biên bản kiểm phiếu này được lập thành một bản chính, đã được các Thành viên Ban Kiểm phiếu ký tên xác nhận và được công bố công khai tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

This vote counting minutes is made into one original copy, signed and confirmed by the members of the Vote Counting Committee and publicly announced at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.

CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU
SIGNATURES OF MEMBERS OF THE VOTE COUNTING COMMITTEE

Trưởng Ban Kiểm phiếu / Chairwoman of the Committee



Lương Thị Thu Trang

Các thành viên / Members



Nguyễn Thị Huyền



Nguyễn Thị Hồng Phượng



Lương Thị Thảo Uyên



Phạm Ngân Giang



BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2024



Thông tin
Đại hội đồng cổ đông



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐÃ THÔNG QUA VĂN BẢN NÀY
GENERAL SHAREHOLDERS MEETING APPROVED THIS DOCUMENT

Vào ngày / on the date: **18-04-2025**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

(Trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025)

A. BÁO CÁO TỔNG QUAN

I. Tổng quan thị trường năm 2024

Năm 2024, kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi chậm sau Covid-19, tuy nhiên vẫn gặp một số ảnh hưởng tiêu cực từ các xung đột địa chính trị như cuộc chiến tại Ukraine và tình hình bất ổn tại Trung Đông. Lạm phát hạ nhiệt thúc đẩy các ngân hàng trung ương tại các nền kinh tế lớn hạ lãi suất vào nửa cuối năm 2024. Giá cả hàng hóa thế giới hạ nhiệt, chính sách tài chính tiền tệ từng bước được nới lỏng. Tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2024 được IMF dự kiến đạt 3,2% giảm nhẹ so với 3,3% năm 2023.

Kinh tế Việt Nam diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới dần phục hồi, thương mại toàn cầu vẫn bấp bênh, đối mặt với nhiều rủi ro, bất định. Không tránh khỏi tác động từ các nền kinh tế lớn cũng là thị trường xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam nói chung, cùng với đó, nhu cầu trong nước cũng đang yếu đi nên tăng trưởng kinh tế 2024 của Việt Nam đạt 7,09%. Những yếu tố chính tác động tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2024:

- Động lực tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2024 phụ thuộc vào kim ngạch xuất khẩu, vốn đầu tư ngoài nhà nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Tuy nhiên, việc giải ngân vốn đầu tư công còn khá chậm, đạt 548,6 nghìn tỷ đồng đạt 72,9% kế hoạch thấp hơn tỷ lệ 82,47% của năm 2023.
- Lĩnh vực chế biến, chế tạo: Chỉ số PMI chế biến, chế tạo đã giảm xuống dưới 50 điểm trong tháng 12, kết quả cho thấy các điều kiện kinh doanh tổng thể đã suy giảm nhẹ vào thời điểm cuối năm do áp lực lạm phát tăng lên trong tháng 12 với cả chi phí đầu vào và giá cả đầu ra tăng với tốc độ nhanh hơn so với tháng 1.
- Lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt là trong các lĩnh vực như thương mại bán lẻ, lưu trú, dịch vụ ăn uống, giải trí và vận tải hành khách tăng trưởng khá nhờ sự lan tỏa của du lịch khôi phục trong năm. Lĩnh vực logistics cũng được tăng cường nhờ hệ thống hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, cảng hàng không, cảng biển được đầu tư mới và mở rộng;

- FDI thực hiện tại Việt Nam trong năm 2024 ước đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước. Giải ngân vốn FDI đang ở mức cao nhất từ trước đến nay, đây sẽ là dòng vốn quan trọng đóng góp vào tự tăng trưởng của nền kinh tế bên cạnh vốn đầu tư công bởi hiện đầu tư tư nhân rất thấp;
- Hoạt động của doanh nghiệp: Tính chung trong năm 2024, cả nước có hơn 233,4 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 7,1% so với năm 2023 và gấp 1,2 lần số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Bình quân một tháng có gần 19,5 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động và 16,5 nghìn doanh nghiệp rút khỏi thị trường.

Trong năm 2024, nhiều ngân hàng đã có những cải thiện trong việc kiểm soát nợ xấu. So sánh với giai đoạn 2022-2023, tốc độ hình thành nợ xấu đã giảm rõ rệt. Cụ thể, trong năm 2022, nợ xấu tăng gần 36% so với năm trước, năm 2023 mức tăng tiếp tục lên đến 45%. Tuy nhiên, đến năm 2024, tốc độ tăng trưởng nợ xấu đã bắt đầu hạ nhiệt, chỉ còn 15,85%.

II. Tổng quan kết quả kinh doanh

Năm 2024, Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK) đã đạt được những kết quả tích cực trong việc tăng trưởng quy mô toàn hàng, các tỷ lệ an toàn đều được kiểm soát tốt theo quy định của NHNN. Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế của ABBANK chưa đạt kế hoạch đề ra.

Với định hướng chiến lược là ngân hàng bán lẻ, các kế hoạch hành động nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng cá nhân (KHCH) và khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) được ABBANK chú trọng lên kế hoạch ngay từ đầu năm 2024. ABBANK đã ghi nhận tăng trưởng số lượng khách hàng ở cả hai nhóm phân khúc khách hàng KHCH và SME, quy mô giao dịch trên kênh số cũng ghi nhận sự tăng trưởng phù hợp với xu thế chuyển đổi số trên thị trường.

Đơn vị: tỷ đồng, %

Chỉ tiêu		Thực hiện		KH	Sv TH	Sv KH
		2024	2023	2024	2023 %	2024 %
Quy mô	Tổng tài sản	176.619	161.977	170.000	109%	104%
	Dư nợ tín dụng	110.099	102.448	116.272	107%	95%
	Huy động khách hàng và phát hành giấy tờ có giá	109.960	115.654	113.349	95%	97%
Hiệu quả	LNTT	779	513	1.000	152%	78%
	Tỷ lệ thu phí dịch vụ và bảo lãnh trên tổng thu nhập	14,53%	21,30%	13,66%	-6,77%	+0,87%
Chất lượng	NPL	2,48%	2,17%	<3%	+0,31%	
	Tỷ lệ bao phủ nợ xấu	49,99%	52,48%		-2,49%	
	CAR	9,99%	11,07%	>8%	-1,08%	
	LDR	68,02%	68,39%	<85%	-0,37%	
Khách hàng	Số lượng KHCN và SME	2.267.786	2.117.097		107%	
	Số lượng giao dịch trên kênh số	52.527.379	30.883.546		170%	

Tổng Giám đốc trân trọng báo cáo và kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 của ABBANK.

TM. NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH
TỔNG GIÁM ĐỐC


Phạm Duy Hiếu

B. BÁO CÁO CHI TIẾT

I. Kết quả kinh doanh

1. Hoạt động mảng Khách hàng cá nhân

So với năm 2023, số lượng khách hàng cá nhân tiếp tục tăng trưởng đạt 2.227.115 khách hàng, tương đương mức 107%. Cùng với đó huy động không kỳ hạn đạt 4.406 tỷ đồng, đạt 107% so với năm 2023 dựa trên các hành động số hóa sản phẩm thanh toán như thanh toán qua mã QR, thanh toán hóa đơn phí dịch vụ tự động, mở tài khoản số đẹp, lì xì may mắn qua App...

Đồng thời ABBANK triển khai các dự án nâng cấp hệ thống nền tảng để nâng cao trải nghiệm, tăng cường bảo mật giao dịch cho khách hàng như:

- Nâng cấp công nghệ eKYC, đảm bảo tích hợp dữ liệu dân cư quốc gia: xác thực căn cước công dân gắn chip, phòng ngừa rủi ro khi mở tài khoản online, tăng độ bảo mật giao dịch...
- Liên tục nâng cấp, tăng hiệu năng cho các chức năng lõi của hệ thống thẻ/ hệ thống mobile banking đảm bảo tính liên tục cho dịch vụ thẻ, dịch vụ thanh toán, chuyển khoản đa kênh. Triển khai các chức năng tiện ích như mở tài khoản số đẹp online, kết nối các đối tác...

Huy động có kỳ hạn thu được nhiều kết quả ở các mục tiêu chính như: khuyến khích khách hàng gửi tiết kiệm online thông qua nhiều chính sách ưu đãi hấp dẫn hơn so với gửi tại quầy (tỉ lệ gửi tiết kiệm online đạt 39%), số dư có kỳ hạn từ 6 tháng đến 9 tháng tăng trưởng mạnh trong năm 2024. Các sản phẩm huy động được thiết kế, điều chỉnh nâng cao tính đa dạng, linh hoạt, chuyên biệt theo hướng lấy khách hàng làm trọng tâm.

Năm 2024, các sản phẩm tín dụng tiếp tục được rà soát và cải tiến nhằm đáp ứng nhu cầu tín dụng cho các mục đích và phân khúc khách hàng cơ bản, đồng thời chú trọng vào việc nghiên cứu sâu về thị trường và các phân khúc khách hàng đặc thù, tập trung phát triển các giải pháp tín dụng phù hợp với từng phân khúc và chân dung khách hàng, mang đến trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng bằng cách liên tục cải tiến và tối ưu hóa các quy trình để phù hợp với thực tiễn, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, nhưng vẫn đảm bảo các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu rủi ro tín dụng cho Ngân hàng.

2. Hoạt động mảng Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ

Năm 2024, các chỉ số quy mô mảng Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ đều tăng trưởng mạnh mẽ, cụ thể: tăng ròng dư nợ 6.332 tỷ, tăng ròng huy động 327 tỷ. Tổng thu nhập hoạt động đạt 657 tỷ, trong đó thu nhập từ hoạt động cho vay chiếm 52%, phù hợp định hướng 2024 tập trung tăng trưởng quy mô tín dụng.

Động lực tăng trưởng thu nhập đến từ tăng trưởng số lượng khách hàng mở mới và khách hàng cấp hạn mức tín dụng mới, lần lượt là 2.178 và 306 khách hàng, trong đó, tập trung cấp hạn mức tín dụng mới cho khách hàng từ phân khúc SME trở lên. ABBANK đẩy mạnh am hiểu khách hàng và có giải pháp tài chính phù hợp cho khách hàng theo ngành nghề kinh doanh cụ thể và tài trợ chuỗi (*Nhà thầu Xây lắp vốn Ngân sách nhà nước; Doanh nghiệp Dược, Vật tư & Trang thiết bị y tế; Đại lý vé máy bay Vietnamairlines*).

ABBANK nỗ lực cung cấp đến khách hàng tiện ích Ngân hàng số ABBANK Business. Kể từ khi được chính thức ra mắt vào cuối tháng 5 năm 2024, khách hàng được chuyển dịch sang nền tảng ABBANK Business với tỷ lệ sử dụng tích cực, lần lượt là 70% với khách hàng mới và 55% với khách hàng hiện hữu. Tính năng chuyển tiền quốc tế mới ra mắt tháng 12 năm 2024, giúp chuyển dịch 14% giao dịch chuyển tiền quốc tế từ offline lên online.

3. Hoạt động Ngân hàng bán buôn

Tổng thu nhập hoạt động tăng 29% so với 2023. Điểm sáng thể hiện ở việc nắm bắt biến động của thị trường, cung cấp các giải pháp may đo theo nhu cầu thực tế của khách hàng, gia tăng hiệu quả hoạt động đầu tư, kinh doanh chứng khoán, tăng thu nhập phí thuần từ các dịch vụ: quản lý tiền tệ và thanh toán, thư tín dụng trả chậm (UPAS LC), bảo lãnh và cam kết thu xếp tài chính,

Năm 2024 đánh dấu bước chuyển đổi số mạnh mẽ cùng với việc tập trung vào các giải pháp công nghệ cao, thanh toán không dùng tiền mặt, hỗ trợ các giao dịch từ xa, tăng tiện ích cho Khách hàng như: hệ thống thanh toán điện tử (epayment) kết nối trực tiếp với EVN, xây dựng hệ thống xác thực và ký số tập trung, thu hộ qua tài khoản ảo (Virtual Account), thanh toán điện tử song phương với Kho bạc Nhà nước, thu phí hạ tầng cảng biển, ra mắt hệ thống giao dịch đa kênh mới, hiện đại - Omni channel trên cả nền tảng web và App an toàn, bảo mật song song với các tính năng mới liên tục được cập nhật.

4. Hoạt động chuyển đổi số

Trong năm 2024, ABBANK tiếp tục định hướng kinh doanh theo phương châm lấy khách hàng làm trọng tâm và đã đạt được nhiều dấu mốc quan trọng trong các dự án chiến lược về ngân hàng số, bằng việc triển khai thành công OmniChannel KHDN và OmniChannel KHCN đều trong 9 tháng hoàn toàn bằng nguồn lực nội bộ, với số lượng nguồn lực dành cho dự án bằng 1/3 so với các ngân hàng khác:

- Tháng 06/2024, đã chính thức cung cấp tới Khách hàng Doanh nghiệp nền tảng giao dịch số hoàn toàn mới **ABBANK Business** trên nền tảng công nghệ tiên tiến, trải nghiệm ưu việt, thông tin bảo mật đa tầng (bao gồm cả phương thức bảo mật theo chuẩn FIDO và bảo mật qua 2 lớp xác thực), giúp khách hàng giao

dịch 24/7 trên mọi nền tảng (Mobile và Web), cung cấp các dịch vụ thiết thực tới nhu cầu của khách hàng như chuyển tiền quốc tế trực tuyến một cách nhanh chóng và đơn giản, tích hợp hệ thống trợ lý số trên nền tảng ứng dụng để luôn nhắc nhở, thông báo tới khách hàng mọi khoản thanh toán đến hạn,...

- Tháng 12/2024, ứng dụng ngân hàng số dành cho Khách hàng Cá nhân (mang tên ABBANK) cũng được chính thức ra mắt, từng bước được chuyển đổi tập khách hàng lên nền tảng ngân hàng số mới để dần thay thế cho ứng dụng ABDitizen.
- Hoàn thành việc triển khai các giải pháp hỗ trợ sinh trắc học tại quầy cho 165 đơn vị, chi nhánh;
- Ngoài ra, ABBANK đã liên tục cập nhật nền tảng để đáp ứng các thông tư, quy định của cơ quan quản lý nhà nước, nhằm duy trì sự liên tục trong giao dịch của khách hàng cũng như đáp ứng được các yêu cầu về an toàn giao dịch và bảo mật thông tin trong giao dịch trực tuyến của cơ quan quản lý.
- Đồng thời, nhằm tăng cường trải nghiệm cho khách hàng sử dụng nền tảng số trong giao dịch, ABBANK cũng đang thực hiện dự án kết nối trực tiếp hệ thống OmniChannel với Trung tâm Nghiên cứu - Ứng dụng dữ liệu dân cư và Căn cước công dân (RAR) thuộc Bộ Công An.

Với những kết quả đạt được từ đầu tư vào nền tảng số, năm 2024, ABBANK đã ghi nhận được sự tăng trưởng đáng kể trên kênh số ở nhiều chỉ số quan trọng khác nhau, cụ thể:

- Với mảng KHCN:
 - Số lượng khách hàng trên kênh số tăng trưởng 11,6%
 - Tổng số lượng giao dịch trên kênh số tăng trưởng 70%
 - Số dư tiền gửi tiết kiệm trực tuyến cuối kỳ tăng trưởng 95%
- Với mảng KHDN:
 - Số lượng khách hàng trên kênh số tăng trưởng 40,9%
 - Tổng số lượng giao dịch trên kênh số tăng trưởng 141%
 - Tỷ trọng giao dịch trên kênh số đạt 52%, tăng trưởng 58%
 - Số lượng giao dịch chuyển tiền quốc tế online lần đầu tiên đạt mốc 6.000 giao dịch dù chỉ mới ra mắt 2 tháng cuối năm 2024

5. Hoạt động Nguồn vốn

Trên thị trường Trái phiếu Chính phủ, ABBANK là thành viên tích cực giao dịch và tham gia đóng góp vào sự phát triển của thị trường chung. Trong năm 2024, ABBANK đã phát hành thành công 3.000 tỷ đồng mệnh giá trái phiếu kỳ hạn 2-3 năm, lãi suất 5-6%/năm, nhằm đáp ứng nhu cầu vốn và đa dạng hóa kênh huy động trên thị trường.

Ngoài ra, ABBANK liên tục chủ động rà soát, đánh giá lại toàn bộ hiệu quả của danh mục đầu tư, góp vốn, đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển của Ngân hàng.

6. Khả năng thanh khoản và các tỷ lệ an toàn khác

Quý 1 đầu năm 2024, thanh khoản thị trường dồi dào mặt bằng lãi suất trên thị trường liên ngân hàng duy trì ở mức thấp 0%-3%. Tuy nhiên trước áp lực về tỷ giá cùng với dư nợ cho vay tăng khiến mặt bằng lãi suất tăng mạnh lên 4%-6% kể từ đầu quý 2/2024 và duy trì quanh mức trung bình 4-4,5% cho đến hết năm. Về lãi suất điều hành, NHNN tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành (từ tháng 06/2023 đến nay) trong bối cảnh lãi suất thế giới vẫn neo ở mức cao, linh hoạt điều chỉnh lãi suất OMO (tăng dần từ 4% lên 4,5% thời điểm giữa năm và điều chỉnh giảm về 4,0% kể từ tháng 8/2024 cho đến hết năm) nhằm đảm bảo thanh khoản cho TCTD qua đó có điều kiện để hỗ trợ nền kinh tế. ABBANK luôn chủ động bám sát việc điều hành chính sách tiền tệ của NHNN và đảm bảo nguồn huy động ổn định trên cả 2 thị trường, duy trì tỷ lệ khả năng chi trả đối với từng loại đồng tiền của ABBANK luôn cao hơn mức quy định của NHNN.

Cùng với đó, các kịch bản về dòng tiền được xây dựng, dự phóng hàng ngày, làm căn cứ cho việc quản lý thanh khoản, cân đối nguồn vốn. Diễn biến lãi suất trên các thị trường được theo dõi chặt chẽ hàng ngày, lãi suất nội bộ được áp dụng theo cơ chế mới và được điều chỉnh kịp thời.

7. Công tác xử lý nợ

Kết quả xử lý – thu hồi nợ xấu, nợ có vấn đề đến 31/12/2024 như sau:

Đvt: Tỷ đồng

Thu tiền mặt		Thu tài sản quy đổi	Kết quả xử lý nợ khác	Tổng thu
Thu gốc	Thu lãi			
2.725	270	235	763	3.994

Năm 2024, ABBANK đã xử lý, thu hồi được **3.994 tỷ đồng** nợ xấu và nợ có vấn đề, tăng 34% so với năm 2023 và đóng góp vào thu nhập toàn hàng **647 tỷ đồng**. Kết quả rất tích cực này còn góp phần làm giảm tỷ lệ nợ xấu, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh chung của ABBANK. Cụ thể, tỷ lệ nợ xấu nội bảng tại 31/12/2024 được khống chế ở mức 2,48%, đảm bảo dưới 3% theo đúng quy định của Ngân hàng nhà nước.

8. Chất lượng nợ cho vay

Trong năm 2024, ABBANK luôn kiểm soát tỷ lệ nợ xấu dưới 3% theo quy định của Ngân hàng nhà nước. Tại thời điểm 31/12/2024, tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 31/2024/TT-NHNN là 2,48%, tăng 0,31% so với thời điểm 31/12/2023. Dư nợ xấu

tăng **834 tỷ đồng** so với 31/12/2023 tại ABBANK, cùng xu hướng tăng nợ xấu toàn ngành ngân hàng. Nguyên nhân nợ xấu của ABBANK cũng do phần nhiều tác động chung của nền kinh tế như: Kinh tế toàn cầu cũng như trong nước biến động; Thị trường Bất động sản chưa hồi phục, Tác động của thiên tai như bão Yagi... Nợ xấu tập trung chủ yếu ở phân khúc Khách hàng cá nhân và phân khúc Doanh nghiệp vừa và nhỏ, là các phân khúc dễ chịu tác động của biến động thị trường.

Từ năm 2024 đến nay, ABBANK vẫn đang tiếp tục chuẩn hóa quy trình cấp tín dụng, kiện toàn hệ thống văn bản tín dụng... nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và trải nghiệm khách hàng, đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục, rút ngắn thời gian xử lý và quản trị rủi ro. Tỷ lệ nợ xấu của các khoản vay giải ngân mới trong năm 2024 ở mức thấp.

Chất lượng nợ của phân khúc Ngân hàng bán buôn tốt do không phát sinh nợ xấu trong năm 2024 đi kèm tốc độ tăng trưởng đáng kể.

Trong năm 2024, ABBANK đã thực hiện trích lập dự phòng chung và cụ thể đầy đủ theo quy định của NHNN và Nghị định của Chính phủ, duy trì tỷ lệ bao phủ nợ xấu ở mức cao nhất trên cơ sở điều kiện và tiềm lực tài chính của Ngân hàng, cụ thể:

- Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tại 31/12/2024:
 - Dự phòng cụ thể: 1.106,16 tỷ đồng
 - Dự phòng chung: 809,07 tỷ đồng
 - Tỷ lệ bao phủ nợ xấu: 50%
- Sử dụng dự phòng để Xử lý rủi ro trong năm 2024: 70,98 tỷ đồng
- Bán nợ VAMC trong năm 2024: 1.806,35 tỷ đồng

II. Kết quả về vận hành – tổ chức

1. Quản trị rủi ro

ABBANK đã hoàn thiện khung QTRR theo yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN, Khẩu vị rủi ro, các chính sách, quy định về các rủi ro trọng yếu đã hoàn thiện và được rà soát cập nhật hằng năm phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh cũng như công tác hiệu chỉnh cơ cấu tổ chức. Ngân hàng áp dụng rõ ràng nguyên tắc độc lập giữa các tuyến bảo vệ cũng như áp dụng mô hình phân công trách nhiệm (RACI) nhằm tăng cường hiệu quả và chất lượng trong công tác quản trị.

ABBANK tiếp tục triển khai và giám sát Khẩu vị rủi ro, cập nhật định kỳ các chính sách, quy định về các rủi ro trọng yếu để đảm bảo tính phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh cũng như công tác hiệu chỉnh cơ cấu tổ chức.

Công tác giám sát rủi ro chủ động nhằm nhận diện, ghi nhận sớm các dấu hiệu đáng ngờ trong hành vi giao dịch của khách hàng được đặc biệt chú trọng, các biện pháp kiểm soát rủi ro từ yếu tố con người, hệ thống và quy trình được kiện toàn nhằm nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro.

Hoạt động duy trì kinh doanh liên tục (BCP) được tổ chức triển khai thường xuyên thông qua công tác diễn tập thực địa và hoàn thiện các quy trình ứng phó sự cố trong ngân hàng. Trong năm 2025, hoạt động này sẽ tiếp tục được đẩy mạnh nhằm kiểm soát tốt hơn các nguy cơ có thể gây ảnh hưởng đến sự cố thanh khoản.

ABBANK đã phát triển và luôn ưu tiên xây dựng các mô hình định lượng rủi ro giúp công tác ra quyết định có độ chính xác cao, giảm dần việc ra quyết định dựa trên yếu tố định tính. Trong năm 2024, ABBANK đã triển khai và áp dụng mô hình thể B trong công tác phê duyệt đối với khách hàng hiện hữu đồng thời thực hiện dự báo rủi ro tín dụng cho toàn bộ các phân khúc khách hàng SME và KHCN. Năm 2025 ABBANK tiếp tục áp dụng thể A trong công tác phê duyệt đối với khách hàng cấp tín dụng, xây dựng các mô hình theo chuẩn IFRS dự kiến áp dụng trong chuẩn mực báo cáo tài chính IFRS. Đồng thời ABBANK tích cực triển khai các cấu phần của Basel III nhằm từng bước tiến tới cấp độ cao hơn trong QTRR.

2. Công nghệ ngân hàng

Năm 2024 ABBANK tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ phục vụ cho mục tiêu chuyển đổi số, cụ thể:

- Hệ thống các phần mềm ứng dụng tại ABBANK đã cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động và quản trị của ABBANK bao gồm phát triển sản phẩm/dịch vụ cung cấp cho khách hàng, hỗ trợ các hoạt động kinh doanh cũng như quản trị rủi ro và tài chính, hành chính, báo cáo/tuân thủ...
- Năm 2024, Ngân hàng tiếp tục vận hành và khai thác hiệu quả nhóm giải pháp hỗ trợ hoạt động tín dụng bao gồm: hệ thống LOS đã tích hợp với hệ thống chấm điểm tín dụng KHCN và thông tin CIC, phần mềm nhắc nợ và quản lý nợ. Nhóm giải pháp quản trị nội bộ bao gồm hóa đơn điện tử (E-Invoice) phục vụ nghiệp vụ Kế toán, trang truyền thông nội bộ về Quản trị rủi ro tại ABBANK, ứng dụng Quản lý định danh – IDM, Văn phòng điện tử, Đăng ký giao dịch áp dụng công nghệ số tại ABBANK, hệ thống tính toán tài sản có rủi ro - RWA, Khung quản trị dữ liệu (Data Governance) toàn hàng và các ứng dụng lõi đang hoạt động; bộ công cụ DevSecOps giúp ABBANK tự động hóa quy trình chuyển giao ứng dụng góp phần đưa sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng nhanh và liên tục; kiến trúc Microservices và hệ thống lớp giữa ESB/API hiện đại giúp Ngân hàng sẵn sàng cho việc triển khai Open Banking cung cấp dịch vụ tài chính tới khách hàng.
- Ngân hàng cũng đã tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng với những hành trình hiện đại và tiện dụng cho khách hàng trên ứng dụng ABBANK Mobile do ABBANK tự phát triển thay thế ứng dụng ABDitizen; chính thức đưa ứng dụng ABBANK Business phục vụ khách hàng Doanh nghiệp ra thị trường; nâng cấp thành công hệ thống thẻ và đặc biệt chú trọng hoàn thành các giải pháp bảo mật,

an ninh thông tin như nâng cấp hệ thống SIEM và giải pháp điều tra tự động đáp trả tấn công (SOAR), hệ thống tường lửa cho hệ thống cơ sở dữ liệu, giải pháp mô phỏng tấn công và chủ động ngăn chặn vi phạm bảo mật,

- ABBANK tập trung cải tiến, tinh giản quy trình theo hướng lấy khách hàng làm trọng tâm, tăng năng suất lao động bằng việc ứng dụng công nghệ, tăng tỷ lệ tự động hóa trong khâu vận hành; tăng cường ứng dụng CNTT vào điều hành và quản lý, phân tích và phòng ngừa rủi ro, đồng thời đầu tư và có giải pháp phù hợp đảm bảo an ninh an toàn thông tin.

3. Phát triển mạng lưới

Tính đến ngày 31/12/2024, mạng lưới ABBANK có tổng cộng 165 điểm giao dịch, bao gồm 35 chi nhánh và 130 phòng giao dịch trên 34 tỉnh/thành trong cả nước. Năm 2024, ABBANK tiếp tục đầu tư cải tạo cơ sở vật chất, lắp đặt bảng biển với các chất liệu cao cấp, thiết kế hiện đại tại các điểm giao dịch nhằm nâng cao nhận diện thương hiệu và mang đến trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Về công tác phát triển mạng lưới giao dịch, ABBANK tập trung rà soát và nâng cao hiệu quả của mạng lưới các chi nhánh và phòng giao dịch hiện hữu trước khi triển khai kế hoạch mở mới theo định hướng từ NHNN.

4. Hoạt động thương hiệu

Năm 2024, ABBANK tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các hoạt động cộng đồng hướng đến mục tiêu phát triển bền vững tập trung vào 03 lĩnh vực Môi trường – Giáo dục – Y tế với các sáng kiến CSR được triển khai đều đặn mỗi quý với nhiều hình thức sáng tạo và tác động tích cực bền vững. Tết An Bình 2024 kêu gọi sự cùng tham gia của khách hàng, cộng đồng và CBNV chung tay hỗ trợ 50.000 cây gỗ lớn, bằng tổng 4 năm trước cộng lại. Chiến dịch “Hành trình vạn dặm – Ươm ngàn Ước mơ” kết hợp thúc đẩy phát triển văn hóa doanh nghiệp và phụng sự cộng đồng thành công gây quỹ xây công trình trọng điểm cho trẻ em Sơn La. Các hoạt động trao quà, hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn, thiên tai, bão lũ được triển khai kịp thời, trách nhiệm.

Trong năm 2024, ABBANK cũng đã đồng loạt chuẩn hóa hình ảnh thương hiệu, xác định và đồng bộ Sản phẩm Dịch vụ trọng tâm tại các Chi nhánh theo Bộ nhận diện thương hiệu.

ABBANK cũng đẩy mạnh phát triển kênh sở hữu, tăng cường cả số lượng và chất lượng nội dung tiếp thị và thương hiệu trên nhiều kênh số như Website, Facebook, Instagram, Zalo, Youtube..., Đặc biệt, kênh Facebook tăng trưởng 2,3 lần về số lượng khách hàng theo dõi, tăng 3,4 lần về lượng tiếp cận của khách hàng, về kênh Website đạt gần 1 triệu người xem mới, tăng trưởng 5% so với 2023.

Năm 2024 cũng đánh dấu xây dựng năng lực tiếp cận khách hàng qua các kênh digital dựa trên phân tích dữ liệu khách hàng về nhu cầu tài chính. Việc này đồng thời giúp tối ưu chi phí và hiệu quả tiếp cận khách hàng tăng hơn 30%.

5. Quản trị nguồn nhân lực

ABBANK luôn quan điểm nguồn nhân lực chất lượng là yếu tố quyết định hàng đầu cho sự thành công bền vững của Ngân hàng. Vì vậy trong năm 2024 ABBANK đã dành nhiều tâm huyết đối với công tác tuyển dụng, đào tạo phát triển và giữ chân nhân sự có tố chất, kỹ năng và giàu kinh nghiệm.

- **Tuyển dụng và thu hút nhân tài:** Ngoài việc đáp ứng nhân sự chất lượng cho hoạt động kinh doanh hằng ngày, một trong những ưu tiên hàng đầu của ABBANK trong năm 2024 là mở rộng hợp tác với các trường đại học uy tín để phát triển đội ngũ nhân sự trẻ.
- **Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:** Năm 2024 đánh dấu là một năm sôi nổi của hoạt động đào tạo với hơn 600 khóa học được tổ chức, hơn 46.000 lượt học viên tham gia. Cùng với sự hỗ trợ của hệ thống học tập trực tuyến lần đầu tiên được ra mắt vào Quý 2/2024, hoạt động đào tạo đã có sự thay đổi mạnh mẽ theo định hướng chiến lược của Ngân hàng.
- **Chương trình “Nâng cao năng lực quản lý và lãnh đạo – ABB Excel Leadership – ABBELL”:** Chương trình ABBELL là lời khẳng định mạnh mẽ cho cam kết xây dựng đội ngũ lãnh đạo ưu tú và xuất sắc và đưa ABBANK vươn xa hơn trên con đường chinh phục những đỉnh cao mới. Chương trình ABBELL Khóa I đã được triển khai với 50 học viên đầu tiên thuộc đội ngũ quản lý các cấp được tuyển chọn, phỏng vấn kỹ lưỡng từ các Đơn vị kinh doanh và Khối/Ban Hội sở của ABBANK.
- **Chính sách nguồn nhân lực và quan hệ lao động**
 - Với định hướng của ABBANK là trở thành tổ chức hướng đến hiệu quả, chế độ lương thưởng của ABBANK được gắn liền với năng lực, thành tích, mức độ đóng góp của cá nhân trong tương quan hiệu quả chung của đơn vị và Ngân hàng, đảm bảo cơ hội bình đẳng, công bằng cho tất cả nhân sự.
 - ABBANK luôn chú trọng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở và hướng đến hiệu quả, minh bạch và trách nhiệm cao của toàn thể CBNV. Mỗi CBNV ABBANK đều có cơ hội được trải nghiệm những công việc phù hợp với năng lực chuyên môn, được tạo mọi điều kiện đóng góp các sáng kiến của mình nhằm liên tục cải thiện chất lượng và hiệu quả công việc, góp phần gia tăng năng suất lao động và thúc đẩy các hoạt động kinh doanh của ABBANK

6. Lộ trình chuyển đổi năm 2024 và các bước chuẩn bị cho 2025

Trong năm 2024 – năm thứ hai của Giai đoạn chuyển đổi 5 năm (2024-2028), ABBANK tiếp tục tập trung triển khai các sáng kiến chiến lược và dự án nhằm hỗ trợ kinh doanh, vận hành, quản trị nội bộ cũng như nâng cao năng lực hạ tầng công nghệ. Cụ thể:

STT	TÊN DỰ ÁN	HIỆN TRẠNG
Các dự án công nghệ đã triển khai trong năm 2024		
1	Triển khai nền tảng số OmniChannel cho KHCN và KHDN	Nền tảng ABBANK Business (KHDN) đã được triển khai chính thức tới toàn bộ Khách hàng từ tháng 5/2024 Ứng dụng ABBANK (KHCN) đã đưa vào sử dụng cho nhóm khách hàng nội bộ; triển khai tới toàn bộ Khách hàng trong Quý 2/2025.
2	Dự án Nâng cấp hệ thống thẻ	Đã hoàn thành triển khai và đưa vào vận hành chính thức từ tháng 7/2024 giúp nâng cao hiệu suất xử lý giao dịch, cho phép cung cấp thêm nhiều sản phẩm dịch vụ, tăng cường bảo mật và nâng cao trải nghiệm của Khách hàng.
3	Dự án nâng cấp hạ tầng T24	Đã hoàn thành các bước kiểm thử các tính năng được nâng cấp và phát triển; dự kiến đưa hệ thống vào vận hành chính thức trong Quý 2/2025.
4	Dự án nâng cấp hệ thống Quản lý sự kiện và thông tin bảo mật (SIEM) & Giải pháp điều tra và tự động đáp trả tấn công mạng (SOAR)	Hoàn thành triển khai các hạng mục theo đúng kế hoạch tháng 08/2024 và đã đi vào hoạt động giúp Ngân hàng tăng cường bảo mật, giảm thiểu rủi ro và đảm bảo tuân thủ quy định.
5	Dự án Xây dựng hệ thống tường lửa cho Cơ sở dữ liệu	Hoàn thành triển khai vào tháng 08/2024 nhằm đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống dữ liệu tại ABBANK.
6	Dự án Giải pháp mô phỏng tấn công và chủ động ngăn chặn vi phạm bảo mật (BAS)	Hoàn thành triển khai các hạng mục theo đúng kế hoạch tháng 12/2024 nhằm đảm bảo khả năng phát hiện và ứng phó với các mối đe dọa an ninh mạng một cách chủ động.

Bên cạnh đó, ABBANK tiếp tục **nâng cao năng lực quản trị rủi ro** thông qua việc hoàn thiện các mô hình đánh giá rủi ro, xây dựng hệ thống thẻ điểm, nhằm nâng cao khả năng kiểm soát và quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo sự phát triển bền vững.

Ngân hàng cũng **chủ động rà soát, tối ưu mô hình kinh doanh và nâng cao chất lượng dịch vụ tại các đơn vị kinh doanh**, qua đó cải thiện trải nghiệm khách hàng và nâng cao hiệu quả vận hành. Đồng thời, ABBANK chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu, hướng đến cải thiện chất lượng dịch vụ và gia tăng hiệu quả kinh doanh.

Năm 2024 là năm ABBANK đẩy mạnh **nâng cao năng lực xử lý nợ**, tập trung tối ưu hiệu suất thu hồi và quản lý danh mục tín dụng nhằm kiểm soát chất lượng tín dụng và hạn chế rủi ro. Đồng thời, ngân hàng triển khai các biện pháp phù hợp để giảm tỷ lệ nợ xấu, tối ưu cơ cấu tài sản, qua đó đảm bảo an toàn tài chính và duy trì sự ổn định trong hoạt động kinh doanh./.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025



Thông tin
Đại hội đồng cổ đông



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐÃ THÔNG QUA VĂN BẢN NÀY

GENERAL SHAREHOLDERS MEETING APPROVED THIS DOCUMENT

Vào ngày / on the date: **18-04-2025**

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

(Trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025)

I. Dự báo tình hình kinh tế vĩ mô 2025

1. Dự báo tình hình kinh tế vĩ mô 2025

- Theo đánh giá của IMF, nền kinh tế kỳ vọng ổn định, nhưng chỉ tăng ở mức thấp và lạm phát toàn cầu đang được kiểm chế có hiệu quả, từ đó cho phép các ngân hàng trung ương nói lỏng chính sách tiền tệ. Tăng trưởng toàn cầu dự kiến sẽ ổn định ở mức 3,2%- 3,3% trong năm 2025. IMF cũng dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2025 ở mức 6,1%-6,6%.
- Năm 2025 là năm cuối của kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 của Việt Nam, với mức đầu tư kỷ lục lên đến 791.000 tỷ đồng việc Chính phủ tập trung vào đầu tư công trong các lĩnh vực quan trọng quốc gia như giao thông, năng lượng, công nghệ, sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho các ngân hàng cung cấp dịch vụ tài chính cho các dự án lớn.
- Năm 2025, Ngân hàng Nhà nước dự kiến tăng trưởng tín dụng 16% đồng thời có lộ trình hạn chế và tiến tới bỏ việc phân bổ hạn mức cho từng nhà băng.
- Tỷ giá vẫn còn rất thách thức khi cuộc chiến tranh thương mại được dự báo sẽ là yếu tố hỗ trợ cho đồng USD trong thời gian tới. Biến động tỷ giá USD/VND là một trong những rủi ro lớn nhất mà các ngân hàng phải đối mặt, tỷ giá tăng gây áp lực lớn lên các khoản vay bằng ngoại tệ và chi phí tài chính của các doanh nghiệp. Dự trữ ngoại hối giảm trong năm 2024 cũng khiến khả năng can thiệp thị trường của Ngân hàng Nhà nước bị thu hẹp, làm gia tăng tính nhạy cảm của tỷ giá trước các biến động quốc tế.

2. Cơ hội thị trường, xu thế mới trong năm 2025

Năm 2025 là một năm với rất nhiều cơ hội cho ngành Ngân hàng, dự kiến có những cơ hội tăng trưởng đáng kể nhờ sự ổn định kinh tế và các chính sách vĩ mô hỗ trợ.

- Động lực chính đến từ tăng trưởng tín dụng, đặc biệt khi nền kinh tế bước vào giai đoạn phục hồi sau đại dịch.
- Dòng vốn quốc tế cũng là điểm sáng nổi bật. Với việc Việt Nam mở rộng vai trò trên thị trường tài chính khu vực, các nhà đầu tư quốc tế đã tăng cường rót vốn vào lĩnh vực ngân hàng thông qua trái phiếu và cổ phiếu. Dòng vốn FDI và FII

không chỉ củng cố nguồn lực tài chính, mà còn tăng cường cạnh tranh cho các ngân hàng Việt Nam.

- Chuyển đổi số sẽ tiếp tục tạo ra những thay đổi mạnh mẽ. Năm 2024 có hơn 56,8 triệu tài khoản đã được xác minh sinh trắc học giúp cho nền tảng ngân hàng số phát triển vượt bậc. Các công nghệ như định danh khách hàng trực tuyến (eKYC), thanh toán không tiếp xúc và trí tuệ nhân tạo (AI) đã hỗ trợ các ngân hàng tăng hiệu quả vận hành và cải thiện trải nghiệm khách hàng.

II. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh

Dvt: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	So sánh KH2025/TH2024
1	Tổng tài sản	176.619	200.000	113%
2	Huy động từ khách hàng và phát hành giấy tờ có giá	109.960	115.458	105%
3	Dư nợ tín dụng (*)	110.099	127.810	116%
4	Tỷ lệ nợ xấu (**)	< 3%	< 3%	
5	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	779	1.800	231%

(*) bao gồm dư nợ cho vay tổ chức kinh tế và cá nhân, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp; điều chỉnh theo room tín dụng được NHNN cho phép theo từng thời kỳ

(**) theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của NHNN

III. Nhiệm vụ trọng tâm

1. Khách hàng cá nhân

- Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm, tính năng mới trên kênh số: gói tài khoản cho gia đình, ví quản lý chi tiêu, Loa, thông báo biến động số dư bằng giọng nói, đa dạng dịch vụ thanh toán hóa đơn điện, nước, viễn thông, phí chung cư, gửi xe, cao tốc VETC, EPASS, Thuế trên VneID, rút gốc từng phần với sản phẩm tiền gửi, cầm cố sổ tiết kiệm online, số hóa hành trình sau bán sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ... tạo sự thuận tiện cho khách hàng trong việc tiếp cận sử dụng sản phẩm giúp gia tăng gắn kết của khách hàng với ngân hàng.
- Xây dựng các giải pháp cho vay bất động sản phù hợp với thực tế thị trường, các giải pháp cho vay sản xuất kinh doanh phù hợp với đặc thù từng ngành nghề kinh doanh của khách hàng... Đồng thời cải tiến quy trình tín dụng, giảm thời gian xử

lý hồ sơ, tăng cường công cụ quản trị rủi ro thông qua các mô hình thẻ điểm tín dụng (Ascore, Bscore), mô hình cảnh báo sớm (EWS), các nền tảng, hệ thống khởi tạo, quản lý khoản vay (RLOS), hệ thống quản trị hạn mức, quản lý tài sản đảm bảo, các Báo cáo quản trị trên T24.

- Đàm phán mở rộng đối tác (sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ, sản phẩm đầu tư, công thanh toán qua đối tác Master Card, JCB) để đa dạng sản phẩm, gia tăng nguồn cung, tăng cường hiệu quả kinh doanh.

2. Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME)

Kế thừa nền tảng và đà tăng trưởng năm 2024, hướng ứng “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” và hướng tới “Hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả”, các định hướng kinh doanh năm 2025 của Khối SME gồm:

- Tập trung tăng trưởng, bán chéo bán thêm và khai thác sâu vào nhóm doanh nghiệp SME doanh thu từ 25 tỷ đến 2.500 tỷ; Các khách hàng thuộc 9 nhóm ngành trọng tâm: (1) Xây dựng, (2) Vật liệu xây dựng, (3) Điện, (4) Dược và Thiết bị y tế, (5) Logistics, (6) Thực phẩm và đồ uống, (7) Dệt may, da giày, (8) Nhựa, (9) Giấy; Chuỗi cung ứng từ nhóm đối tác chiến lược và tập đoàn;
- Bên cạnh đó, phát triển các nhóm ngành đặc thù để tối ưu hóa cơ hội kinh doanh theo địa bàn cụ thể gồm: Cao su, Thức ăn chăn nuôi, Gỗ, Viễn thông & Công nghệ thông tin, Ô tô và Phụ tùng Ô tô, Phân bón và hóa chất.
- Thiết kế và triển khai giải pháp cấp tín dụng nhanh trên cơ sở có Tài sản bảo đảm, chuyên biệt cho nhóm khách hàng doanh thu dưới 25 tỷ.
- Cải tiến Quy trình tín dụng, bao gồm bộ điều kiện, danh mục hồ sơ, mẫu biểu, quản lý dòng tiền; Thiết kế và triển khai giải pháp Bảo lãnh và Giải ngân online.
- Triển khai các gói ưu đãi Tài khoản thanh toán, Dịch vụ chuyển tiền trọn gói; Dịch vụ Ký quỹ dành cho Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động có điều kiện.
- Tăng tốc chuyển đổi số, gia tăng tiện ích và trải nghiệm cho khách hàng thông qua triển khai dịch vụ Ký và Xác thực chữ ký số; Chương trình miễn phí đăng ký và sử dụng dịch vụ Virtual Account;
- Tinh gọn cơ cấu tổ chức, phát triển năng lực đội ngũ và nâng cao hiệu quả hoạt động của Khối.

3. Ngân hàng bán buôn

- Gia tăng gắn kết với các đối tác chiến lược hiện hữu, tăng cường mở rộng hợp tác, triển khai chuỗi giá trị với top các doanh nghiệp lớn đầu ngành, đặc biệt là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu giúp tạo nguồn khách hàng SME và bán lẻ, phát triển các tập khách hàng mới;
- Đẩy mạnh hoạt động tài trợ thương mại và giao dịch ngoại hối thông qua việc cấu trúc giải pháp tài trợ thương mại linh hoạt, kết hợp với các công cụ phái sinh

về lãi suất và hoán đổi tiền tệ tối ưu hóa dòng tiền của khách hàng kết hợp với phòng ngừa rủi ro;

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong việc thúc đẩy chuyển đổi giao dịch của khách hàng từ phương thức truyền thống sang các nền tảng trực tuyến. Liên tục cải tiến và phát triển các tính năng nâng cao của ngân hàng số: Mua bán ngoại tệ, chuyển tiền TTQT, giải ngân, phát hành bảo lãnh, phát hành L/C; quản trị user và quản trị tài khoản tùy chỉnh theo yêu cầu khách hàng,... Đồng hành cùng đối tác chiến lược, khách hàng lớn trong công cuộc chuyển đổi số: thanh toán điện tử (Epayment), Open API thu chi hộ,...

4. Nguồn vốn, Thị trường tài chính & Ngân hàng giao dịch

Ngân hàng giao dịch:

- Tập trung đẩy mạnh phát triển và cung cấp các sản phẩm về ngân hàng giao dịch cho các khách hàng SMEs và NHBB;
- Tập trung tăng trưởng hoạt động mua bán ngoại tệ phục vụ khách hàng (FX sale), đặc biệt các khách hàng xuất nhập khẩu.

Nguồn vốn và thị trường tài chính:

- Đảm bảo duy trì thanh khoản toàn hệ thống và đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN.
- Tận dụng các cơ hội thị trường để gia tăng lợi nhuận cho Ngân hàng trên các thị trường ngoại hối, thu nhập cố định.
- Tuân thủ theo tỷ lệ dự trữ thanh khoản, tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày VND, USD theo thông tư 22/2019/TT-NHNN.
- Phối hợp với các Khối Kinh doanh để chủ động xây dựng các kịch bản về dòng tiền vào/ra, dòng tiền được dự phóng hàng ngày, làm căn cứ cho việc quản lý thanh khoản, cân đối nguồn vốn đảm bảo an toàn và các giới hạn do Hội đồng Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có (ALCO) phê chuẩn.
- Chủ động theo dõi diễn biến lãi suất trên các thị trường hàng ngày, tối ưu chi phí vốn; điều chỉnh kịp thời lãi suất nội bộ kết hợp với định hướng kinh doanh.

5. Quản trị rủi ro

- Đẩy mạnh kiểm soát Nợ xấu, Dự phòng rủi ro và các giới hạn an toàn theo Khẩu vị rủi ro và Hạn mức rủi ro, cụ thể:
 - Xây dựng và theo dõi, giám sát tình hình thực thi Định hướng tín dụng 2025, tình hình tuân thủ Khẩu vị rủi ro và Hạn mức rủi ro tín dụng 2025 nhằm tuân thủ các giới hạn an toàn theo quy định của Ngân hàng nhà nước và giảm thiểu tổn thất theo khẩu vị rủi ro thận trọng của ABBANK.
 - Giám sát chặt chẽ chất lượng tín dụng và dự phòng rủi ro tín dụng, chi tiết đến từng Phân khúc khách hàng, từng Đơn vị kinh doanh với tần suất hàng

ngày/tuần/tháng để có những biện pháp xử lý kịp thời nhằm đảm bảo mục tiêu kiểm soát nợ xấu và kiểm soát tối ưu chi phí dự phòng.

- Cảnh báo sớm thông qua công tác quản lý hiện trạng, diễn biến và xu hướng rủi ro của danh mục, mô hình hành vi/cảnh báo sớm khả năng chuyển nợ xấu, phân tích đa chiều rủi ro danh mục hàng tháng.
- Hoàn thiện hệ thống văn bản chính sách quản trị rủi ro thông qua việc rà soát và điều chỉnh chính sách phù hợp, vừa đảm bảo kiểm soát rủi ro vừa hỗ trợ phát triển kinh doanh.
- Tiếp tục ưu tiên phát triển các mô hình định lượng rủi ro như mô hình hành vi, mô hình dự báo. Ứng dụng các mô hình vào quy trình cấp tín dụng, giúp công tác ra quyết định có độ chính xác cao hơn, giảm dần việc ra quyết định dựa trên yếu tố định tính.
- Tinh gọn, tối đa hóa hiệu quả quy trình cho vay.
- Cải thiện các hệ thống quản trị bao gồm chuẩn hóa thông tin quản trị, tự động hóa các báo cáo, phục vụ công tác theo dõi giám sát, quản trị và kinh doanh.

6. Quản trị nguồn nhân lực

Trong năm 2025, ABBANK tiếp tục đẩy mạnh các chương trình hành động hướng đến nâng cao hiệu quả nguồn nhân lực phục vụ hoạt động kinh doanh toàn hàng, bao gồm:

- Sắp xếp lại tổ chức bộ máy toàn hàng đảm bảo tinh gọn, hiệu quả và hướng tới khách hàng.
- Thúc đẩy hiệu quả lao động thông qua quản lý kết quả làm việc và chính sách đãi ngộ dựa trên hiệu quả công việc.
- Chủ động đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng phù hợp và kịp thời cho hoạt động kinh doanh.
- Phát triển năng lực đội ngũ bằng văn hoá học tập chủ động.
- Chú trọng trải nghiệm cán bộ nhân viên toàn diện.
- Cải thiện công tác vận hành, quản lý nhân sự thông qua công nghệ và dữ liệu.

7. Xử lý nợ (XLN)

- Về nhân sự:
 - Hiện nay, nguồn lực nhân sự của Ban XLN đã được củng cố, kiện toàn về số lượng và chất lượng nhân sự đảm bảo nguồn lực để đẩy mạnh hơn nữa công tác thu hồi nợ.
 - Tổ chức lại cơ cấu bộ máy tổ chức theo hướng chuyên nghiệp hóa, đảm bảo tính linh hoạt, hiệu quả cao.
 - Trong năm 2025, Ban XLN tiếp tục triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để nâng cao hơn nữa hiệu suất công tác của đội ngũ nhân sự XLN.
- Về phương hướng triển khai công tác thu hồi nợ:

- Tập trung ưu tiên thu tiền mặt, ưu tiên những khoản nợ trọng điểm.
- Phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng nhiều giải pháp để cải thiện cho các ĐVKD, chuyên nghiệp hóa công tác xử lý nợ.
- Phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thiện các Quy chế chính sách để nâng cao hiệu suất công tác, đẩy nhanh tiến độ xử lý nợ, thúc đẩy nâng cao năng suất lao động.
- Ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý nợ.
- Sử dụng đồng bộ nhiều giải pháp linh hoạt, đổi mới để nâng cao hiệu quả xử lý nợ.
- Kiểm soát chi phí, tránh tổn thất, lãng phí.

IV. Hành động chiến lược

Dựa trên những nền tảng đã xây dựng từ năm 2023 và kết quả đạt được trong năm 2024, ABBANK đề ra kế hoạch phát triển cụ thể cho năm 2025 với các mục tiêu trọng tâm nhằm đảm bảo tăng trưởng bền vững và hiệu quả:

1. Đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh nền tảng, tái cấu trúc mạng lưới kinh doanh hướng đến tăng trải nghiệm khách hàng (Scaling)

Trong năm 2025, ABBANK đặt mục tiêu thúc đẩy phát triển bền vững bằng cách làm sâu sắc việc am hiểu thị trường vi mô tại các địa bàn trọng điểm, đồng thời thấu hiểu nhu cầu khách hàng để thiết kế các giải pháp tài chính chuyên biệt, đáp ứng nhu cầu từng phân khúc. Ngân hàng đẩy mạnh các sáng kiến tái cấu trúc mạng lưới kinh doanh, xem xét sắp xếp lại các địa bàn thành các cụm chuyên biệt nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ và khai thác tiềm năng từ các khu vực mới. Với định hướng chiến lược, ABBANK ưu tiên đầu tư vào các dự án phát triển phù hợp, tận dụng xu hướng chuyển đổi số để gia tăng quy mô hoạt động, tạo nền tảng vững chắc cho sự tăng trưởng bền vững trong giai đoạn 2024 - 2028.

2. Tinh gọn và tối ưu hóa (Streamlining)

Thực hiện chủ trương của Ngân hàng Nhà nước và tiếp nối định hướng từ năm 2024, ABBANK tập trung sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, cải tiến quy trình vận hành nội bộ nhằm giảm thiểu chi phí, nâng cao hiệu quả và đáp ứng xu hướng phát triển hiện đại. Ngân hàng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào quản lý, đồng thời triển khai các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng và chuyển đổi năng lực cho đội ngũ nhân sự, thích nghi với xu hướng hiện đại, đảm bảo đội ngũ nhân sự sẵn sàng hỗ trợ các mục tiêu phát triển dài hạn, góp phần xây dựng một tổ chức tinh gọn, linh hoạt và bền vững.

3. củng cố và tăng cường năng lực (Strengthening)

Năm 2025, ABBANK tập trung củng cố và tăng cường năng lực kinh doanh, đặt khách hàng làm trung tâm trong kỷ nguyên số hóa. Ngân hàng tối ưu hóa các nền tảng

số như ABB Business cho doanh nghiệp và ABBANK cho khách hàng cá nhân, kết hợp với các kênh truyền thống để mang lại trải nghiệm dịch vụ liền mạch và vượt trội. Bằng cách thấu hiểu nhu cầu khách hàng ở từng phân khúc, ABBANK phát triển các giải pháp tài chính sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng giao dịch, gia tăng tỷ trọng tiền gửi và khẳng định vị thế dẫn đầu trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện.

4. Quản trị rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động (Solidify)

ABBANK kiên cố hóa nền tảng tài chính và nâng cao hiệu quả hoạt động trong năm 2025 thông qua việc tăng cường quản trị rủi ro. Ngân hàng hoàn thiện các mô hình định lượng và triển khai hệ thống cảnh báo sớm để kiểm soát hiệu quả các nguy cơ tiềm ẩn, đảm bảo sự ổn định tài chính và duy trì bảng cân đối vững mạnh. Định hướng này tạo nền tảng an toàn cho tăng trưởng tín dụng bền vững, tiếp nối cam kết từ năm 2024 về xây dựng một tổ chức tài chính đáng tin cậy và hiệu quả.

5. Phát triển và gieo mầm thành công (Seeding)

Trong năm 2025, ABBANK tập trung gieo mầm và nuôi dưỡng các sáng kiến phát triển bền vững tuân theo tiêu chuẩn ESG (Môi trường, Xã hội, Quản trị) để thúc đẩy đổi mới. Dựa trên các thế mạnh sẵn có, ABBANK ưu tiên Yếu tố Xã hội (S) như một nền tảng quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững. Ngân hàng tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ, cải thiện chính sách đãi ngộ cho cán bộ nhân viên và mở rộng các hoạt động hướng đến cộng đồng, góp phần tạo dựng một môi trường tài chính toàn diện và trách nhiệm.

Với những mục tiêu trên, năm 2025 không chỉ là giai đoạn ABBANK củng cố nội lực mà còn là cơ hội để khẳng định hướng đặt trọng tâm hướng đến xu hướng phát triển bền vững của ngành ngân hàng Việt Nam. Chúng tôi tin rằng, với sự đồng hành của cổ đông, đối tác và cộng đồng, ABBANK sẽ tiếp tục đạt được những bước tiến vững chắc, mang lại giá trị tương xứng với tiềm năng và kỳ vọng.

Tổng Giám đốc trân trọng báo cáo và kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

TM. NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Duy Hiếu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN;**

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2024
VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2025 CỦA HĐQT**



Thông tin
Đại hội đồng cổ đông

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ
ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025**
(Trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025)

Trong năm 2024, bức tranh kinh tế thế giới tuy không rơi vào suy thoái và có nhiều tín hiệu cải thiện tích cực vào cuối năm nhưng nhìn chung nền kinh tế toàn cầu phục hồi chậm, không đồng đều. Thương mại giữa nhiều quốc gia bị ảnh hưởng bởi các căng thẳng địa chính trị, đặc biệt là giữa Trung Quốc và Mỹ, giữa Nga và phương Tây. Các cuộc xung đột tại Ukraine và Trung Đông không chỉ gây ra thiệt hại về người, tài sản mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến chuỗi cung ứng toàn cầu.

Kinh tế Việt Nam năm 2024 duy trì được đà phục hồi tích cực với mức tăng trưởng GDP ấn tượng (trên 7%) so với mặt bằng chung của thế giới (trên 3%) nhờ sự điều hành chính sách vĩ mô phù hợp, sự nỗ lực chung trong đó có sự đóng góp tích cực của ngành Ngân hàng. Tuy nhiên, các doanh nghiệp và người dân vẫn phải đương đầu với nhiều khó khăn, thách thức; những diễn biến trên thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp, cùng tâm lý lo ngại của người dân trước giá vàng cao... gây tác động ảnh hưởng đến hoạt động của ngành Ngân hàng.

Bối cảnh tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục còn diễn biến phức tạp, khó lường trong năm 2025; sự gia tăng chủ nghĩa bảo hộ của Mỹ và những bất ổn trong quan hệ thương mại quốc tế; nền kinh tế nước ta dự báo sẽ tiếp tục đà tăng trưởng tích cực, có những thời cơ, thuận lợi nhưng khó khăn, thách thức còn nhiều, nhất là từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập nội tại kéo dài nhiều năm, ảnh hưởng thiên tai...

Sau đây Hội đồng Quản trị (HĐQT) xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) về hoạt động trong năm 2024 và định hướng kế hoạch cho năm 2025:

I. VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

1. Các chỉ số kinh doanh chủ yếu của ABBANK

1.1. Các chỉ tiêu kinh doanh

- Tổng tài sản: 176.619 tỷ đồng, tăng 9,04% so với năm 2023, đạt 104% kế hoạch 2024.

- Tổng huy động khách hàng và phát hành giấy tờ có giá: 109.960 tỷ đồng, giảm 4,9% so với năm 2023, đạt 97,01% kế hoạch 2024.
- Tổng dư nợ tín dụng: 110.099 tỷ đồng, tăng 7,5% so với năm 2023, đạt 94,69% kế hoạch 2024.
- Lợi nhuận trước thuế: 779 tỷ đồng, tăng 51,7% so với năm 2023, đạt 77,9% kế hoạch 2024.
- Tỷ lệ nợ xấu nội bảng ở mức 2,48%, đảm bảo dưới 3% theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Chỉ tiêu tổng tài sản vượt mức kế hoạch, các chỉ tiêu tăng trưởng dư nợ tín dụng và huy động đạt xấp xỉ mức kế hoạch đặt ra. Riêng chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt gần 78% mức kế hoạch nhưng so với mức thực hiện năm 2024 đã có sự tăng trưởng cao ở mức 51,7%. Kết quả lợi nhuận của ABBANK năm 2024 chưa đạt kế hoạch do ĐHCĐ đề ra có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Trong đó phải kể đến là nợ xấu phát sinh tăng đẩy chi phí trích lập dự phòng lên cao là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sụt giảm lợi nhuận; hiệu quả hoạt động của bộ máy còn hạn chế; năng lực xây dựng, tổ chức thực thi các giải pháp kinh doanh và kiểm soát rủi ro còn nhiều bất cập, hạn chế ...

1.2. Kết quả kinh doanh của Công ty con

- Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP An Bình (ABBA): đạt mức lợi nhuận trước thuế 36,32 tỷ đồng đạt 92,4% so với kế hoạch 2024.
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ ABBA (ABBAS) - Công ty thuộc sở hữu gián tiếp của ABBANK thông qua ABBA: đạt mức lợi nhuận trước thuế 2,84 tỷ đồng đạt 100,7% so với kế hoạch 2024.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024

HĐQT kính trình ĐHCĐ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024:

Chi tiết Báo cáo tài chính đã được kiểm toán được công bố công khai trên website của ABBANK tại địa chỉ: <https://www.abbank.vn/thong-tin/bao-cao-tai-chinh.html> và được thể hiện trong Báo cáo Thường niên năm 2024.





3. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024

HĐQT xin báo cáo kết quả tổng hợp việc thực hiện các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ 2024 như sau:

- **Về kết quả kinh doanh và thực hiện chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế:** Nội dung chi tiết đã được trình bày ở phần 1 nêu trên.
- **Về việc trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2023:** Căn cứ Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, HĐQT đã ban hành văn bản thực hiện trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 5%; quỹ dự phòng tài chính 10%, quỹ khen thưởng phúc lợi 10%. Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ sẽ để lại, chưa phân phối theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- **Về lựa chọn tổ chức thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính:** Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ theo Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, HĐQT đã phê duyệt việc Công ty TNHH KPMG (KPMG) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của ABBANK cho năm tài chính 2024 và 2025.
- **Các nội dung khác theo quyết định của ĐHĐCĐ** đã được thực hiện đầy đủ và phù hợp với Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

4. Về công tác quản trị Ngân hàng

4.1. Cơ cấu HĐQT ABBANK nhiệm kỳ 2023 – 2027

Tại cuộc họp thường niên ngày 28/4/2023 ĐHĐCĐ đã bầu ra 7 Thành viên HĐQT cho nhiệm kỳ mới (trong đó có 02 thành viên độc lập và tất cả các thành viên đều là thành viên không điều hành), HĐQT đã bầu chức danh Chủ tịch và Phó chủ tịch theo đúng quy định. Trong năm 2024, HĐQT hoạt động với đầy đủ 7 Thành viên.

4.2. Hoạt động của HĐQT

- Trong năm 2024, HĐQT ABBANK đã tổ chức 04 cuộc họp. Ngoài ra, căn cứ Quy chế Hoạt động của HĐQT và Quy chế thông qua các quyết định của HĐQT, các thành viên HĐQT đã biểu quyết qua thư điện tử (email) để quyết định nhiều nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Ngân hàng.

- HĐQT và các Thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ và đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định với tinh thần trách nhiệm cao. Thường trực HĐQT đã thực hiện chỉ đạo và hỗ trợ các hoạt động của Ngân hàng.
- HĐQT đã thực hiện trách nhiệm giám sát cấp cao và đánh giá hiệu quả hoạt động của thành viên HĐQT, Ban Điều hành (BDH) theo chuẩn mực quản trị doanh nghiệp.
- Trong năm 2024, HĐQT đã ban hành nhiều văn bản, quyết định về chính sách và quản trị, trong đó có các văn bản quan trọng như:
 - Điều chỉnh Cơ cấu tổ chức của ABBANK và Quy định về chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các Khối/Đơn vị tại Hội sở
 - Quy định hệ thống Kiến trúc công việc và Quy chế Hệ thống kiến trúc dải ngõ;
 - Ban hành Quy định chế độ thưởng tại ABBANK;
 - Ban hành Quy chế cho vay của ABBANK;
 - Ban hành Quy chế bảo lãnh đối với khách hàng;
 - Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các cấp phê duyệt tín dụng tại ABBANK;
 - Ban hành Quy chế thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng;
 - Ban hành Quy chế bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán;
 - Ban hành Khẩu vị rủi ro năm 2024;
 - Phê duyệt bộ Báo cáo ICAAP 2024;
 - Ban hành Chính sách Tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn; Quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động; Ban hành Chính sách dự phòng rủi ro tín dụng;
 - Phê duyệt Đề xuất chương trình Phòng chống gian lận tại ABBANK; Thông qua Quy chế Phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;
 - Ban hành Quy chế An toàn hệ thống thông tin;
 - Phê duyệt Đề xuất mở mới Chi nhánh, Phòng Giao dịch ABBANK năm 2024 -2025;
 - Ban hành Quy chế quản lý hoạt động mạng lưới;
 - Phê duyệt các giao dịch với người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.

4.3. Hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro (UBQLRR)

Trong năm 2024, cơ cấu tổ chức, nhân sự của UBQLRR đảm bảo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của ABBANK, Ủy ban bao gồm 3 thành viên, trong đó tất cả đều không phải là người điều hành và 01 thành viên là

thành viên độc lập của HĐQT. Hoạt động của UBQLRR trong năm 2024 bao gồm các nội dung chính sau đây:

- UBQLRR đã họp trực tiếp 04 lần với sự tham gia đầy đủ các thành viên, Ban Kiểm soát, TGD và các đơn vị chức năng liên quan. Ngoài ra, UBQLRR cũng tổ chức họp trực tiếp nhiều chuyên đề thảo luận, cho ý kiến và đưa ra nhiều khuyến nghị tới BDH và đã được triển khai vào thực tiễn giúp việc quản lý và giảm thiểu rủi ro chủ động, hiệu quả hơn.
- UBQLRR đã tham mưu và đề xuất cho HĐQT các chính sách, định hướng quan trọng về công tác QLRR và giám sát TGD/BDH việc thực thi, triển khai các hoạt động liên quan QLRR và xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về rủi ro theo yêu cầu, kiến nghị của Cơ quan Thanh tra giám sát – NHNN, HĐQT.
- UBQLRR đã góp ý đối với các văn bản quan trọng, phương pháp luận, xây dựng, kiểm định và áp dụng kết quả các mô hình rủi ro tín dụng do BDH trình HĐQT.
- UBQLRR đã giám sát rủi ro thường xuyên thông qua các giới hạn rủi ro, hồ sơ báo cáo rủi ro, báo cáo quản lý vốn, các báo cáo QLRR, báo cáo giám sát tín dụng, phi tín dụng, rà soát hoạt động các hội đồng thuộc BDH, cảnh báo mức độ an toàn của Ngân hàng theo quy định của NHNN và của ABBANK và hàng tháng, UBQLRR có kiến nghị tới TGD/BDH để cải thiện hoạt động các Hội đồng thuộc BDH tốt hơn.
- Ngoài ra, UBQLRR thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ khác theo quy chế tổ chức và hoạt động như: tư vấn HĐQT về phê duyệt các chính sách QLRR, Khẩu vị rủi ro, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các chính sách, quy chế, mô hình; tư vấn HĐQT trong việc phê duyệt chủ trương cung cấp sản phẩm mới; Đề xuất các kế hoạch truyền thông, củng cố/nâng cao nhận thức về văn hóa quản lý rủi ro trên toàn hệ thống, góp phần nâng cao chất lượng quản lý rủi ro toàn hàng.

4.4. Hoạt động của Ủy ban Nhân sự (UBNS)

Năm 2024, UBNS có 3 thành viên, trong đó có hai phần ba (2/3) thành viên không phải là người điều hành. Cơ cấu và hoạt động của UBNS đảm bảo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của ABBANK.

Hoạt động chính của Ủy ban Nhân sự (UBNS) trong năm 2024 bao gồm:

- Tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến nhân sự, chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các chính sách đãi ngộ khác của ABBANK. UBNS đã hỗ trợ tìm kiếm, đánh giá, xem xét, đề xuất lên HĐQT tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, chuyển chuyển cán bộ chủ chốt của Ngân hàng thuộc thẩm quyền.

- Cho ý kiến về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các Khối/đơn vị Hội sở và đơn vị kinh doanh; Hệ thống kiến trúc đãi ngộ, Hệ thống kiến trúc công việc của ABBANK... trước khi HĐQT ban hành.
- Tham mưu cho HĐQT trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng môi trường làm việc, cải thiện chế độ đãi ngộ cho người lao động.
- Trong năm 2024, ngoài việc đưa ý kiến tham vấn trực tiếp, bằng văn bản cho HĐQT, UBNS cũng đã họp nhằm nắm bắt về tình hình hoạt động nhân sự và các kế hoạch hành động của Khối Quản trị Nguồn nhân lực trong thời gian tới để giúp HĐQT giám sát công tác quản trị nguồn nhân lực của toàn hàng, từ đó có những chỉ đạo cho BDH trong điều hành hoạt động nhằm tối ưu nguồn lực, mang lại hiệu quả cho ABBANK.
- Ngoài ra, UBNS đã cho ý kiến, tham mưu HĐQT về các vấn đề khác liên quan đến công tác quản trị nguồn nhân lực theo chức năng nhiệm vụ của Ủy ban...

4.5. Hoạt động của Ủy ban Chiến lược (UBCL)

Thành viên của UBCL bao gồm toàn bộ các Thành viên HĐQT. Năm 2024, UBCL đã thực hiện các hoạt động, bao gồm:

- Chỉ đạo, giám sát và đồng hành cùng các đơn vị liên quan, đưa ra định hướng, các mục tiêu chiến lược, xác định các sáng kiến chiến lược của ABBANK và các bước triển khai.
- Hỗ trợ chuyển đổi mô hình kinh doanh hướng tới khách hàng, chuyển đổi cơ cấu tổ chức đơn vị kinh doanh theo định hướng lấy khách hàng làm trọng tâm.
- Chỉ đạo xây dựng văn hóa doanh nghiệp thông qua việc tiếp tục triển khai chuỗi hoạt động trong Hành trình văn hóa.
- Các thành viên UBCL là thường trực HĐQT thường xuyên tham gia các cuộc họp của BDH và các Ban Dự án nhằm triển khai các Dự án của Ngân hàng như: Dự án Omni Channel giúp đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng mô hình quản trị rủi ro,... và đưa ra các ý kiến chỉ đạo kịp thời giúp các Dự án triển khai đúng định hướng và đạt được các mục tiêu đề ra...
- Thực hiện giám sát, hỗ trợ và đồng hành cùng BDH trong thực thi Kế hoạch chiến lược, các sáng kiến chiến lược và thực hiện chuyển đổi Ngân hàng.

4.6. Hoạt động của Ủy ban Chuyển đổi và Ngân hàng số (UBCD&NHS)

Hoạt động của UBCD&NHS trong năm 2024 tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu để hỗ trợ chiến lược chuyển đổi của Ngân hàng:

- UBCD&NHS đã tham mưu HĐQT và đưa ra các đề xuất, khuyến nghị cũng như làm việc với BDH về các kế hoạch am hiểu phân khúc khách hàng từ đó xây dựng các giải pháp và sản phẩm phù hợp, tối ưu hóa mô hình bán, kiện

toàn năng lực nhân sự, giám sát việc triển khai các kế hoạch kinh doanh, tăng cường quản trị rủi ro, các hoạt động xử lý nợ, và nâng cao chất lượng dịch vụ, chú trọng các hoạt động gia tăng trải nghiệm khách hàng, tăng cường các hoạt động truyền thông chủ động nâng tầm uy tín thương hiệu với mục tiêu đảm bảo các hoạt động Ngân hàng triển khai đúng định hướng chiến lược lấy khách hàng làm trọng tâm, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

- UBCĐ&NHS hỗ trợ BDH, các Khối/Phòng/Ban trong việc xây dựng nền tảng cho mục tiêu phát triển các dự án liên quan đến chuyển đổi số, các Dự án về công nghệ thông tin, Quy trình xử lý sự cố... và đưa ra các ý kiến chỉ đạo, khuyến nghị kịp thời nhằm thúc đẩy hoạt động chuyển đổi và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng an toàn, hiệu quả. Đặc biệt là việc hỗ trợ, đồng hành và chỉ đạo sát Ban Dự án OmniChannel, giúp ABBANK lần đầu tiên ra mắt được các ứng dụng ngân hàng số được xây dựng và phát triển bởi chính nguồn lực nội bộ với những trải nghiệm khác biệt trên nền tảng số hiện đại, an toàn cho Khách hàng doanh nghiệp (ứng dụng ABBANK Business từ tháng 7/2024) và Khách hàng cá nhân (ứng dụng ABBANK từ tháng 12/2024).

UBCĐ&NHS chấm dứt hoạt động kể từ ngày 15/01/2025 và được thay thế bằng Ủy ban Chiến lược Phát triển bền vững ESG với mục tiêu và vai trò bao trùm hơn liên quan đến định hướng xây dựng, triển khai và giám sát chiến lược phát triển bền vững; các hoạt động; chương trình, sáng kiến liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị (Environmental, Social, & Governance - ESG) của ABBANK và hỗ trợ sát sao trong việc định hướng tập trung vào hoạt động cốt lõi của Ngân hàng, tăng trưởng trên nền tảng bền vững và ưu tiên hỗ trợ phát triển bán lẻ.

5. Về các giao dịch với người có liên quan

Trong năm 2024, các giao dịch giữa ABBANK với người có liên quan đã được trình HĐQT phê duyệt theo thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ ABBANK. Tổng hợp nội dung giao dịch với bên liên quan được thể hiện trong Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2024 và được công bố trên website của ABBANK: www.abbank.vn.

6. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành:

- HĐQT giám sát Ban Điều hành (BDH) thông qua các báo cáo hoạt động kinh doanh hàng ngày, tháng, quý và các báo cáo/ đề xuất phát sinh khác từ BDH;
- Trong năm, HĐQT đã có những chỉ đạo, định hướng và đưa ra các nhiệm vụ trọng tâm từng thời kỳ, từ đó giúp BDH có những hành động cụ thể, điều hành hoạt động kinh doanh bám sát mục tiêu, tăng cường kiểm soát cơ cấu danh mục

tài sản đảm bảo hài hòa giữa mục tiêu hiệu quả tài chính và an toàn hoạt động, tăng lợi nhuận với kiểm soát rủi ro, mở rộng tín dụng với kiểm soát nợ xấu...

- Việc giám sát của HĐQT đối với BDH còn được thực hiện thông qua chức năng giám sát của các Ủy ban của HĐQT theo từng lĩnh vực hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ của từng Ủy ban.
- Đối với các hoạt động thuộc thẩm quyền xem xét và quyết định của HĐQT, TGD báo cáo và trình HĐQT xem xét. Trên cơ sở đó, HĐQT sẽ đưa ra các quyết định để TGD điều hành triển khai thực hiện.
- Bên cạnh đó, trên cơ sở các Báo cáo của Kiểm toán nội bộ (KTNB) trực thuộc Ban kiểm soát (BKS), HĐQT đã có những chỉ đạo đến BDH về các vấn đề cụ thể mà KTNB khuyến nghị, kịp thời khắc phục tồn tại, củng cố, nâng cao hiệu quả công tác quản trị điều hành, quản trị rủi ro và giám sát toàn diện hoạt động của Ngân hàng.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Chỉ tiêu kinh doanh năm 2025

- Tổng tài sản đạt 200.000 tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2024.
- Huy động từ khách hàng và phát hành giấy tờ có giá đạt 115.458 tỷ đồng, tăng 5% so với năm 2024.
- Dư nợ tín dụng đạt 127.810 tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2024 (được điều chỉnh theo cơ chế điều hành tăng trưởng tín dụng của NHNN).
- Lợi nhuận trước thuế đạt 1.800 tỷ đồng, tăng 131% so với năm 2024.

2. Một số trọng tâm trong công tác quản trị

Trong năm 2025, HĐQT tập trung chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh theo các định hướng và nội dung ưu tiên sau đây:

- 2.1. Tập trung thúc đẩy kinh doanh mạnh mẽ ngay từ những tháng đầu, quý đầu năm, ***lấy lại nhịp độ tăng trưởng tốt cho ABBANK với sự giám sát, chỉ đạo và hỗ trợ sát sao của HĐQT và Ủy ban Chiến lược Phát triển Bền vững ESG*** theo định hướng tập trung vào hoạt động cốt lõi của Ngân hàng, tăng trưởng trên nền tảng bền vững.
- 2.2. Trên cơ sở các chính sách kinh tế vĩ mô, chỉ đạo định hướng của Chính phủ và NHNN, ***tranh thủ tối đa các điều kiện thuận lợi, tích cực của nền kinh tế, các cơ hội kinh doanh***, chủ động, nhanh nhạy khai thác tiềm năng khách hàng hiện hữu, mở rộng khách hàng mới, tăng quy mô tài sản, ***tăng quy mô dư nợ tín dụng ngay từ đầu năm***, tăng các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh tiền tệ, tín dụng và các dịch vụ liên quan đến ngân hàng; triển khai các giải pháp khai thác khách

hàng trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh rủi ro thấp, phục vụ các Chương trình phát triển kinh tế của Chính phủ, FDI, đầu tư công; thực hiện giao chỉ tiêu kinh doanh cụ thể, rõ ràng cho từng Khối/Ban Hội sở, Đơn vị kinh doanh (ĐVKD) để xúc tiến tổ chức triển khai ngay.

- 2.3. Triển khai và ***hoàn thành việc rà soát, sắp xếp cơ cấu tổ chức Hội sở***, bảo đảm:
- a) ***Tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực và hiệu quả*** trên cơ sở sắp xếp lại các chức năng/nhóm chức năng của các Khối/Ban hiện tại; sắp xếp, tinh giảm nhân sự một cách có hiệu quả.
 - b) Thu gọn số lượng đầu mối Hội sở đồng thời ***giảm các tầng nấc trung gian từ Hội sở xuống các ĐVKD***.
 - c) Gắn trách nhiệm của các Đơn vị Hội sở với kết quả kinh doanh của ABBANK và trách nhiệm liên đới của các Đơn vị, bộ phận vận hành, hỗ trợ đối với kết quả kinh doanh khi đánh giá, chi trả thu nhập, đãi ngộ để ***tăng cường sự hỗ trợ, kiểm soát của các đơn vị Hội sở đóng góp thiết thực vào kết quả kinh doanh***.
- 2.4. Tổ chức lại mô hình mạng lưới bán hàng cho ***phù hợp với thực tiễn của ABBANK***, khắc phục các yếu kém, hạn chế, bất cập hiện tại theo định hướng:
- a) ***Tăng cường lực lượng trực tiếp bán*** tại các ĐVKD gắn với chỉ tiêu Lợi nhuận được giao
 - b) ***Nâng cao hiệu quả và bảo đảm sự chỉ đạo điều hành thông suốt từ Tổng Giám đốc trực tiếp đến các ĐVKD***. Trưởng các ĐVKD nhận chỉ tiêu kinh doanh và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh trước HĐQT.
 - c) ***Giải phóng năng lực bán của ĐVKD***. Các ĐVKD thực hiện bán tổng hợp các phân khúc khách hàng theo năng lực; ***nâng cao tính tự chủ, rõ ràng đầu mối trách nhiệm của từng ĐVKD và sự liên kết hỗ trợ lẫn nhau theo cụm các ĐVKD***.
 - d) ***ĐVKD được giao quyền chủ động hơn*** trong khai thác phục vụ Khách hàng, tổ chức bán; ***đồng thời tăng cường vai trò giám sát của các Khối/Ban Hội sở*** và trách nhiệm hỗ trợ của các Chi nhánh đầu mối tại mỗi cụm Đơn vị kinh doanh.
 - e) Thực hiện ***rà soát, sắp xếp, tinh giản các tầng nấc, vị trí trung gian có vai trò hạn chế trong thúc đẩy và hỗ trợ kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả và rõ ràng đầu mối trách nhiệm***. Nhân sự trung gian có năng lực phải nhận chỉ tiêu kinh doanh và thực hiện đánh giá theo kết quả kinh doanh làm cơ sở chi trả thu nhập, bảo đảm công bằng theo kết quả đóng góp thực tế.
- 2.5. ***Nâng cao năng lực và chất lượng đánh giá, thẩm định và phê duyệt tín dụng*** để phát hiện sớm và xử lý kịp thời các rủi ro, tồn tại, vi phạm pháp luật, vi phạm quy định nội bộ trong hoạt động cấp tín dụng. Rà soát, thực hiện nghiêm túc, đầy

đủ, đúng quy định của pháp luật, tuân thủ đúng quy trình liên quan đến định giá, nhận thế chấp và quản lý tài sản bảo đảm của khách hàng vay vốn, thường xuyên theo dõi tình trạng tài sản bảo đảm để kịp thời phát hiện những thay đổi, biến động trên cơ sở đó có những giải pháp quản lý tài sản bảo đảm và quản lý khoản vay phù hợp; thường xuyên kiểm tra, giám sát và đánh giá việc sử dụng vốn vay, khả năng trả nợ của khách hàng, kiểm soát chặt chẽ cấp tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Thực hiện quyết liệt các giải pháp để hạn chế tối đa phát sinh mới nợ nhóm 2, nợ xấu.

- 2.6. Tiếp tục thực hiện ***quản trị rủi ro tích cực, chủ động***; bảo đảm tuân thủ các tỷ lệ, giới hạn an toàn vốn; củng cố và tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các tuyến phòng thủ rủi ro.
- 2.7. Kiện toàn tổ chức, ***ưu tiên nguồn lực và nâng cao hiệu quả trong công tác kiểm soát, đôn đốc, thu hồi nợ và xử lý nợ xấu***; thực hiện quyết liệt, bằng mọi biện pháp, có phương án cụ thể để xử lý đối với từng khoản nợ xấu nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra tại Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2020-2025; xem xét giao chỉ tiêu thu hồi cụ thể đến từng nhân sự làm công tác thu hồi nợ xấu.
- 2.8. ***Rà soát tinh giản nhân sự trên toàn hệ thống nhằm*** nâng cao hiệu quả hoạt động, bố trí nhân sự phù hợp với tổ chức bộ máy đã được điều chỉnh tinh gọn; đồng thời bảo đảm đủ nguồn nhân lực cần cho phát triển kinh doanh.
- 2.9. Thực hiện các hành động và giải pháp thiết thực trong ***giao chỉ tiêu, đánh giá gắn với thực hiện chính sách đãi ngộ nhằm bảo đảm công bằng theo kết quả, đóng góp thực tế, tâm huyết và trách nhiệm của CBNV, mang lại niềm tin, sự khích lệ và tinh thần cống hiến của đội ngũ CBNV; thay thế nhân sự có hiệu quả làm việc và đóng góp thực tế thấp***; chú trọng xây dựng môi trường học tập, các hoạt động đào tạo nội bộ, nâng cao năng lực CBNV; nâng cao chất lượng công tác truyền thông; tiếp tục xây dựng văn hoá doanh nghiệp gắn với giá trị cốt lõi của ABBANK.
- 2.10. Tiếp tục thực hiện định hướng ***đẩy mạnh chuyển đổi số, kinh doanh trên nền tảng số và mở rộng hệ sinh thái số, phát triển các dịch vụ thanh toán trên thiết bị di động, công cụ tiện ích kết nối số ngân hàng – doanh nghiệp; triển khai các ứng dụng các nền tảng phần mềm ứng dụng công nghệ thông minh*** tối ưu hoá quy trình quản lý, vận hành; tiết kiệm chi phí và tối ưu hoá nguồn lực; mở rộng thị trường, khách hàng, cá nhân hóa trải nghiệm người dùng dịch vụ ngân hàng, nâng cao năng lực bán phát hiện gian lận, dự báo rủi ro, tăng cường an ninh và bảo mật. Bên cạnh đó, triển khai đánh giá các xu thế và cơ hội của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc dẫn dắt kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng, đánh giá các ***tác động dẫn dắt và động lực của công nghệ thông tin trong***

định hình lại các mô hình kinh doanh và tái cơ cấu nguồn lực từ đó xây dựng kế hoạch tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin đổi mới, sáng tạo phù hợp với chiến lược phát triển của Ngân hàng bảo đảm các ưu tiên thiết thực thúc đẩy hoạt động kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động phù hợp với điều kiện nguồn lực thực tế của Ngân hàng; đồng thời từng bước tạo lập nền tảng vững chắc, đúng hướng và đồng bộ về công nghệ cho phát triển bền vững, theo kịp các xu hướng phát triển công nghệ, tạo đột phá cho phát triển.

- 2.11. Bảo đảm công tác ***vận hành thông suốt, liên tục***. Tăng cường công tác tự kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành các quy định về an toàn kho quỹ của các chi nhánh, phòng giao dịch trong hệ thống; kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại và hoàn thiện quy trình, quy định nội bộ.
- 2.12. ***Rà soát các mục tiêu và sáng kiến chiến lược để xem xét điều chỉnh và xây dựng kế hoạch hành động cho phù hợp với thực tế và hài hoà*** các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.

Bên cạnh các nhiệm vụ trọng tâm trên đây, HĐQT cũng tập trung chỉ đạo và giám sát thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước tại Chỉ thị 01/CT-NHNN ngày 20/01/2025 về các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2025.

HĐQT yêu cầu Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch hành động cụ thể thực hiện kế hoạch kinh doanh cả năm và các nhiệm vụ trọng tâm trên đây theo từng quý, từng tháng để bảo đảm tính khả thi và làm cơ sở để HĐQT chỉ đạo, giám sát việc tổ chức thực hiện.

HĐQT giao Ủy ban Chiến lược Phát triển bền vững ESG giúp HĐQT trong công tác chỉ đạo, giám sát và đôn đốc thường xuyên mọi mặt Ban Điều hành trong việc tổ chức thực hiện Kế hoạch kinh doanh năm 2025. Đồng thời HĐQT thực hiện vai trò giám sát cấp cao đối với Tổng Giám đốc trong việc thực hiện Kế hoạch kinh doanh cũng như việc tổ chức thực hiện các nội dung Nghị quyết khác của Đại hội đồng Cổ đông, HĐQT để bảo đảm sự phát triển an toàn, bền vững theo định hướng chiến lược nói chung và lấy lại đà tăng trưởng tốt cũng như hoàn thành được các mục tiêu kế hoạch đề ra cho năm 2025 nói riêng.

III. ĐỀ XUẤT

1. HĐQT kính đề nghị ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 của ABBANK đã được kiểm toán; Báo cáo về hoạt động năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025 của HĐQT như trình bày trên đây.

2. Nhằm chủ động giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh (nếu có) trong thời gian giữa hai kỳ họp ĐHĐCĐ, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT quyết định các nội dung sau đây:

2.1. Quyết định bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh phù hợp với định hướng chiến lược kinh doanh bán lẻ của ABBANK; thực hiện thủ tục, hồ sơ cập nhật bổ sung ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2.2. Xem xét, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế và chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước.

HĐQT trân trọng báo cáo và kính trình ĐHĐCĐ thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đào Mạnh Kháng

**BÁO CÁO VỀ THẨM ĐỊNH TÀI CHÍNH;
VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG
NĂM 2025 CỦA BAN KIỂM SOÁT**



Thông tin
Đại hội đồng cổ đông



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐÃ THÔNG QUA VĂN BẢN NÀY

GENERAL SHAREHOLDERS MEETING APPROVED THIS DOCUMENT

18-04-2025

Vào ngày / on the date:

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

(Trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025)

- Căn cứ Điều 52, Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2024 về nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK);
- Căn cứ tình hình hoạt động của ABBANK, Báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2024.

Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP An Bình xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả thực hiện nhiệm vụ 2024 như sau:

I. KẾT QUẢ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (BKS) NĂM 2024

Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK) gồm 03 (ba) thành viên: Bà Nguyễn Thị Hạnh Tâm - Trưởng Ban kiểm soát và hai thành viên là ông Nguyễn Hồng Quang (thành viên chuyên trách) và bà Nguyễn Thị Thanh Thái (Thành viên không chuyên trách). Trực thuộc BKS là Kiểm toán nội bộ với 33 nhân sự.

Trong năm 2024, BKS đã tổ chức thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ của BKS theo quy định tại Điều lệ ABBANK và Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS. Các nội dung chính đã được triển khai trong năm 2024 như: Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng trong công tác quản trị điều hành; Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ; Giám sát tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra NHNN, theo sát việc thực hiện các chỉ thị, văn bản chỉ đạo của NHNN; thực hiện thẩm định báo cáo tài chính;...

Thực hiện chức năng giám sát của quản lý cấp cao đối với Kiểm toán nội bộ (KTNB). Giám sát KTNB thực hiện đầy đủ các cuộc kiểm toán, nội dung kiểm toán theo kế hoạch

2024 đã được Trường Ban Kiểm soát phê duyệt và đã báo cáo NHNN. Kế hoạch kiểm toán năm 2024 được xây dựng dựa trên nguyên tắc đánh giá rủi ro xem xét nhiều khía cạnh để đảm bảo bao quát được các rủi ro chính trong các hoạt động, bộ phận và quy trình trọng yếu của Ngân hàng.

Các phiên họp định kỳ của BKS do Trường BKS triệu tập, có sự tham dự đầy đủ của các thành viên BKS. Biên bản họp của BKS được lập và lưu giữ đầy đủ theo quy định. Ngoài ra, BKS cũng thường xuyên trao đổi, bàn bạc các nội dung phát sinh trong quá trình hoạt động.

Từ kết quả hoạt động, BKS đã đưa ra các ý kiến, kiến nghị với Hội đồng quản trị (HDQT), Ban điều hành (BDH) các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ ABBANK và các quy định nội bộ khác theo các phương thức như có ý kiến kiến nghị trực tiếp tại các cuộc họp HDQT/Giao ban/Các cuộc họp khác khi BKS tham dự; gửi thư khuyến nghị, phát hành báo cáo hàng quý, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và tăng trưởng an toàn, bền vững của ABBANK.

Các thành viên BKS đã hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao; tham dự đầy đủ các phiên họp định kỳ và đột xuất của BKS, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề, nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của BKS.

Các hoạt động giám sát cụ thể của BKS trong năm 2024 như sau:

1. Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Qua kết quả giám sát và kiểm toán cho thấy: trong năm 2024, HDQT và BDH đã chủ động đề ra các giải pháp ứng phó với tình hình thực tiễn, thực hiện quyết liệt các biện pháp thúc đẩy kinh doanh trong môi trường nền kinh tế còn khó khăn, bất ổn, khó dự báo. Kết quả các chỉ tiêu kinh doanh đạt được như sau: tổng tài sản hoàn thành 104% kế hoạch, tiền gửi huy động khách hàng và phát hành giấy tờ có giá đạt 97% kế hoạch, cho vay đạt 90% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 78% kế hoạch nên chưa hoàn thành được kế hoạch kinh doanh năm 2024 mà ĐHĐCĐ đã thông qua.

2. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng trong hoạt động quản trị điều hành của HDQT, BDH

HDQT đã ban hành các Nghị quyết và các văn bản chỉ đạo, định hướng mục tiêu, kế hoạch kinh doanh năm 2024 và các nhiệm vụ trọng tâm trong điều hành hoạt động của ABBANK. Trong năm 2024, HDQT đã ban hành 41 quyết định, văn bản về chính sách và quản trị như:

STT	Số Văn Bản	Tiêu đề nội dung văn bản	Ngày ban hành
1	431/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc ban hành Quy chế Quản lý hoạt động mạng lưới	31/12/2024
2	425/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc ban hành Quy chế bảo lãnh đối với khách hàng	30/12/2024
3	424/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc ban hành Quy chế an toàn hệ thống thông tin	24/12/2024
4	409/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc ban hành Quy chế cho vay của Ngân hàng TMCP An Bình đối với khách hàng	11/12/2024
5	393/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc Ban hành Quy chế phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Ngân hàng TMCP An Bình	28/11/2024
6	387/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc Ban hành Quy định chế độ Tiền lương và Phụ cấp tại Ngân hàng TMCP An Bình	22/11/2024
7	388/QĐ-HĐQT.24	Quyết định Ban hành Quy định chế độ thưởng tại Ngân hàng TMCP An Bình	22/11/2024
8	386/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc sửa đổi quyết định số 287/QĐ-HĐQT.24 ngày 21/8/2024 về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Khối Tổng hợp	19/11/2024
9	381/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc Cử nhân sự tham gia Ban tín dụng	04/11/2024
10	03/CT-HĐQT.24	Chỉ thị của Chủ tịch Hội Đồng Quản trị về việc Thúc đẩy tăng trưởng cuối năm 2024	23/10/2024

11	360/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc Chấm dứt hoạt động của Hội đồng tín dụng chuyên biệt và Hội đồng ứng dụng TT02/2023/TT-NHNN	23/10/2024
12	356/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc ban hành Quy chế bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán	22/10/2024
13	341/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc ban hành Quy chế thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng	27/09/2024
14	334/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức Khối Quản trị Nguồn nhân lực	23/09/2024
15	335/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc cử nhân sự tham gia Hội đồng Xử lý nợ	23/09/2024
16	336/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc cử nhân sự tham gia Hội đồng Xử lý Rủi ro	23/09/2024
17	02/CT-HĐQT.24	Chỉ thị của Chủ tịch HĐQT về việc Chấn chỉnh và tăng cường công tác phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố	23/09/2024
18	303/QĐ-HĐQT.24	Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế Mua, bán trái phiếu doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 124/QĐ-HĐQT.23 ngày 13/06/2023	06/09/2024
19	292/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc Ban hành Chính sách dự phòng rủi ro tín dụng	29/08/2024
20	290/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc Quy định về các giới hạn, tỷ lệ an toàn trong hoạt động tại ABBANK	26/08/2024

21	288/QĐ-HĐQT.24	Quyết định ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chuyển đổi - Ngân hàng TMCP An Bình	21/08/2024
22	247/QĐ-HĐQT.24	Quyết định Ban hành Quy chế quản lý dự án tại Ngân hàng TMCP An Bình	26/07/2024
23	244/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Khối Ngân hàng số và Dữ liệu - Ngân hàng TMCP An Bình	22/07/2024
24	240-1/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế Góp vốn mua cổ phần tại Ngân hàng TMCP An Bình ban hành kèm theo Quyết định số 232/QĐ-HĐQT.21	17/07/2024
25	229/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc cử nhân sự tham gia Hội đồng tín dụng	10/07/2024
26	220/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc Ban hành Chính sách tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tại ABBANK	01/07/2024
27	218/QĐ-HĐQT.24	Quyết định Về việc sửa đổi Quy chế miễn, giảm lãi vay đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQT.17	28/06/2024
28	218-1/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc cập nhật Bộ nhận diện thương hiệu Ngân hàng TMCP An Bình	28/06/2024
29	185/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc Cử nhân sự tham gia Chương trình “Nâng cao năng lực quản lý và lãnh đạo – ABB Excel Leadership” tại Ngân hàng TMCP An Bình	28/05/2024

30	153/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc Ban hành Quy chế hệ thống kiến trúc dữ liệu Cán bộ nhân viên của Ngân hàng TMCP An Bình	24/04/2024
31	152/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc Ban hành Quy định về Hệ thống kiến trúc công việc tại Ngân hàng TMCP An Bình	24/04/2024
32	118/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc Phê duyệt mô hình thẻ điểm hồ sơ – thẻ điểm A (Application Score Card) và triển khai ứng dụng mô hình trong hoạt động kinh doanh cho SME và NHBB	27/03/2024
33	102/QĐ-HĐQT.24	Quyết định Về việc phê duyệt sử dụng mô hình định lượng rủi ro – Mô hình hành vi thẻ B – trong việc chấm điểm và xếp hạng tín dụng nội bộ cho phân khúc Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ và Ngân hàng bán buôn tại ABBank	12/03/2024
34	80/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc Ban hành Khẩu vị rủi ro năm 2024	05/02/2024
35	09/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc Thành lập Khối Tài chính - Kế toán Ngân hàng TMCP An Bình	12/01/2024
36	11/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc Thành lập Văn phòng Chuyển đổi – Ngân hàng TMCP An Bình	12/01/2024
37	06/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc Ban hành Quy chế chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác đối với khách hàng	11/01/2024
38	05/QĐ-HĐQT.24	Quyết định Về việc phê duyệt sử dụng mô hình định lượng rủi ro trong việc chấm điểm hành vi khách hàng để đưa ra đề xuất trước	11/01/2024

		hạn mức cấp thẻ tín dụng phân khúc Khách hàng cá nhân tại ABBANK	
39	01/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc Thành lập Khối Marketing và ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Khối Marketing - Ngân hàng TMCP An Bình	05/01/2024
40	287/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức Khối Tổng hợp	21/08/2024
41	217/QĐ-HĐQT.24	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các cấp phê duyệt tín dụng tại ABBANK	28/06/2024

BĐH đã ban hành các quy định nội bộ đối với các hoạt động nghiệp vụ, bảo đảm có cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro gắn với từng quy trình nghiệp vụ kinh doanh. ABBANK đã duy trì các chỉ tiêu về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng phù hợp với quy định của NHNN (bao gồm các chỉ tiêu về hệ số an toàn vốn tối thiểu, tỷ lệ khả năng chi trả, hệ số sử dụng vốn/nguồn vốn huy động, giới hạn góp vốn, mua cổ phần, giới hạn cấp tín dụng...); Tiếp tục tái cơ cấu, sắp xếp lại bộ máy hoạt động phù hợp với tình hình thực tế nhằm mục tiêu tối ưu hiệu quả hoạt động, nâng cao chất lượng quản trị rủi ro; Tiếp tục triển khai các dự án nâng cấp hệ thống công nghệ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng và cung cấp thông tin quản lý kịp thời, đầy đủ, chính xác, hỗ trợ quá trình chuyển đổi số của ngân hàng.

3. Công tác phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BĐH và các cổ đông

Theo Quy chế quản trị nội bộ, Trưởng BKS đã tham gia đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT, tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban. Các thành viên BKS đều nhận được đầy đủ các kết luận, nghị quyết của HĐQT và nhận được đầy đủ các kết luận giao ban hàng tháng cũng như chỉ đạo hoạt động kinh doanh của BĐH. Thành viên BKS được trao đổi công việc trực tiếp và cụ thể với các đơn vị trong ngân hàng cũng như với BĐH và HĐQT.

HĐQT và BĐH đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của Thanh tra NHNN và BKS. Công tác phối hợp giữa BKS với HĐQT, BĐH được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ ABBANK và quy định nội

bộ của ABBANK.

BKS đã báo cáo đầy đủ kết quả giám sát trước các cổ đông tại các kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Điều lệ ABBANK. Trong năm 2024, không có cổ đông hoặc nhóm cổ đông nào yêu cầu BKS thực hiện kiểm tra, xem xét sổ sách kế toán, tài liệu hoặc yêu cầu kiểm tra liên quan đến hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của ABBANK.

4. Lập, lưu giữ và cập nhật danh sách những người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, cổ đông sở hữu tối thiểu 1% vốn điều lệ trở lên của ABBANK theo Luật các tổ chức tín dụng 2024:

Trong năm 2024, nhân sự HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua 7 người và nhân sự BKS là 3 người. Các nhân sự được bầu đều không có sự thay đổi.

Riêng Phó Tổng Giám đốc được giao thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc thì có sự thay đổi và đã được cập nhật đầy đủ.

BKS thường xuyên theo dõi và cập nhật kịp thời danh sách cổ đông sở hữu tối thiểu 1% vốn điều lệ trở lên của ABBANK theo Luật các tổ chức tín dụng 2024, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, người điều hành và Kế toán trưởng và người có liên quan theo quy định.

5. Đánh giá về giao dịch giữa Ngân hàng, Công ty con với Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của ABBANK và những người có liên quan

Trong năm 2024, các giao dịch giữa ABBANK với người có liên quan đã được trình HĐQT phê duyệt theo thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ ABBANK. Tổng hợp nội dung giao dịch với bên liên quan được thể hiện trong Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2024 và được công bố trên website của ABBANK: www.abbank.vn.

6. Các khoản cấp tín dụng cho các đối tượng quy định tại Điều 135 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024

ABBANK tuân thủ đúng quy định về việc cấp tín dụng cho các đối tượng hạn chế cấp tín dụng quy định tại Điều 135 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

7. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định; hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị tại Điều 52 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024

ABBANK đảm bảo tuân thủ đúng quy định và BKS đã thực hiện giám sát đầy đủ theo Điều 52 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

8. Thực hiện giám sát quản lý cấp cao đối với KTNB

8.1. Giám sát KTNB triển khai nhiệm vụ theo kế hoạch năm 2024

- Tính đến 31/12/2024, KTNB đã hoàn thành đạt 100% kế hoạch năm.
- Qua hoạt động kiểm toán, KTNB đã phát hành báo cáo gửi tới BDH và các Khối, đơn vị có liên quan. BDH/Khối HO/ĐVKD đã ghi nhận các kiến nghị của và đưa ra các biện pháp khắc phục. BKS cũng theo dõi việc thực hiện các kiến nghị của BKS đối với KTNB.
- KTNB đã rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp, đầy đủ, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, chỉ ra các thay đổi cần thiết đối với hệ thống kiểm soát nội bộ để xử lý, khắc phục các tồn tại; tổ chức tốt công tác theo dõi tình hình thực hiện kiến nghị và báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị, đảm bảo các vấn đề tồn tại, sai sót được khắc phục đầy đủ, kịp thời.
- BKS giám sát cơ quan KTNB theo đúng quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN, Điều lệ ABBANK, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS; thực hiện phê duyệt kế hoạch KTNB hàng năm, giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán đã được BKS phê duyệt.
- BKS thường xuyên tổ chức các cuộc họp với các lãnh đạo cơ quan KTNB để đánh giá các vấn đề ghi nhận qua hoạt động kiểm toán, nhận diện các vấn đề rủi ro trọng yếu; chỉ đạo, định hướng công tác kiểm toán nội bộ; yêu cầu cán bộ kiểm toán nội bộ tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ quy trình kiểm toán nội bộ; nắm bắt các khó khăn, vướng mắc để tháo gỡ kịp thời; định kỳ thực hiện đánh giá hoạt động của KTNB nhằm không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động kiểm toán nội bộ, đảm bảo tính toàn diện và tính chuyên nghiệp trong hoạt động kiểm toán nội bộ.
- Công tác kiện toàn nhân sự và nâng cao chất lượng hoạt động của Kiểm toán nội bộ luôn được BKS chú trọng. Trong năm 2024, đã kiện toàn và bổ sung nhân sự cho KTNB.
- Công tác đào tạo nghiệp vụ tại KTNB được duy trì thường xuyên với hình thức đào tạo phù hợp tình hình thực tế; BKS đã chỉ đạo kiểm toán nội bộ triển khai, ứng dụng rộng rãi phần mềm quản lý hoạt động kiểm tra, kiểm toán, tăng cường sử dụng các công cụ, kỹ thuật kiểm toán hiện đại; đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong hoạt động kiểm toán nội bộ, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm toán nội bộ, tiến tới đáp ứng các yêu cầu về mô hình quản trị rủi ro hiện đại.
- Liên tục hoàn thiện chính sách, quy định nội bộ KTNB đáp ứng các yêu cầu pháp luật và mục tiêu quản trị nội bộ của ABBank.

- Kế hoạch kiểm toán năm đảm bảo nguyên tắc định hướng theo rủi ro và nguyên tắc toàn diện, các hoạt động, quy trình, bộ phận của ABBANK đều phải được kiểm toán; Đơn vị và quy trình trọng yếu hoặc mức độ rủi ro cao phải được kiểm toán ít nhất mỗi năm một lần; Xem xét việc cập nhật rủi ro của KTNB trong năm và điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình hoạt động thực tiễn của Ngân hàng và các yêu cầu pháp luật, cơ quan quản lý theo từng thời kỳ.

8.2. Báo cáo NHNN và việc giám sát xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của BKS, KTNB theo kiến nghị các cơ quan chức năng.

Trong năm 2024, dưới sự chỉ đạo của BKS, KTNB đã thực hiện tuân thủ và kịp thời các báo cáo định kỳ, đồng thời phối hợp với các Đơn vị trong ABBANK thực hiện các nội dung báo cáo tới NHNN từng lần theo yêu cầu đột xuất.

8.3. Thực hiện thẩm định BCTC và giám sát kết quả tài chính

BKS đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính của ABBANK (đã được kiểm toán độc lập) và xác nhận kết quả như sau:

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của ABBANK và các công ty con, được trình bày theo các mẫu báo cáo theo quy định của NHNN về chế độ báo cáo tài chính đối với các TCTD, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của ABBANK và các công ty con tại thời điểm 31/12/2024.
- Các chỉ tiêu cơ bản về vốn, tài sản tại thời điểm 31/12/2024 và kết quả hoạt động kinh doanh của ABBANK năm 2024 đã được kiểm toán độc lập bởi công ty TNHH KPMG Việt Nam, như sau:

1. Tổng tài sản:	176.619 tỷ đồng
2. Vốn chủ sở hữu:	13.936 tỷ đồng
3. Tổng lợi nhuận trước thuế:	779 tỷ đồng
4. Thuế TNDN:	151 tỷ đồng
5. Lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng:	627 tỷ đồng

II. ĐỊNH HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2025.

Với tình hình hoạt động và xu hướng chuyển đổi số mạnh mẽ của Ngân hàng, định hướng hoạt động trong năm 2025 của BKS:

- Tăng cường giám sát việc tổ chức và triển khai thực hiện chỉ thị của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, NHNN về các nhiệm vụ trọng tâm của ngành ngân hàng trong năm 2025.
- Tiếp tục theo dõi và giám sát việc thực hiện Đề án tái cơ cấu Ngân hàng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021- 2025, đảm bảo đạt được mục tiêu đề ra.
- Triển khai nghiêm túc chỉ đạo của NHNN đối với BKS và KTNB, đảm bảo tuân thủ các quy định và hướng dẫn của NHNN.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ để nhận biết và kiểm soát kịp thời, toàn diện các rủi ro trọng yếu trong hoạt động ngân hàng, đặc biệt là các rủi ro về an ninh mạng, an toàn bảo mật thông tin.
- Đảm bảo việc thực hiện kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, nhằm khắc phục các vấn đề tồn tại, sai sót, đảm bảo hoạt động của ngân hàng an toàn, hiệu quả.
- Đầu tư vào công nghệ và đổi mới quy trình để nâng cao hiệu quả công tác giám sát, kiểm toán, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của Ngân hàng.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS và kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng, BKS báo cáo kế hoạch hoạt động năm 2025 như sau:

- Báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của BKS theo Luật các TCTD năm 2024, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và NHNN.
- Thực hiện chức năng giám sát nội bộ trong hoạt động quản trị, điều hành của Ngân hàng, đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ ngân hàng.
- Thực hiện chức năng giám sát quản lý cấp cao đối với KTNB, đảm bảo hiệu quả và hiệu lực trong công tác kiểm toán nội bộ.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025, đảm bảo các mục tiêu và nhiệm vụ được triển khai hiệu quả.
- Thẩm định các báo cáo tài chính định kỳ của ngân hàng, đảm bảo tính chính xác, trung thực và tuân thủ theo quy định pháp luật.
- Tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch kiểm toán năm 2025, đảm bảo các rủi ro được kiểm soát và đạt được các mục tiêu kế hoạch.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ ngân hàng và yêu cầu của NHNN.

III. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ CỦA BKS

1. BKS đề xuất, kiến nghị HĐQT và BDH

Trên cơ sở giám sát các hoạt động và để ABBANK đáp ứng mục tiêu tăng trưởng ổn định, BKS kiến nghị tới HĐQT và BDH một số nội dung trọng tâm như sau:

- HĐQT và BDH cần tiếp tục chỉ đạo việc đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng theo định hướng của Chính phủ và NHNN để góp phần vào tăng trưởng kinh tế trên cơ sở kiểm soát được chất lượng tín dụng.
- Nghiên cứu, điều chỉnh quy trình tín dụng theo hướng đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ vay cho khách hàng và đồng thời bảo đảm kiểm soát được rủi ro.
- Tăng cường thu hồi nợ xấu bằng mọi giải pháp, nhằm giảm thiểu rủi ro và bảo đảm an toàn tài chính cho hoạt động ngân hàng.
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giám sát chặt chẽ các dự án phát triển công nghệ thông tin đảm bảo an toàn, bảo mật; đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ ngân hàng, điều hành, quản lý, phân tích và phòng ngừa rủi ro; tăng cường các biện pháp phòng chống rửa tiền.
- Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, đào tạo để tiếp tục nâng cao văn hóa, ý thức tuân thủ các quy định và quy tắc đạo đức nghề nghiệp.
- Tiếp tục chuyển đổi để tạo đà phát triển ngân hàng bán lẻ hiệu quả và bền vững, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và góp phần vào sự phát triển của nền kinh tế.

2. BKS đề xuất kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua

2.1 Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 của ABBANK đã được Công ty TNHH KPMG Việt Nam thực hiện kiểm toán độc lập và Ban Kiểm soát thẩm định.

2.2 Đề xuất ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong bốn đơn vị kiểm toán uy tín quốc tế (Big 4) gồm: Công ty kiểm toán PWC; Công ty Deloitte Việt Nam; Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam hoặc Công ty TNHH KPMG Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính 2026 cho ABBANK.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



NGUYỄN THỊ HẠNH TÂM

**TỜ TRÌNH
TRÍCH LẬP CÁC QUỸ
VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN SAU THUẾ 2024**



Thông tin
Đại hội đồng cổ đông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO
THÙ LAO THÀNH VIÊN HĐQT,
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024
VÀ ĐỀ XUẤT CHO NĂM 2025



Thông tin
Đại hội đồng cổ đông



Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐÃ THÔNG QUA VĂN BẢN NÀY
GENERAL SHAREHOLDERS MEETING APPROVED THIS DOCUMENT

Vào ngày / on the date: 18-04-2025

**BAO CÁO VỀ THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024
VÀ ĐỀ XUẤT CHO NĂM 2025**

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua)

Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK) kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua về thù lao của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) như sau:

1. Báo cáo về thù lao đã chi năm 2024

Đại hội đồng Cổ đông thường niên ABBANK ngày 05/4/2024 đã thông qua kế hoạch ngân sách chi thù lao HĐQT và BKS năm 2024 là 35 tỷ đồng. Tuy nhiên, do lợi nhuận năm 2024 của ABBANK không đạt kế hoạch nên tổng thù lao, thù lao kiêm nhiệm cho HĐQT và BKS đã chi trong năm 2024 là 25,375 tỷ đồng, bằng 72,43% tổng mức thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nội dung	Chi năm 2024 (tỷ đồng)
1. Thù lao chi cho Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát, trong đó:	23,100
- Thù lao Thành viên HĐQT	18,000
- Thù lao Thành viên BKS	5,100
2. Thù lao kiêm nhiệm chi cho Thành viên HĐQT tham gia các Ủy ban thuộc HĐQT	2,250
TỔNG (1 + 2)	25,350

Các chi phí hoạt động khác, công tác phí,... của HĐQT, BKS được thực hiện theo đúng quy định chi tiêu nội bộ của Ngân hàng.

2. Đề nghị thù lao năm 2025

Với các yêu cầu ngày càng cao của Ngân hàng Nhà nước nói riêng và pháp luật nói chung theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng 2024, Luật Chứng khoán 2029 (đã được sửa đổi, bổ sung) và Luật Doanh nghiệp 2020 (đã được sửa đổi, bổ sung) về vai trò và trách nhiệm của HĐQT, BKS trong công tác quản trị, giám sát hoạt động ngân hàng; trách nhiệm thực hiện giám sát cấp cao của HĐQT đối với công tác quản

lý, điều hành của Tổng Giám đốc và người điều hành khác của ABBBANK;... Do đó đòi hỏi nâng cao hơn nữa vai trò của HĐQT và BKS trong chỉ đạo, quản trị và giám sát các hoạt động của Ngân hàng, nhằm bảo đảm ABBANK hoạt động an toàn, ổn định tạo nền tảng phát triển cho tương lai.

Trên cơ sở cơ chế thù lao và thưởng gắn với nhiệm vụ được giao và bảo đảm cho công tác quản trị, kiểm soát hoạt động của Ngân hàng được thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao nhất, HĐQT kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua:

- a) Tổng mức chi thù lao và thù lao kiêm nhiệm cho Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát năm 2025 là 35 tỷ đồng (giữ nguyên so với kế hoạch năm 2024).
- b) Trường hợp lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2025 của Ngân hàng vượt mục tiêu lợi nhuận được Đại hội đồng Cổ đông đề ra thì quỹ thưởng dành cho Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát là 2% phần lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch.

Trân trọng kính trình!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đào Mạnh Kháng

ĐIỀU LỆ ABBANK

(SỬA ĐỔI)



Thông tin
Đại hội đồng cổ đông



Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐÃ THÔNG QUA VĂN BẢN NÀY
GENERAL SHAREHOLDERS MEETING APPROVED THIS DOCUMENT

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
VỀ ĐIỀU LỆ ABBANK (SỬA ĐỔI)**

Vào ngày / on the date:

18-04-2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK)

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI)

1. Điều lệ ABBANK hiện hành được ban hành lại năm 2021 (Điều lệ 2021) trên cơ sở nền tảng của 02 đạo luật mới được ban hành tại thời điểm đó là Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 (Luật Chứng khoán 2019) và Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp 2020) cùng có hiệu lực vào ngày 01/01/2021 thay thế cho Luật Chứng khoán 2006 (sửa đổi 2010) và Luật Doanh nghiệp 2014. Đồng thời, Điều lệ 2021 cũng đã được cập nhật nhiều quy định từ các văn bản hướng dẫn thi hành hai Luật này áp dụng đối với việc tổ chức và hoạt động của ABBANK với tính chất là một công ty đại chúng quy mô lớn đang có cổ phiếu đăng ký giao dịch tập trung tại sàn UPCOM phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chuẩn hoá cơ cấu và nội dung yêu cầu theo Điều lệ mẫu công ty đại chúng.
2. Tiếp theo, trên cơ sở kết quả các đợt chào bán, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ ABBANK đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung. Căn cứ nội dung giấy phép được điều chỉnh nói trên, đồng thời để cập nhật các quy định sửa đổi, bổ sung của Luật Doanh nghiệp, trong những năm 2022 và 2023 bản Điều lệ 2021 tiếp tục được điều chỉnh, cụ thể:
 - a) Năm 2022, Điều lệ ABBANK được sửa đổi, bổ sung:
 - Cập nhật mức vốn điều lệ mới và số lượng cổ phần theo kết quả đợt chào cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho CBNV ABBANK và phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu (cổ phiếu thưởng) cho cổ đông hiện hữu năm 2022 (Vốn điều lệ của ABBANK đã tăng từ 5.713.113.550.000 đồng lên 9.409.470.820.000 đồng).
 - Bổ sung quy định tại Điều lệ giới hạn tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại ABBANK.
 - Cập nhật quy định sửa đổi bổ sung quy định về Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị theo quy định sửa đổi Luật Doanh nghiệp ngày 11/01/2022.

b) Năm 2023, Điều lệ ABBANK được sửa đổi, bổ sung:

- Cập nhật mức vốn điều lệ và số lượng cổ phần theo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông năm 2023 (Vốn điều lệ của ABBANK đã tăng tiếp từ 9.409.470.820.000 đồng lên 10.350.367.620.000 đồng).

3. Ngày 18/01/2024, Luật Các tổ chức tín dụng mới (Luật Các TCTD 2024) được thông qua với phạm vi sửa đổi, bổ sung khá toàn diện cả về cấu trúc và nội dung với nhiều quy định mới. Luật Các TCTD 2024 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024 thay thế cho Luật các TCTD 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngày 04/4/2024 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có Thông báo số 124/TB-NHNN về kết luận của Thống đốc NHNN tại Hội nghị trực tuyến quán triệt, phổ biến Luật Các TCTD 2024, trong đó có nội dung yêu cầu các tổ chức tín dụng *“khẩn trương rà soát Điều lệ, hệ thống văn bản quy định nội bộ để sửa đổi, bổ sung, thay thế bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Các TCTD 2024”*.

Trên cơ sở bối cảnh trên và nhằm bảo đảm tính tuân thủ và thống nhất với các quy định của Luật Các TCTD 2024, việc rà soát, soạn thảo Điều lệ (sửa đổi) của ABBANK để trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2025 là cần thiết.

Hội đồng Quản trị (HDQT) kính trình Đại hội đồng Cổ đông bản dự thảo Điều lệ ABBANK (sửa đổi) đã được soạn thảo, chỉnh lý sau nhiều lần lấy ý kiến nội bộ các đơn vị liên quan.

II. NGUYÊN TẮC SOẠN THẢO

Việc dự thảo Điều lệ được thực hiện trên các nguyên tắc sau đây:

1. Bảo đảm đồng thời các yêu cầu tuân thủ 3 văn bản luật liên quan trực tiếp đến hoạt động của ABBANK là: Luật Các TCTD 2024, Luật Chứng khoán 2019 và Luật Doanh nghiệp 2020 cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật này. Trong đó, xác định và cập nhật theo các quy định đặc thù tại các điều khoản cụ thể của Luật Các TCTD 2024 đối với các vấn đề liên quan đến tổ chức quản lý, hoạt động của ABBANK.
2. Tham chiếu cơ cấu và nội dung của Điều lệ mẫu công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC nhằm đáp ứng định hướng tiêu chuẩn điều lệ áp dụng đối với công ty niêm yết và quản trị doanh nghiệp theo thông lệ tốt.
3. Kế thừa nền tảng và các quy định đặc thù, phù hợp với thực tế hoạt động của ABBANK tại Điều lệ hiện hành; đồng thời tiếp tục rà soát loại bỏ những quy định không thực sự cần thiết không còn phù hợp.

III. CƠ CẤU VÀ NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI)

Dự thảo Điều lệ (sửa đổi) giữ cơ cấu như bản Điều lệ hiện hành, gồm 6 chương với tổng số 86 Điều với một số nội dung chính được sửa đổi, bổ sung nhằm cập nhật quy định của Luật Các TCTD, bao gồm:

1. Chương I: Quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 9)

Nội dung sửa đổi chính của Chương này gồm:

- Mở rộng đối tượng Người có liên quan (Điều 1.1(I)) tuân thủ Điều 4.24 Luật Các TCTD 2024.
- Thay đổi chức danh của người đại diện theo pháp luật từ Chủ tịch HĐQT sang Tổng Giám đốc để chủ động trong các công việc và phù hợp với tình hình thực tế của ABBANK (Điều 3).
- Bổ sung 1 điều (Điều 6) về ban hành quy định nội bộ về hoạt động nghiệp vụ và việc tham gia cơ chế thử nghiệm có kiểm soát với nội dung phù hợp với quy định mới tại Điều 101 và Điều 106 Luật Các TCTD 2024.
- Bổ sung yêu cầu bảo đảm an toàn dữ liệu và bảo đảm hoạt động liên tục (Điều 8).
- Bổ sung các quy định về hạn chế góp vốn, mua cổ phần nhằm chống sở hữu chéo (Điều 9.10).

2. Chương II: Vốn điều lệ, cổ phần và cổ phiếu (từ Điều 10 đến Điều 19), gồm 2 Mục

- a) Mục 1 - Vốn điều lệ (Điều 10 và Điều 11): Nội dung cơ bản như quy định của Điều lệ hiện hành và phù hợp với Giấy phép do NHNN cấp.
- b) Mục 2 - Cổ phần và cổ phiếu (từ Điều 12 đến Điều 19): Nội dung sửa đổi quan trọng tại mục này gồm:
 - Thắt chặt hơn giới hạn sở hữu cổ phần (Điều 12.2 và 12.3) nhằm tuân thủ quy định của Luật Các TCTD 2024, cụ thể:
 - Một cổ đông là cá nhân chỉ được sở hữu tối đa 5%, một cổ đông là tổ chức chỉ được sở hữu tối đa 10% vốn điều lệ ABBANK.
 - Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa 15% vốn điều lệ của ABBANK.

Kể từ ngày 01/7/2024 (ngày Luật Các TCTD có hiệu lực thi hành), cổ đông, cổ đông và người có liên quan sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần được tiếp tục duy trì cổ phần nhưng không được tăng thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ này, trừ trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu.

- Điều chỉnh giới hạn tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại ABBANK tối đa từ 24,6% xuống mức 16,5% (mức thực tế hiện tại) nhằm chủ động để dành room cho đối tượng cổ đông lớn/cổ đông chiến lược nước ngoài khi cần.
- Ngoài ra, dự thảo Điều lệ bỏ yêu cầu cổ đông lớn phải được NHNN chấp thuận trước khi chuyển nhượng cổ phần (Điều 15.3) do Luật Các TCTD 2024 chỉ yêu cầu các trường hợp nhận chuyển nhượng trở thành cổ đông lớn mới cần có sự chấp thuận trước của NHNN.

3. Chương III: Tổ chức quản lý của ABBANK (từ Điều 19 đến Điều 69), gồm 7 Mục

a) Mục 1 – Các quy định chung (từ Điều 20 đến Điều 32): Các sửa đổi, bổ sung chính:

- Thực hiện kiểm toán hệ thống kiểm soát nội bộ theo yêu cầu của NHNN và việc ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ (Điều 21.3 và Điều 21.4).
- Đặc biệt, bổ sung quy định mới tại Điều 24 về không cùng đảm nhiệm chức vụ. Theo đó, thành viên HĐQT (không chỉ Chủ tịch HĐQT như hiện hành) không được đồng thời là người quản lý (thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc...) của tổ chức tín dụng khác hay doanh nghiệp khác... Quy định chặt chẽ hơn về không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc cũng được cập nhật. Các sửa đổi này nhằm tuân thủ quy định tại Điều 43 Luật Các TCTD 2024.
- Điểm đáng lưu ý nữa là sửa đổi bổ sung Điều 29 với yêu cầu chặt chẽ hơn về nghĩa vụ kê khai đầy đủ thông tin người có liên quan của cổ đông sở hữu từ 1% vốn cổ phần ABBANK trở lên bên cạnh nhóm đối tượng Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc như quy định hiện hành. Việc cung cấp thông tin bằng văn bản thực hiện lần đầu và mỗi khi có thay đổi trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin. Định kỳ hằng năm, ABBANK phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thông tin về:
 - o Các tổ chức có lợi ích liên quan đến người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát ABBANK (tổ chức khác mà bản thân hoặc cùng với người có liên quan sở hữu từ 5% vốn trở lên hoặc là người quản lý, Kiểm soát viên/thành viên Ban Kiểm soát hoặc tổ chức là bên liên quan của họ).
 - o Thông tin số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông và người có liên quan đối với cổ đông sở hữu từ 1% vốn điều lệ ABBANK trở lên (bên cạnh việc công bố trên website của ABBANK).
 - o Việc cấp tín dụng cho các đối tượng hạn chế cấp tín dụng quy định tại Khoản 1 Điều 135 Luật Các TCTD 2024.

Ngoài ra tại Điều 29.6 dự thảo Điều lệ quy định Người quản lý, người điều hành ABBANK có nghĩa vụ thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho ABBANK về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của ABBANK và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng Quản trị chấp thuận. Các đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.

- Bỏ điều quy định riêng về yêu cầu đối với giao dịch với Người có liên quan phải được Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị chấp thuận nhằm tránh trùng lặp do nội dung vấn đề này đã được quy định cụ thể tại Điều: 38.16, 38.17 và Điều 52.6, 52.7, 52.8 dự thảo Điều lệ về thẩm quyền phê duyệt các hợp đồng, giao dịch của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị trong đó có các hợp đồng, giao dịch với Người có liên quan phù hợp với nội dung được quy định tại Điều 67.3(q)(r) và Điều 70.8, 70.9 Luật Các TCTD 2024.

b) Mục 2 - Cổ đông và Đại hội đồng Cổ đông (từ Điều 33 đến Điều 49): Các nội dung sửa đổi quan trọng gồm:

- Điều chỉnh quy định về quyền của cổ đông/nhóm cổ đông lớn tại Điều 34.3 và 34.4 căn cứ quy định đặc thù của Luật Các TCTD 2024 (Điều 61.9 và 67.2(d)). Theo đó, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường.
- Hiệu chỉnh, sắp xếp lại một số nội dung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông (Điều 38), về cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông (Điều 39) cho phù hợp với quy định tại Điều 67 Luật Các TCTD 2024 cũng như thông lệ thực tế hiện nay.
- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 46 và Điều 47 Điều lệ về thể thức và điều kiện thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bám sát theo quy định của Luật Các TCTD. Đây là quy định có tính đặc thù của Luật Các TCTD 2024 khác so với Luật Doanh nghiệp 2020. Theo đó, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông gồm 4 nội dung:
 - Thông qua định hướng phát triển của ABBANK;
 - Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

- Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho ABBANK và cổ đông của ABBANK;
- Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản.

(Các vấn đề khác có thể lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua)

Điều kiện được số cổ đông đại diện trên 65% chấp thuận khi thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông áp dụng trong 3 trường hợp là:

- Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; phương án chào bán, phát hành cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
- Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của ABBANK mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ABBANK.

(Các vấn đề khác tỷ lệ cần thiết là trên 50%)

c) Mục 3 - Hội đồng Quản trị (từ Điều 50 đến Điều 58): So với Điều lệ hiện hành, có một số nội dung được cập nhật sau đây:

- Sửa đổi, bổ sung yêu cầu về cơ cấu thành viên HĐQT gồm tối thiểu 2 thành viên độc lập và tối thiểu 2/3 tổng số thành viên là thành viên độc lập, không điều hành (Điều 50).
- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, sắp xếp lại các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện thành viên HĐQT (Điều 51); nhiệm vụ của HĐQT (Điều 52), quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT (Điều 53), quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT (Điều 54) căn cứ theo các quy định có liên quan của Luật Các TCTD 2024.
- Thống nhất áp dụng nguyên tắc HĐQT thông qua quyết định dựa trên đa số các thành viên HĐQT biểu quyết tán thành tại Điều 55.2 dự thảo Điều lệ, phù hợp với quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020.

d) Mục 4 - Ban Kiểm soát (từ Điều 59 đến Điều 64): Nội dung sửa đổi gồm:

- Tăng số lượng tối thiểu thành viên Ban Kiểm soát (Điều 59.2) lên 5 người (quy định hiện hành là 3 người) nhằm tuân thủ quy định tại Điều 51.2 Luật Các TCTD 2024.
- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, sắp xếp lại các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban Kiểm soát (Điều 59); đề cao vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát (Điều 60) phù hợp với quy định của Luật Các TCTD 2024.



ASBANK

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐÃ THÔNG QUA VĂN BẢN NÀY
GENERAL SHAREHOLDERS MEETING APPROVED THIS DOCUMENT

Vào ngày / on the date: 18-04-2025

ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH

MỤC LỤC

CHƯƠNG I:	1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Giải thích từ ngữ	1
Điều 2. Tên, hình thức, con dấu, trụ sở chính, mạng lưới và thời hạn hoạt động	3
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh	5
Điều 5. Nội dung hoạt động	6
Điều 6. Ban hành quy định nội bộ về hoạt động nghiệp vụ và việc tham gia cơ chế thử nghiệm có kiểm soát	8
Điều 7. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của ABBANK	9
Điều 8. Giao dịch điện tử, an toàn dữ liệu và bảo đảm hoạt động liên tục	9
Điều 9. Hoạt động góp vốn mua cổ phần, kinh doanh bất động sản	9
CHƯƠNG II:	11
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU	11
Mục 1:	11
VỐN ĐIỀU LỆ	11
Điều 10. Vốn điều lệ	11
Điều 11. Thay đổi vốn điều lệ	12
Mục 2:	13
CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU	13
Điều 12. Cổ phần	13
Điều 13. Giới hạn sở hữu cổ phần	13
Điều 14. Chào bán, phát hành cổ phần	14
Điều 15. Chuyển nhượng cổ phần	15
Điều 16. Mua lại cổ phần	16
Điều 17. Thừa kế, tặng cho cổ phần	16
Điều 18. Chứng nhận cổ phiếu	16
Điều 19. Phát hành trái phiếu, chứng khoán khác	17
CHƯƠNG III:	17
TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA ABBANK	17
Mục 1:	17

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG.....	17
Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	17
Điều 21. Hệ thống kiểm soát nội bộ	17
Điều 22. Kiểm toán nội bộ.....	18
Điều 23. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ	18
Điều 24. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ.....	20
Điều 25. Đương nhiên mất tư cách.....	21
Điều 26. Miễn nhiệm, bãi nhiệm	22
Điều 27. Đình chỉ, tạm đình chỉ.....	23
Điều 28. Việc bầu, bổ nhiệm	23
Điều 29. Cung cấp, công bố công khai thông tin.....	24
Điều 30. Nghĩa vụ tuân thủ, trung thực, cẩn trọng, tránh xung đột lợi ích của người quản lý, kiểm soát và điều hành ABBANK	26
Điều 31. Trách nhiệm và bồi thường.....	27
Điều 32. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.....	27
Mục 2: 28	
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	28
Điều 33. Cổ đông.....	28
Điều 34. Quyền của cổ đông.....	30
Điều 35. Nghĩa vụ của cổ đông	31
Điều 36. Sổ đăng ký cổ đông và việc lập danh sách cổ đông để thực hiện quyền	32
Điều 37. Vai trò của Đại hội đồng Cổ đông.....	33
Điều 38. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông.....	33
Điều 39. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.....	34
Điều 40. Cổ đông dự họp, uỷ quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.....	37
Điều 41. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông	39
Điều 42. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông	40
Điều 43. Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông.....	41
Điều 44. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông.....	42
Điều 45. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông	42
Điều 46. Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông....	45

Điều 47. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông	47
Điều 49. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	51

Mục 3: 51

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... 51

Điều 50. Chức năng, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị	51
Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị	53
Điều 52. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị	54
Điều 53. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	56
Điều 54. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị	58
Điều 55. Thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị.....	59
Điều 56. Thể thức họp Hội đồng Quản trị.....	59
Điều 57. Thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị.....	63
Điều 58. Thư ký công ty và Người phụ trách quản trị công ty	64

Mục 4: 65

BAN KIỂM SOÁT 65

Điều 59. Ban Kiểm soát.....	65
Điều 60. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.....	67
Điều 61. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát	69
Điều 62. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.....	69
Điều 63. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát	70
Điều 64. Cuộc họp Ban Kiểm soát và việc lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát.....	70

Mục 5: 72

TỔNG GIÁM ĐỐC..... 72

Điều 65. Tổng Giám đốc.....	72
Điều 66. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	73
Điều 67. Tổ chức bộ máy quản lý.....	74

Mục 6: 75

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY..... 75

Điều 68. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	75
---	----

Mục 7: 76

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN..... 76

Điều 69. Người lao động và công đoàn	76
--	----

CHƯƠNG IV:	76
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO	76
Mục 1:	76
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN	76
Điều 70. Chế độ tài chính, năm tài chính	77
Điều 71. Hạch toán kế toán	77
Điều 72. Báo cáo tài chính và báo cáo thường niên	77
Điều 73. Kiểm toán độc lập	78
Điều 74. Sử dụng vốn, bảo đảm tỷ lệ an toàn và dự phòng rủi ro	78
Mục 2:	79
TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	79
Điều 75. Trích lập các quỹ	79
Điều 76. Chia cổ tức	80
Mục 3:	81
CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO	81
Điều 77. Thông tin và bảo mật thông tin	81
Điều 78. Báo cáo và công bố thông tin	82
Điều 79. Chế độ lưu giữ tài liệu	82
CHƯƠNG V:	83
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN	83
Điều 80. Giải quyết tranh chấp nội bộ	83
Điều 81. Tổ chức lại	84
Điều 82. Giải thể	84
Điều 83. Áp dụng can thiệp sớm và kiểm soát đặc biệt	84
Điều 84. Phá sản	85
CHƯƠNG VI:	85
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	85
Điều 85. Hiệu lực của Điều lệ	85
Điều 86. Điều khoản cuối cùng	86

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể có quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) *Pháp luật*: bao gồm Hiến pháp, Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định, Thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
 - b) *Luật Các tổ chức tín dụng*: là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 18/01/2024 và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.
 - c) *Luật Doanh nghiệp*: là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021; đã được sửa đổi bổ sung ngày 11/01/2022, nội dung sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày 01/3/2022.
 - d) *Luật Chứng khoán*: là Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực từ 01/01/2021; đã được sửa đổi, bổ sung ngày 29/11/2024, các nội dung sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025.
 - e) *Ngân hàng Nhà nước hoặc NHNN*: là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - f) *ABBANK/Ngân hàng An Bình*: là Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình.
 - g) *Cổ đông*: là cá nhân hay tổ chức sở hữu một hoặc một số cổ phần của ABBANK.
 - h) *Cổ đông lớn*: là cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ABBANK, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.
 - i) *Cổ phiếu*: là chứng chỉ do ABBANK phát hành hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần ABBANK.
 - j) *Người điều hành ABBANK*: bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh của ABBANK¹ (Chức danh Thành viên Ban Điều hành không tương đương với chức danh Phó Tổng Giám đốc).
 - k) *Người quản lý ABBANK*: bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng Quản trị; Tổng Giám đốc.²

¹ Điều 4.25 Luật Các TCTD.

² Điều 4.26 Luật Các TCTD.

- l) *Người có liên quan*: là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác (bao gồm cả ABBANK) nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- (i). Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;
 - (ii). Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
 - (iii). Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
 - (iv). Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột;
 - (v). Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân có mối quan hệ theo quy định tại tiết (iv) trên đây với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
 - (vi). Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân quy định tại các tiết từ (i) đến (v) trên đây đối với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau;

(vii). Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của ABBANK được xác định theo quy định nội bộ của ABBANK hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông qua hoạt động thanh tra, giám sát.

Định nghĩa “Người có liên quan” tại điểm này áp dụng đối với các nội dung về tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. Đối với vấn đề công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các vấn đề khác không có quy định đặc thù của Luật Các tổ chức tín dụng thì áp dụng định nghĩa về Người có liên quan theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp³ phù hợp với nguyên tắc áp dụng pháp luật.

m) *Người nội bộ*: là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của ABBANK, bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương với các vị trí nêu trên do Đại hội đồng Cổ đông bầu hoặc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát; Trưởng Kiểm toán nội bộ và thành viên Kiểm toán Nội bộ; Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.⁴

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Trường hợp do thay đổi quy định của pháp luật hay vì bất kỳ lý do nào mà quy định của Điều lệ này khác với quy định có hiệu lực bắt buộc áp dụng của pháp luật về cùng một vấn đề thì quy định của pháp luật có liên quan đến vấn đề đó đương nhiên được ưu tiên áp dụng.
3. Các tiêu đề của Chương, Mục, Điều trong Điều lệ này được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc tham chiếu và không ảnh hưởng tới nội dung quy định của chúng.
4. Các từ ngữ, thuật ngữ, khái niệm chưa được định nghĩa trong Điều lệ này, sẽ được hiểu theo các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Tên, hình thức, con dấu, trụ sở chính, mạng lưới và thời hạn hoạt động

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động cấp lần đầu số 0031/NH-GP ngày 15 tháng 4 năm 1993 và Giấy phép cấp đổi số 120/GP-NHNN ngày 12 tháng 12 năm 2018

³ Điều 4.24 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 3 và Điều 4.23 Luật Doanh nghiệp; Điều 4.46 Luật Chứng khoán.

⁴ Điều 4.45 Luật Chứng khoán

của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Quyết định của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung Giấy phép số 120/GP-NHNN (gọi tắt là Giấy phép).

- a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH.
 - b) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: AN BINH COMMERCIAL JOINT STOCK BANK.
 - c) Tên viết tắt tiếng Việt: Ngân hàng An Bình.
 - d) Tên viết tắt tiếng Anh: ABBANK.
 - e) Mã chứng khoán: ABB.
2. ABBANK là ngân hàng thương mại được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
 3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, 2, 3 Toà nhà GELEXIMCO, Số 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 84-24-37612888 Fax: 84-24-35190416 Website: www.abbank.vn
 4. Thời hạn hoạt động: Chín mươi chín (99) năm kể từ ngày 15/4/1993 và có thể được gia hạn theo quy định của pháp luật.
 5. Dấu của ABBANK bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của ABBANK, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của ABBANK (nếu có). Việc quản lý, sử dụng dấu của ABBANK thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định nội bộ của ABBANK.
 6. ABBANK mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam và tại nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
 7. ABBANK có thể thành lập Công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và các hình thức hiện diện thương mại khác ở trong nước và nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của ABBANK theo quyết định của Hội đồng Quản trị và phù hợp với Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp và quy định của pháp luật.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật⁵

1. ABBANK có một người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc. Trường hợp khuyết chức danh Tổng Giám đốc mà chưa hoàn tất việc bổ nhiệm người khác thay thế thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Người đại diện theo pháp luật của ABBANK. Người đại diện theo pháp luật đại diện cho ABBANK thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của ABBANK, đại diện cho ABBANK với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Người đại diện theo pháp luật của ABBANK có các trách nhiệm sau:
 - a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của ABBANK;
 - b) Trung thành với lợi ích của ABBANK; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của ABBANK để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho ABBANK về doanh nghiệp mà mình, Người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của pháp luật; và
 - d) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
3. Người đại diện theo pháp luật của ABBANK phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là người quản lý, người điều hành đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
4. ABBANK phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về người đại diện theo pháp luật của ABBANK trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày bầu chức danh đảm nhiệm người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ này hoặc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh

1. Mục tiêu của ABBANK là trở thành một ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam; mang lại trải nghiệm và chất lượng dịch vụ tốt nhất cho khách hàng; tối đa hoá lợi nhuận cho cổ đông; phát triển đội ngũ chuyên nghiệp và có đạo đức, bảo

⁵ Điều 11 Luật Các TCTD, Điều 12 Luật Doanh nghiệp; Điều 3 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

đảm quyền lợi cho người lao động; góp phần vào việc phát triển kinh tế, xã hội của đất nước và cộng đồng.

2. ABBANK hoạt động kinh doanh tiền tệ, dịch vụ ngân hàng với nội dung nhận tiền gửi, cấp tín dụng, cung ứng dịch vụ thanh toán, ngân quỹ và các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác trong phạm vi toàn quốc và tại nước ngoài phù hợp với Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp và quy định của pháp luật.
3. ABBANK có quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của mình⁶.

Điều 5. Nội dung hoạt động⁷

Nội dung hoạt động của ABBANK bao gồm:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.
3. Cấp tín dụng dưới các hình thức cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu; bảo lãnh ngân hàng; phát hành thẻ tín dụng; bao thanh toán trong nước, bao thanh toán quốc tế; thư tín dụng; mua bán nợ; hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản: Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ; Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
7. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn và mua bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

⁶ Điều 7.1 Luật Các TCTD

⁷ Điều 107 đến 114 Luật Các TCTD; Giấy phép cấp đổi số 120/GP-NHNN ngày 12/12/2018 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của NHNN cấp cho ABBANK.

8. Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước; mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản; mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
9. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia. Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
10. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật.
11. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế theo quy định của pháp luật về ngoại hối, pháp luật khác có liên quan và quy định của Ngân hàng Nhà nước.
12. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật và phù hợp với quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
13. Thực hiện các dịch vụ sau đây theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước: Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản; mua bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua bán giấy tờ có giá khác; môi giới tiền tệ; dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng; tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác theo Giấy phép.
14. Mua bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương; phát hành trái phiếu; lưu ký chứng khoán; nghiệp vụ ngân hàng giám sát; đại lý quản lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
15. Ví điện tử.
16. Các hoạt động khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Nội dung hoạt động cụ thể của ABBANK trong từng thời kỳ căn cứ Giấy phép được cấp, phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng, pháp luật khác có liên quan và quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 6. Ban hành quy định nội bộ về hoạt động nghiệp vụ và việc tham gia cơ chế thử nghiệm có kiểm soát⁸

1. Căn cứ vào quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan, ABBANK phải xây dựng và ban hành quy định nội bộ đối với hoạt động nghiệp vụ của ABBANK, bao gồm cả việc thực hiện hoạt động nghiệp vụ bằng phương tiện điện tử, bảo đảm có cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro gắn với từng quy trình nghiệp vụ kinh doanh, phương án xử lý trường hợp khẩn cấp.
2. ABBANK phải ban hành quy định nội bộ về các nội dung sau đây:
 - a) Cấp tín dụng, quản lý khoản cấp tín dụng;
 - b) Phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro;
 - c) Đánh giá chất lượng tài sản có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu;
 - d) Quản lý thanh khoản, trong đó có thủ tục và giới hạn quản lý thanh khoản;
 - e) Kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ phù hợp với tính chất và quy mô hoạt động của ABBANK;
 - f) Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với tổ chức tín dụng phải xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng;
 - g) Quản trị rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng;
 - h) Phòng, chống rửa tiền;
 - i) Phương án xử lý trường hợp khẩn cấp.
3. ABBANK phải gửi cho Ngân hàng Nhà nước quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành.
4. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng là môi trường thử nghiệm việc ứng dụng công nghệ và triển khai sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới trong lĩnh vực ngân hàng có giới hạn về phạm vi, không gian, thời gian thực hiện. Việc ABBANK tham gia cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng do Hội đồng Quản trị quyết định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, trên cơ sở đáp ứng điều kiện, tiêu chí xét duyệt tham gia và chịu sự giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 106 Luật Các tổ chức tín dụng và quy định chi tiết của Chính phủ.

⁸ Điều 101 và Điều 106 Luật Các TCTD

Điều 7. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của ABBANK⁹

1. ABBANK được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của ABBANK phù hợp với quy định của pháp luật.
2. ABBANK có quyền thỏa thuận với khách hàng về lãi suất, phí dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.
3. ABBANK phải thực hiện các quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về cơ chế xác định lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng trong trường hợp hoạt động ngân hàng có diễn biến bất thường để bảo đảm an toàn của hệ thống tổ chức tín dụng.

Điều 8. Giao dịch điện tử, an toàn dữ liệu và bảo đảm hoạt động liên tục¹⁰

1. Hoạt động giao dịch của ABBANK bằng phương tiện điện tử được thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, bảo đảm an toàn và bảo mật.
2. ABBANK phải bảo đảm an toàn hệ thống thông tin, bảo mật dữ liệu và hoạt động liên tục theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Hoạt động góp vốn mua cổ phần, kinh doanh bất động sản¹¹

1. ABBANK chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 và 6 Điều này
2. ABBANK phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết khi thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:
 - a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;
 - b) Cho thuê tài chính;
 - c) Bảo hiểm.

⁹ Điều 100 Luật Các TCTD

¹⁰ Điều 14, Điều 105 và Điều 140 Luật Các TCTD

¹¹ Điều 111, Điều 137, Điều 139, Điều 142 và Điều 144.3 Luật Các TCTD

3. ABBANK được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
4. ABBANK được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
 - a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
 - b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a Khoản này sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
5. ABBANK thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
6. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết và việc góp vốn, mua cổ phần của ABBANK; điều kiện tăng vốn tại công ty con, công ty liên kết của ABBANK và hoạt động của công ty con, công ty liên kết của ABBANK trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
7. ABBANK thành lập công ty con, công ty liên kết theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.
8. ABBANK, công ty con của ABBANK được mua, nắm giữ cổ phần của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
9. Mức góp vốn, mua cổ phần của ABBANK và các công ty con, công ty liên kết của ABBANK vào một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quy định tại Khoản 4 Điều này không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp.

Mức góp vốn, mua cổ phần này không bao gồm mức góp vốn, mua cổ phần của công ty quản lý quỹ là công ty con, công ty liên kết của ABBANK vào một doanh nghiệp từ các quỹ do công ty đó quản lý.

Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của ABBANK vào các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, kể cả các công ty con, công ty liên kết của ABBANK theo quy định tại khoản 2, 3, 4 và 8 Điều này không được vượt quá 40% vốn điều lệ và các quỹ dự trữ của ABBANK.

10. ABBANK, công ty con của ABBANK không được góp vốn, mua cổ phần trong các trường hợp sau đây:

- a) ABBANK, công ty con của ABBANK không được góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông của ABBANK;
- b) ABBANK, công ty con của ABBANK không được góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là Người có liên quan của cổ đông lớn của ABBANK;
- c) Công ty con, công ty liên kết của ABBANK không được mua cổ phần của ABBANK;
- d) ABBANK đang là công ty con, công ty liên kết của công ty kiểm soát không được góp vốn, mua cổ phần của công ty kiểm soát, công ty con, công ty liên kết khác của công ty kiểm soát đó, trừ trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

11. ABBANK không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:

- a) Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của ABBANK;
- b) Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của ABBANK chưa sử dụng hết;
- c) Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ. Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, ABBANK phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này. Trường hợp mua lại bất động sản phải bảo đảm mục đích sử dụng quy định tại điểm a Khoản này và bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định (tính theo giá trị còn lại của tài sản cố định) không được vượt quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán của ABBANK.

CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU

Mục 1: VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 10. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của ABBANK là: 10.350.367.620.000 đồng (mười nghìn ba trăm năm

mười tỷ, ba trăm sáu mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Vốn điều lệ của ABBANK được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
3. ABBANK phải bảo đảm mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định.

Điều 11. Thay đổi vốn điều lệ

1. Việc thay đổi vốn điều lệ của ABBANK (tăng hoặc giảm) phải được thực hiện trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.
2. Vốn điều lệ của ABBANK có thể được tăng từ các nguồn và cách thức sau:
 - a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận lũy kế còn lại chưa phân phối;
 - b) Chào bán thêm cổ phần (chào bán cho cổ đông hiện hữu, chào bán ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ);
 - c) Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu;
 - d) Các nguồn, cách thức khác do Đại hội đồng Cổ đông quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Các hình thức giảm vốn điều lệ của ABBANK:
 - a) ABBANK mua lại, thu hồi và hủy bỏ số lượng cổ phiếu có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến được điều chỉnh giảm;
 - b) Các hình thức khác do Đại hội đồng Cổ đông quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.
5. Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để ABBANK thay đổi vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. ABBANK phải thực hiện đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh về mức vốn điều lệ mới, báo cáo Ngân hàng Nhà nước, thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật và cập nhật thông tin trong Điều lệ của ABBANK khi có sự thay đổi vốn điều lệ.

Mục 2:
CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU

Điều 12. Cổ phần

1. Vốn điều lệ của ABBANK được chia thành 1.035.036.762 (một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm sáu mươi hai) cổ phần. Mỗi cổ phần ABBANK có mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng.
2. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, toàn bộ cổ phần của ABBANK là cổ phần phổ thông; tất cả các cổ đông của ABBANK là cổ đông phổ thông.
3. Trường hợp cần thiết, ABBANK có thể phát hành các loại cổ phần khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Điều 13. Giới hạn sở hữu cổ phần¹²

1. Một cổ đông là cá nhân chỉ được sở hữu tối đa 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ của ABBANK, bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp.
2. Một cổ đông là tổ chức chỉ được sở hữu tối đa 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ của ABBANK, bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp.
3. Cổ đông và Người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa 15% (mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của ABBANK. Cổ đông lớn của ABBANK và Người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% (năm phần trăm) trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Khoản này bao gồm cả cổ phần do cổ đông uỷ thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của Người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a Khoản 9 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.
4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:
 - a) Sở hữu cổ phần tại các công ty con, công ty liên kết là tổ chức tín dụng quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 111 Luật Các tổ chức tín dụng;
 - b) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Khoản 5 Điều này.
 - c) Các trường hợp đặc biệt khi Ngân hàng Nhà nước áp dụng các biện pháp can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt, sáp nhập, hợp nhất, chuyển giao bắt buộc quy

¹² Điều 63 Luật Các TCTD

định tại điểm b Khoản 1 Điều 159, điểm h Khoản 1 Điều 171, Khoản 2 điều 177 và điểm b Khoản 1 Điều 185 Luật Các tổ chức tín dụng.

d) Kể từ ngày 01/7/2024 (ngày Luật Các tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành), cổ đông, cổ đông và Người có liên quan sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều này được tiếp tục duy trì cổ phần nhưng không được tăng thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ này, trừ trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu.¹³

5. Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của tất cả các nhà đầu tư nước ngoài tại ABBANK là 16,5% vốn điều lệ ABBANK. Tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài và Người có liên quan của nhà đầu tư đó tại ABBANK; điều kiện, thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của ABBANK thực hiện theo quy định chung của Chính phủ.
6. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần theo quy định hiện hành tại thời điểm thực hiện chuyển đổi và chỉ được thực hiện sau khi Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tăng vốn điều lệ.¹⁴

Điều 14. Chào bán, phát hành cổ phần¹⁵

1. Việc chào bán, phát hành cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của cổ đông trong ABBANK, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có chấp thuận khác. Việc chào bán, phát hành cổ phần phải bảo đảm tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần quy định tại Điều 12 Điều lệ này.
3. Cổ phần được coi là đã bán khi tiền mua cổ phần được thanh toán đủ và các thông tin họ tên, địa chỉ, quốc tịch, số Thẻ căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu đối với người nước ngoài (sau đây gọi chung là số đăng ký sở hữu) của người mua là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, mã số doanh nghiệp/số quyết định thành

¹³ Điều 210.11 Luật Các TCTD

¹⁴ Điều 13 Thông tư 01/2021/TT-NHNN

¹⁵ Điều 64 Luật TCTD; Luật Chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP (về chào bán, phát hành)

lập (sau đây gọi chung là sổ đăng ký sở hữu) của người mua là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại; ngày đăng ký cổ phần được ghi vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần là cổ đông sở hữu số cổ phần đã mua.

Điều 15. Chuyển nhượng cổ phần¹⁶

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan. Sau khi cổ phần ABBANK được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán thì việc chuyển quyền sở hữu cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn của ABBANK phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.
4. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại ABBANK là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ABBANK không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.
5. Trong thời gian đang xử lý hậu quả do trách nhiệm cá nhân theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ các trường hợp cá nhân này:
 - a) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản theo quy định pháp luật;
 - b) Bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
 - c) Chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

¹⁶ Điều 37 và Điều 64 Luật Các TCTD; Điều 127 Luật Doanh nghiệp; Điều 9 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

Điều 16. Mua lại cổ phần¹⁷

1. ABBANK mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của ABBANK được thực hiện phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp hiện hành.
2. ABBANK chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định của ABBANK.
3. Sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của ABBANK giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì ABBANK phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.¹⁸

Điều 17. Thừa kế, tặng cho cổ phần

1. Việc thừa kế, tặng cho cổ phần, sử dụng cổ phần để trả nợ thực hiện theo quy định của Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.
2. Sau khi thực hiện xong tất cả các thủ tục thừa kế và xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh tư cách thừa kế hợp pháp, người thừa kế thực hiện đăng ký các loại cổ phần được thừa kế và trở thành cổ đông của ABBANK, được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông tính trên số cổ phần mà họ được thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.
3. Người thừa kế, nhận tặng cho, nhận trả nợ bằng cổ phần của các cổ đông là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của ABBANK không đương nhiên được kế thừa quyền nắm giữ các chức danh đó.

Điều 18. Chứng nhận cổ phiếu¹⁹

1. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với phần vốn cổ phần tại ABBANK. Cổ đông ABBANK được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Cổ phiếu ABBANK là cổ phiếu có ghi tên được thể hiện dưới hình thức chứng chỉ, bút toán

¹⁷ Điều 65 Luật Các TCTD; Điều 36, Điều 37 Luật Chứng khoán; Điều 132, Điều 133 và Điều 134 Luật Doanh nghiệp

¹⁸ Điều 134.3 và Điều 134.4 Luật Doanh nghiệp

¹⁹ Điều 66 Luật Các TCTD; Điều 121 Luật Doanh nghiệp

ghi số hoặc dữ liệu điện tử. Cổ phiếu ABBANK phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán, phát hành hoặc thời hạn cụ thể khác theo quy định của điều khoản phát hành, cổ đông sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu.
3. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị huỷ hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì ABBANK cấp lại theo đề nghị của cổ đông. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về chứng chỉ cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng chỉ cổ phiếu mới.

Điều 19. Phát hành trái phiếu, chứng khoán khác

Việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và chứng chỉ chứng khoán khác của ABBANK được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG III: TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA ABBANK

Mục 1: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý²⁰

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của ABBANK bao gồm:

1. Đại hội đồng Cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

Điều 21. Hệ thống kiểm soát nội bộ

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của ABBANK và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm

²⁰ Điều 12, 13 Luật Doanh nghiệp; Điều 11 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro.

2. ABBANK phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:
 - a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
 - b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;
 - c) Tuân thủ pháp luật và các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ.
3. Khi xét thấy cần thiết, Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu và ABBANK phải thực hiện thuê tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá một phần hoặc toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ.²¹
4. ABBANK xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và triển khai ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 22. Kiểm toán nội bộ²²

1. ABBANK phải thành lập Kiểm toán nội bộ thuộc Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ ABBANK.
2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của ABBANK; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm ABBANK hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban Kiểm soát và gửi Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc ABBANK.
4. Ban Kiểm soát quy định cụ thể về tổ chức và hoạt động của Kiểm toán nội bộ.

Điều 23. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ²³

1. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Công ty con của ABBANK:
 - a) Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

²¹ Điều 57.3 Luật Các TCTD

²² Điều 58.3 Luật Các TCTD

²³ Điều 42 của Luật Các TCTD.

- b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
 - c) Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
 - e) Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại ABBANK hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát ABBANK theo yêu cầu nhiệm vụ;
 - f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại ABBANK;
2. Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc ABBANK và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc người phụ trách tài chính của ABBANK;
3. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc chức danh tương đương của ABBANK:
- a) Thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này;
 - b) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
 - c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng Giám đốc), thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm

soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;

- d) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng Quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;
- e) Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của ABBANK, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 50 của Điều lệ này;
- f) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

Điều 24. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ²⁴

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị của ABBANK:
 - a) Không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát của ABBANK và của tổ chức tín dụng khác;
 - b) Không được đồng thời là người quản lý của doanh nghiệp khác;
2. Thành viên Hội đồng Quản trị không phải là thành viên độc lập:
 - a) Không được đồng thời là người điều hành của ABBANK, trừ trường hợp là Tổng Giám đốc của ABBANK;
 - b) Không được đồng thời là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng khác, người quản lý của doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của ABBANK hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
 - c) Không được đồng thời là kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

²⁴ Điều 43 Luật Các TCTD.

3. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của ABBANK:
- a) Không được đồng thời là người điều hành của ABBANK;
 - b) Không được đồng thời là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
 - c) Không được đồng thời là kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
4. Thành viên Ban Kiểm soát của ABBANK không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:
- a) Người quản lý, người điều hành của ABBANK, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của ABBANK hoặc công ty con của ABBANK;
 - b) Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị của ABBANK là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.
5. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc ABBANK không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng Giám đốc ABBANK là người quản lý, người điều hành công ty con của ABBANK.

Điều 25. Đương nhiên mất tư cách²⁵

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc:
- a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 23 Điều lệ này;
 - b) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của ABBANK khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
 - c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) Khi ABBANK bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;

²⁵ Điều 45 Luật Các TCTD.

- f) Hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực;
 - g) Chết.
2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d, f và g khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị ABBANK phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự đương nhiên mất tư cách gửi Ngân hàng Nhà nước và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.
3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ABBANK vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 26. Miễn nhiệm, bãi nhiệm²⁶

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này, Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và thành viên khác của Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ABBANK bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của ABBANK;
 - b) Bãi nhiệm khi Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và thành viên khác của Ban Kiểm soát không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 51; Khoản 6 Điều 59; Khoản 4 Điều 65 Điều lệ này;
 - d) Khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết.
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng Quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc ABBANK vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

²⁶ Điều 46 Luật Các TCTD.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị ABBANK phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 27. Đình chỉ, tạm đình chỉ²⁷

1. Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng Quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát; người điều hành của ABBANK có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ban kiểm soát đặc biệt (trong trường hợp Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt) nếu xét thấy cần thiết theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 47 Luật Các tổ chức tín dụng.
2. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ quy định tại Khoản 1 Điều này phải tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của ABBANK hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt.

Điều 28. Việc bầu, bổ nhiệm

1. Việc bầu, bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ABBANK được thực hiện như sau:
 - a) Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ABBANK phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm. Những người được bầu, bổ nhiệm cho các chức danh này phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm các chức danh này được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
 - b) ABBANK phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước danh sách những người được bầu, bổ nhiệm quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.²⁸
2. Việc đề cử thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ này, Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát.
3. Cổ đông, nhóm cổ đông đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và ứng viên được đề cử phải hoàn tất hồ sơ, thủ tục theo thông báo và hướng dẫn

²⁷ Điều 47 Luật Các TCTD.

²⁸ Điều 44 Luật Các TCTD.

của Hội đồng Quản trị để xin chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp ứng viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận để bầu, ABBANK phải công bố ngay các thông tin liên quan đến ứng viên trên trang thông tin điện tử của ABBANK để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên được công bố bao gồm: họ tên, ngày, tháng, năm sinh; trình độ chuyên môn; quá trình công tác; các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh tại công ty khác); lợi ích có liên quan tới ABBANK và tới các bên có liên quan của ABBANK; các thông tin liên quan khác có trong hồ sơ ứng viên theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương thực hiện theo quy định nội bộ của ABBANK và quy định của pháp luật có liên quan.
6. ABBANK thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin việc bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại Điều này theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 29. Cung cấp, công bố công khai thông tin²⁹

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của ABBANK phải cung cấp cho ABBANK các thông tin sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình hoặc mình và Người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và Người có liên quan là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).
 - c) Thông tin về Người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin.

²⁹ Điều 48.7, Điều 49 Luật Các TCTD, Điều 164.2 Luật Doanh nghiệp; Điều 291.3 và Điều 299 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

- d) Thông tin về Người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin
 - e) Các trường hợp khác theo quy định tại Khoản 2, Điều 164 Luật Doanh nghiệp; Khoản 3 Điều 291 và Điều 299 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
2. Cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại ABBANK phải cung cấp cho ABBANK các thông tin sau đây:
- a) Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;
 - b) Thông tin về Người có liên quan theo quy định tại điểm c và d Khoản 1 Điều này;
 - c) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại ABBANK;
 - d) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của Người có liên quan của mình tại ABBANK.
3. Đối tượng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải gửi ABBANK bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
- Đối với thông tin tại điểm c và điểm d Khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho ABBANK khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và Người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên tại ABBANK so với lần cung cấp liên trước.
4. ABBANK phải lưu giữ thông tin quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của ABBANK và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ABBANK nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, ABBANK công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d Khoản 1 và các điểm a, c, d Khoản 2 Điều này với Đại hội đồng Cổ đông ABBANK.
5. ABBANK phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên tại ABBANK và thông tin quy định tại điểm c và điểm d Khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của ABBANK trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ABBANK nhận được thông tin cung cấp.
6. Người quản lý, người điều hành ABBANK có nghĩa vụ thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho ABBANK về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với

tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của ABBANK và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng Quản trị chấp thuận³⁰.

7. Việc cấp tín dụng đối với đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng phải được công khai trong ABBANK³¹. ABBANK phải thực hiện báo cáo về việc cấp tín dụng đối với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng cho Đại hội đồng Cổ đông và Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.³²
8. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.

Điều 30. Nghĩa vụ tuân thủ, trung thực, cẩn trọng, tránh xung đột lợi ích của người quản lý, kiểm soát và điều hành ABBANK³³

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc ABBANK có nghĩa vụ:

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của ABBANK theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.
3. Thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của ABBANK, cổ đông ABBANK.
4. Trung thành với lợi ích của ABBANK; chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của ABBANK. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của ABBANK hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của ABBANK để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của ABBANK, Cổ đông ABBANK.
5. Bảo đảm việc lưu trữ hồ sơ của ABBANK để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của ABBANK, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước.
6. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của ABBANK.
7. Người quản lý, người điều hành ABBANK có nghĩa vụ thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho ABBANK về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với

³⁰ Điều 48.7 Luật Các TCTD

³¹ Điều 135.3 Luật Các TCTD

³² Điều 13.3 Thông tư 22/2019/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 09/2024/TT-NHNN

³³ Điều 48 Luật các TCTD; Điều 165 Luật Doanh nghiệp; Điều 291.2 và 291.5 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của ABBANK theo quy định tại Khoản 6 Điều 29 Điều lệ này.

8. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc Người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng của ABBANK với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của ABBANK.
9. Không được tăng thù lao, lương, hoặc yêu cầu trả thưởng cho người quản lý, người điều hành khi ABBANK bị lỗ.
10. Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.
11. Thực hiện các nghĩa vụ, yêu cầu khác có liên quan theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Điều 31. Trách nhiệm và bồi thường

1. Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành của ABBANK phải có nghĩa vụ tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ này và các quy chế, quy định nội bộ của ABBANK trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình và phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. ABBANK bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật liên quan đối với công việc thuộc trách nhiệm được giao của lãnh đạo, cán bộ nhân viên ABBANK.
3. ABBANK có thể mua bảo hiểm trách nhiệm của Người quản lý, Người điều hành ABBANK. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ ABBANK³⁴.

Điều 32. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác³⁵

1. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát được ABBANK chi trả trên cơ sở yêu cầu thực hiện chức trách, nhiệm vụ, chế độ làm việc, thời gian cần thiết hoàn thành nhiệm vụ, tình

³⁴ Điều 28.6 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

³⁵ Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020.

hình thực tế, kết quả và hiệu quả kinh doanh của ABBANK. Tổng mức thù lao và cơ chế thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Chủ tịch Hội đồng Quản trị thông báo mức thù lao và bảo đảm việc thực hiện chi trả thù lao, thưởng, lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với quy định tại Điều lệ này, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và quy định liên quan do Hội đồng Quản trị ban hành.

2. Tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc và người điều hành khác thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của ABBANK do Hội đồng Quản trị ban hành trong từng thời kỳ trên cơ sở nguyên tắc gắn với trách nhiệm được giao, kết quả thực hiện công việc của từng cá nhân và kết quả kinh doanh của ABBANK.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của ABBANK theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp; được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của ABBANK và phải báo cáo cho Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát được ABBANK thanh toán, chi trả các chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý và chi phí hợp lý khác theo quy định của ABBANK khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Mục 2: **CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 33. Cổ đông

1. Cổ đông là người sở hữu cổ phần ABBANK, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà họ nắm giữ. ABBANK phải có ít nhất 100 (một trăm) cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trừ trường hợp ABBANK được kiểm soát đặc biệt đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.
2. Cổ đông chỉ được công nhận chính thức khi thanh toán đủ tiền mua cổ phần và được ghi đầy đủ các thông tin liên quan vào Sổ đăng ký cổ đông của ABBANK.
3. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức tại ABBANK được thực hiện theo quy định dưới đây và các quy định pháp luật khác có liên quan³⁶:

³⁶ Điều 14 Luật Doanh nghiệp

- a) Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
- b) Một cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 (ba) người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông tổ chức không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền (trường hợp phát sinh cổ phiếu lẻ thì phần lẻ cổ phiếu không tính). Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến ABBANK và chỉ có hiệu lực đối với ABBANK kể từ ngày ABBANK nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
 - Số lượng người đại diện theo ủy quyền và số cổ phần/tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu của từng người đại diện theo ủy quyền
 - Thời hạn ủy quyền. Trường hợp không ghi thời hạn thì việc ủy quyền có hiệu lực kể từ thời điểm ABBANK nhận được văn bản ủy quyền cho đến thời điểm ABBANK nhận được văn bản chấm dứt ủy quyền.
 - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.
- c) Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - Cổ đông là doanh nghiệp Nhà nước theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp, không được cử người có quan hệ gia đình của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại ABBANK.

Điều 34. Quyền của cổ đông³⁷

1. Cổ đông có các quyền tương ứng theo số cổ phần sở hữu. Cổ đông phổ thông của ABBANK có các quyền sau đây:
 - a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Được nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong ABBANK trên cơ sở bảo đảm tuân thủ quy định giới hạn sở hữu cổ phần quy định tại Điều 12 Điều lệ này;
 - d) Được chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác của ABBANK hoặc tổ chức, cá nhân khác phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, pháp luật khác có liên quan và Điều lệ này;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ ABBANK, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
 - g) Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại ABBANK khi ABBANK giải thể hoặc phá sản;
 - h) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;
 - i) Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát ABBANK;
 - j) Được đối xử bình đẳng; được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do ABBANK công bố theo quy định của pháp luật; được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật;³⁸
 - k) Quyền khác theo Điều lệ này, Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật được áp dụng.

³⁷ Điều 61 Luật TCTD.

³⁸ Điều 41.1 Luật Chứng khoán; Điều 12 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; quyền khác theo Điều lệ này, Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật được áp dụng.

Điều 35. Nghĩa vụ của cổ đông³⁹

1. Cổ đông có các nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần sở hữu. Cổ đông phổ thông ABBANK có các nghĩa vụ sau đây:
- a) Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số cổ phần cam kết mua trong thời hạn do ABBANK quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của ABBANK trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào ABBANK;
 - b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi ABBANK dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của ABBANK, trừ trường hợp được ABBANK mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 65 Luật Các tổ chức tín dụng.
 - c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại ABBANK; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần ABBANK; không được góp vốn, mua cổ phần ABBANK dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;
 - d) Tuân thủ Điều lệ này và các quy định nội bộ của ABBANK;
 - e) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - f) Chịu trách nhiệm khi nhân danh ABBANK dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - g) Bảo mật thông tin được ABBANK cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán hoặc sao, gửi thông tin được ABBANK cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
 - h) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của ABBANK, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật

³⁹ Điều 62 Luật các TCTD; Điều 119 Luật Doanh nghiệp.

và Điều lệ này; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

- i) Nghĩa vụ khác theo Điều lệ này, Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật được áp dụng.
2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho ABBANK thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong ABBANK. ABBANK có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.

Điều 36. Sổ đăng ký cổ đông và việc lập danh sách cổ đông để thực hiện quyền

1. Sổ đăng ký cổ đông:
 - a) ABBANK lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này, để ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp.
 - b) Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của ABBANK hoặc tại Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam khi cổ phần ABBANK được đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam. ABBANK thực hiện nghĩa vụ báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước về danh sách cổ đông, cập nhật thay đổi số cổ phần sở hữu của cổ đông và các thông tin liên quan khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc.
 - c) Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thì phải thông báo kịp thời với ABBANK để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. ABBANK không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.
2. Lập danh sách cổ đông để thực hiện quyền của cổ đông:
 - a) Việc lập danh sách cổ đông để thực hiện quyền của cổ đông được tiến hành theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
 - b) Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm lập là người được hưởng các quyền, quyền lợi của cổ đông.

Điều 37. Vai trò của Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của ABBANK, thực hiện nhiệm vụ quyền hạn cụ thể quy định tại Điều 38 Điều lệ này.
2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 33 Điều lệ này.

Điều 38. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông⁴⁰

Đại hội đồng Cổ đông ABBANK có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Thông qua định hướng phát triển của ABBANK.
2. Thông qua Điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ ABBANK.
3. Thông qua Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
4. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.
5. Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát.
6. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho ABBANK và cổ đông của ABBANK.
7. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của ABBANK.
8. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán, phát hành cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán, phát hành.
9. Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán.
10. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi.
11. Thông qua phương án quy định tại Điều 143 của Luật Các tổ chức tín dụng.
12. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi

⁴⁰ Điều 67.3 Luật các TCTD.

đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của ABBANK.

13. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
14. Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của ABBANK.
15. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của ABBANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
16. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của ABBANK mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
17. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa ABBANK với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của ABBANK; Người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của ABBANK; công ty con, công ty liên kết của ABBANK, trừ trường hợp ABBANK đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc.
18. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ABBANK.
19. Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 59 Luật Các tổ chức tín dụng.
20. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của ABBANK.

Điều 39. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông⁴¹

1. Đại hội đồng Cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
3. Đại hội đồng Cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

⁴¹ Điều 67.1, 67.2 Luật các TCTD; Điều 139, Điều 140 Luật Doanh nghiệp; Điều 18 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

- a) Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - b) Báo cáo kết quả kinh doanh và kế hoạch kinh doanh hằng năm;
 - c) Các Báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
 - d) Tờ trình trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận sau thuế;
 - e) Báo cáo về thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đã thực hiện và đề xuất cho năm kế hoạch tiếp theo;
 - f) Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 59 Luật Các tổ chức tín dụng;
 - g) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
4. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày⁴² kể từ ngày nhận được yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các trường hợp sau:
- a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của ABBANK;
 - b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Các tổ chức tín dụng;
 - c) Số thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Các tổ chức tín dụng;
 - d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông tại ABBANK⁴³ trong trường hợp Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao⁴⁴.
 - e) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - f) Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng.

Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho ABBANK.

5. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo

⁴² Điều 50.2, Điều 51.6 Luật Các TCTD

⁴³ Điều 67.2(d) Luật Các TCTD

⁴⁴ Điều 115.3(a)

quy định tại Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho ABBANK.

6. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d Khoản 4 Điều này có quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này.
7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức Đại hội đồng Cổ đông:
 - a) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - b) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - f) Gửi thông báo mời họp đến cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Thực hiện các công việc và trách nhiệm khác phục vụ cuộc họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
8. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều này được ABBANK chi trả, hoàn trả. Chi phí này không bao gồm chi phí ăn ở và đi lại và những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
9. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành theo hình thức họp mặt trực tiếp tại một hoặc một số địa điểm khác nhau kết nối qua hệ thống hội nghị truyền hình hoặc ứng dụng phần mềm được sử dụng. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên hoặc bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (gọi tắt là họp trực tuyến) hoặc kết hợp giữa họp mặt trực tiếp tại một hoặc một số địa điểm khác nhau và họp trực tuyến. Việc tiến hành cuộc

họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến hoặc kết hợp họp trực tuyến do Hội đồng Quản trị quyết định và theo các nguyên tắc sau:

- a) Việc đăng ký, tham dự họp trực tuyến của cổ đông phải được xác thực thông qua cách thức và phần mềm ứng dụng phù hợp;
- b) Khi hệ thống phần mềm ứng dụng để tổ chức cuộc họp trực tuyến nhận diện và xác thực được các thông tin đăng nhập của cổ đông thì coi như Cổ đông đó đã tham dự họp trực tuyến tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
- c) Cổ đông tự chuẩn bị thiết bị máy tính cá nhân/thiết bị di động, đường truyền internet để thiết lập kết nối đăng ký, tham dự họp trực tuyến;
- d) Mỗi cổ đông tham dự cuộc họp đều có thể nghe người dự họp khác phát biểu trong cuộc họp và có thể phát biểu với tất cả những người tham dự khác một cách đồng thời;
- e) Địa điểm, thời gian cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp họp trực tuyến được xác định là địa điểm, thời gian mà Chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam;
- f) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp họp trực tuyến phù hợp với quy định tại Khoản này có hiệu lực và giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp trực tiếp thông thường;
- g) Quyền dự họp của cổ đông, việc lập danh sách cổ đông dự họp, chương trình nội dung, tài liệu, thông báo mời họp, điều kiện tiến hành cuộc họp, thể thức tiến hành họp và thông qua biểu quyết, biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến hoặc kết hợp họp trực tuyến áp dụng tương tự quy định tại các Điều từ Điều 40 đến Điều 46 Điều lệ này;
- h) Dữ liệu đăng ký dự họp và biểu quyết của cổ đông họp trực tuyến là một bộ phận của dữ liệu, tài liệu cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
- i) Hội đồng Quản trị công bố trên trang thông tin điện tử của ABBANK hướng dẫn đăng ký, tham dự cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp họp trực tuyến khi công bố thông báo triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 40. Cổ đông dự họp, uỷ quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông⁴⁵

1. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Cổ đông là cá nhân; cổ đông là tổ chức thông qua người đại diện quản lý phần

⁴⁵ Điều 144 Luật Doanh nghiệp

vốn góp, người đại diện theo pháp luật (trong trường hợp cổ đông tổ chức chưa cử hoặc chưa cử đủ người đại diện quản lý cho toàn bộ phần vốn góp tại ABBANK) tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Cổ đông tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Cổ đông gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

2. Trường hợp cổ đông ủy quyền cho nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền tham dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thì phải xác định cụ thể số cổ phần được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông là tổ chức đã có văn bản ủy quyền cho người đại diện quản lý phần vốn góp theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này thì người này đương nhiên là đại diện theo ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

3. Trừ trường hợp người đại diện quản lý phần vốn góp của cổ đông là tổ chức đương nhiên là đại diện theo ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều này, việc ủy quyền cho người đại diện dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản phù hợp với quy định của pháp luật, có đầy đủ thông tin cổ đông, người được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền;

b) Trường hợp người đại diện quản lý phần vốn góp của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện quản lý phần vốn góp của cổ đông là tổ chức và người được ủy quyền dự họp;

c) Trường hợp cổ đông tổ chức chưa cử hoặc chưa cử đủ người đại diện quản lý cho toàn bộ phần vốn góp tại ABBANK thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và người được ủy quyền dự họp;

d) Trường hợp luật sư hoặc người đã nhận ủy quyền thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện tham dự họp thì việc chỉ định trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư, người nhận ủy quyền

(nếu trước đó chưa đăng ký với ABBANK) trong đó có nội dung được ủy quyền lại hoặc chỉ định tiếp cho người khác.

4. Người được ủy quyền dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
5. Trừ trường hợp ABBANK đã nhận được thông báo về một trong các sự kiện dưới đây trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều 41. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông⁴⁶

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của ABBANK, hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông (ngày chốt danh sách cổ đông) tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày chốt danh sách dự kiến. Đồng thời, Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải gửi văn bản cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để chuẩn bị danh sách cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập không sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông.
3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của ABBANK. Trong thời gian cổ phiếu ABBANK được đăng ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp tại ngày chốt danh sách là căn cứ để xác định quyền của cổ đông liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông đó.
4. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông có các thông tin họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số đăng ký sở hữu của cổ đông là cá nhân; tên, số

⁴⁶ Điều 141 Luật Doanh nghiệp

đăng ký sở hữu, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

5. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 42. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông⁴⁷

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của ABBANK có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến ABBANK chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải bao gồm họ tên cổ đông, số đăng ký sở hữu đối với cổ đông là cá nhân; tên, số đăng ký sở hữu đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông nếu từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 2 Điều này;
 - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Vấn đề kiến nghị không đủ thời gian cần thiết để chuẩn bị hồ sơ, thủ tục hoặc xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - d) Kiến nghị không đủ căn cứ, chứng cứ cần thiết hoặc không vì lợi ích chung của ABBANK.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

⁴⁷ Điều 142 Luật Doanh nghiệp

Điều 43. Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông⁴⁸

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp, đồng thời được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của ABBANK và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, bảo đảm các yêu cầu:
 - a) Thời hạn chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi thành công qua thư điện tử (email) hoặc được chuyển giao cho tổ chức cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát hoặc ngày thông tin được công bố công khai);
 - b) Thông báo gửi cho cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông (bao gồm địa chỉ thư điện tử nếu cổ đông có đăng ký); có đầy đủ nội dung tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của ABBANK; tên, số đăng ký sở hữu của cổ đông; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp;
 - c) Nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Tài liệu cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của ABBANK phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có) và bao gồm:⁴⁹
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
 - e) Mẫu văn bản chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
3. Hội đồng Quản trị phải gửi thư mời đại diện tổ chức kiểm toán đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm của ABBANK dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của ABBANK có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối. Đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của ABBANK.

⁴⁸ Điều 143 Luật Doanh nghiệp

⁴⁹ Điều 18.3 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

Điều 44. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông⁵⁰

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng Cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 43 Điều lệ này.

Điều 45. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông⁵¹

1. Đăng ký dự họp:
 - a) Trước giờ khai mạc cuộc họp, cổ đông, người được ủy quyền dự họp phải có mặt tại địa điểm họp đúng thời gian đã được thông báo để làm thủ tục đăng ký dự họp. Khoảng thời gian dành cho việc đăng ký thực hiện theo thông báo mời họp;
 - b) Người đăng ký dự họp sau khi thực hiện xong thủ tục đăng ký được cấp thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu cuộc họp có nội dung bầu thành viên Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban Kiểm soát) trên đó có ghi thông tin số đăng ký, tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó;
 - c) Hết thời gian dành cho việc đăng ký, nếu đã đủ tỷ lệ tối thiểu để tiến hành cuộc họp, Chủ tọa có thể cho bắt đầu cuộc họp để bảo đảm tiến độ, không cần phải chờ đến khi có đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp;
 - d) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết các vấn đề ngay sau

⁵⁰ Điều 145 Luật Doanh nghiệp

⁵¹ Điều 146 Luật Doanh nghiệp

khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Chủ tọa, Thư ký và Ban Kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị bầu một người trong số các thành viên Hội đồng Quản trị làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp Hội đồng Quản trị không bầu được người làm Chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cuộc họp có quyền chỉ định thêm những người khác là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc giúp Chủ tọa tham gia điều hành cuộc họp;
 - d) Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;
 - e) Đại hội đồng Cổ đông bầu Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Đại hội đồng Cổ đông có thể bầu một hoặc một số người chịu trách nhiệm giám sát kiểm phiếu khi cần thiết theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Đối với các vấn đề quy định tại điểm a, b, c, d, e và f Khoản 3 Điều 39 mà cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải xem xét tại cuộc họp thường niên theo quy định của pháp luật thì nội dung đó được đương nhiên thông qua trong chương trình cuộc họp trừ trường hợp 100% cổ đông tham dự cuộc họp biểu quyết không tán thành. Tất cả các vấn đề đã được đưa vào chương trình phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.

Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết từng vấn đề hoặc nhóm vấn đề trong nội dung chương trình cuộc họp. Đối với mỗi vấn đề biểu quyết, cổ đông có quyền lựa chọn một trong ba phương án biểu quyết là: tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được công bố trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp được Đại hội đồng Cổ đông quyết định thời hạn khác. Hình thức biểu quyết cụ thể như sau:

- a) Đối với các vấn đề nội dung nghị sự, cổ đông biểu quyết bằng cách ghi lựa chọn 1 trong 3 phương án biểu quyết: tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến tại Phiếu biểu quyết;
- b) Đối với việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, cổ đông biểu quyết bằng phiếu bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu;
- c) Đối với các vấn đề thể thức cuộc họp như thông qua thành phần Ban Kiểm phiếu, thể lệ biểu quyết, chương trình nghị sự, biên bản cuộc họp, và các vấn đề khác, cổ đông biểu quyết bằng cách giao Thẻ biểu quyết hoặc hình thức biểu quyết đơn giản khác theo 1 trong 3 lựa chọn tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến.

6. Trước và trong khi diễn ra cuộc họp, chủ tọa, người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra, kiểm dịch hoặc các biện pháp cần thiết và hợp lý khác nhằm bảo đảm an ninh, an toàn và phòng chống dịch bệnh;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh, an toàn, phòng chống dịch bệnh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại Điều này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
9. Trường hợp xét thấy cần thiết, Đại hội đồng Cổ đông có thể quyết định thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp khác với quy định tại Điều này.

Điều 46. Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông⁵²

1. Đại hội đồng Cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, trừ trường hợp phải thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp quy định tại Khoản 2 Điều này.
2. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông về các nội dung quy định tại các Khoản 1, 4, 6 và 18 Điều 38 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, cụ thể gồm:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của ABBANK;
 - b) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - c) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho ABBANK và cổ đông của ABBANK;
 - d) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ABBANK.

⁵² Điều 67.4 Luật Các TCTD; Điều 147.2 Luật Doanh nghiệp

3. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp được thông qua theo quy định sau đây:
- a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b và c Khoản 3 và Khoản 5 Điều này, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
 - b) Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận đối với nội dung quy định tại các khoản 8, 16 và 18 Điều 38 Điều lệ này hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản đối với nội dung quy định tại các khoản 8 và 16 Điều 38 Điều lệ này, cụ thể gồm các vấn đề sau đây:
 - (i) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; phương án chào bán, phát hành cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
 - (ii) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của ABBANK mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - (iii) Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ABBANK tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
 - c) Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 2 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí do

Đại hội đồng Cổ đông quyết định hoặc quy định tại quy chế bầu cử⁵³.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này⁵⁴.
5. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Trường hợp nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi thì chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành⁵⁵.

Điều 47. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông⁵⁶

1. Trừ các trường hợp bắt buộc phải thông qua biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 Điều lệ này, Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của ABBANK.
2. Hội đồng Quản trị phải bảo đảm thực hiện công bố thông tin theo quy định, lập danh sách cổ đông, chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu giải trình và gửi đến địa chỉ liên lạc của cổ đông chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến bằng phương thức bảo đảm, đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của ABBANK.
3. Văn bản lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của ABBANK;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số đăng ký sở hữu đối với cổ đông là cá nhân; tên, số đăng ký sở hữu, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

⁵³ Điều 148.3 Luật Doanh nghiệp; Điều 67.4(d) Luật Các TCTD

⁵⁴ Điều 152.2 Luật Doanh nghiệp

⁵⁵ Điều 148.6 Luật Doanh nghiệp; Điều 17.1 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

⁵⁶ Điều 149 Luật Doanh nghiệp

- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về ABBANK phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức.
5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến ABBANK bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về ABBANK phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về ABBANK sau thời hạn đã xác định trong phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý ABBANK. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của ABBANK;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
7. Các thành viên Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định

được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

8. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi:
 - a) Được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản này;
 - b) Được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tán thành đối với nội dung quy định tại các khoản 8 và 16 Điều 38 Điều lệ này, cụ thể gồm các vấn đề sau đây:
 - (i) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; phương án chào bán, phát hành cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
 - (ii) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của ABBANK mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
9. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, tất cả các nghị quyết, quyết định phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước, cổ đông ABBANK và được công bố thông tin theo quy định hiện hành. Việc gửi nghị quyết, biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông cho cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của ABBANK.
10. Việc lấy ý kiến cổ đông có thể được thực hiện dưới hình thức bỏ phiếu điện tử do Hội đồng Quản trị quyết định theo các quy định sau đây:
 - a) Bảo đảm các nguyên tắc quy định tại điểm a, b, c, f, g, h Khoản 9 Điều 39 Điều lệ này;
 - b) Bảo đảm các yêu cầu tương tự về xin ý kiến cổ đông bằng văn bản quy định tại Khoản 1, 2, 3, 6, 7, 8 và 9 Điều này;
 - c) Việc lấy ý kiến cổ đông bằng hình thức bỏ phiếu điện tử theo quy định tại Khoản này có giá trị như việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng hình thức bỏ phiếu điện tử có giá trị như được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - d) Hội đồng Quản trị công bố trên trang thông tin điện tử của ABBANK hướng dẫn việc thực hiện lấy ý kiến bằng hình thức bỏ phiếu điện tử cùng thời điểm

thông báo lấy ý kiến cổ đông.

Điều 48. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông⁵⁷

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của ABBANK;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần, số phiếu biểu quyết tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được lập bằng tiếng Việt và có thể được lập bằng cả tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung Biên bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản được lập bằng tiếng Việt có hiệu lực ưu tiên áp dụng.
3. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

⁵⁷ Điều 150 Luật Doanh nghiệp

4. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
5. Tất cả các nghị quyết, biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước, cổ đông ABBANK trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp; đồng thời phải được công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm Biên bản, Nghị quyết đó được thông qua. Việc gửi nghị quyết, biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông cho cổ đông được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của ABBANK.

Trường hợp Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát thì ABBANK phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua.

Điều 49. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông⁵⁸

1. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông vi phạm nghiêm trọng Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 46 Điều lệ này;
 - b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Mục 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 50. Chức năng, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ⁵⁹

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị ABBANK, có toàn quyền nhân danh ABBANK để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của ABBANK, trừ những

⁵⁸ Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

⁵⁹ Điều 50, 69 Luật Các TCTD, Điều 41.3(b) Luật Chứng khoán, Điều 276.4 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều 26.3 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.

2. Hội đồng Quản trị ABBANK phải có tối thiểu 05 (năm) thành viên và tối đa 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập; 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành ABBANK.
3. Cá nhân và Người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và Người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng Quản trị, nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng Quản trị ABBANK, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.
4. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 5 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, trừ trường hợp một cá nhân không được làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong 02 nhiệm kỳ liên tục nhằm tuân thủ quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 51 Điều lệ này. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
5. Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, ABBANK phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật Các tổ chức tín dụng.
6. Hội đồng Quản trị được sử dụng con dấu, bộ máy, phương tiện của Ngân hàng; có thể thuê dịch vụ tư vấn bên ngoài (kể cả chuyên gia nước ngoài) để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của mình phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.
7. Bộ máy trực tiếp tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Quản trị gồm có Văn phòng Hội đồng Quản trị, các chức danh Thư ký công ty và Người phụ trách quản trị công ty theo quy định của pháp luật. Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy trực tiếp tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị quy định.
8. Hội đồng Quản trị thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó:
 - a) Hội đồng Quản trị phải thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự.

Hội đồng Quản trị quyết định nhiệm vụ, quyền hạn của 02 Ủy ban này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước⁶⁰;

- b) Tuỳ theo yêu cầu thực tế trong từng giai đoạn, Hội đồng Quản trị thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các Ủy ban khác hoặc Hội đồng trực thuộc Hội đồng Quản trị ngoài 02 Ủy ban được quy định tại điểm a Khoản này.

Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị⁶¹

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 3 Điều 23 Điều lệ này;
 - b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước⁶²;
 - c) Có trình độ từ đại học trở lên;
 - d) Có một trong các điều kiện sau đây: Có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của ABBANK; có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho ABBANK hoặc công ty con của ABBANK hoặc đã làm việc cho ABBANK hoặc công ty con của ABBANK trong 3 (ba) năm liền kề trước đó;
 - b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của ABBANK, ngoài những khoản thù lao, phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ chồng của những người này là cổ đông lớn của ABBANK, người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát ABBANK; người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát

⁶⁰ Điều 9.1 Thông tư 13/2018/TT-NHNN

⁶¹ Điều 41.1 và 41.2 Luật các TCTD

⁶² Thông tư 22/2018/TT-NHNN (được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 10/2024/TT-NHNN).

của công ty con của ABBANK;

d) Không phải là người đại diện sở hữu cổ phần tại ABBANK; không sở hữu hoặc cùng với Người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ABBANK;

e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của ABBANK tại bất kỳ thời điểm nào trong 5 (năm) năm liền kề trước đó.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị phải tuân thủ quy định về không cùng đảm nhiệm chức vụ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 24 Điều lệ này.

Điều 52. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị⁶³

Hội đồng Quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều 38 Điều lệ này.
2. Quyết định cơ cấu tổ chức của ABBANK, việc thành lập, đóng cửa, chấm dứt hoạt động, thay đổi nội dung hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ABBANK.
3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và người điều hành khác hoặc chức danh khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng Quản trị.
4. Cử người đại diện phần vốn góp của ABBANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
5. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của ABBANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
6. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của ABBANK mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thuộc trường hợp quy định tại các khoản 16 và 17 Điều 38 Điều lệ này; Quy định việc phân cấp, phân quyền phê duyệt cho các cấp dưới đối với các giao dịch đầu tư, mua, bán tài sản cố định có giá trị dưới 10%

⁶³ Điều 70 Luật Các TCTD; Điều 153 Luật Doanh nghiệp

(mười phần trăm) vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

7. Thông qua việc cấp tín dụng đối với đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng và quy định có liên quan của Thống đốc ngân hàng Nhà nước⁶⁴; Quyết định khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật Các tổ chức tín dụng, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; Quy định việc phân cấp, phân quyền phê duyệt tín dụng của các cấp phê duyệt tại ABBANK trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc phải do Hội đồng Quản trị quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
8. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa ABBANK với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của ABBANK; Người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của ABBANK; công ty con, công ty liên kết của ABBANK.
9. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của ABBANK; Thông qua việc phát hành trái phiếu (trừ trái phiếu chuyển đổi); Quyết định các giao dịch ABBANK đi vay (trừ giao dịch đi vay liên ngân hàng) có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và quy định việc phân cấp, phân quyền cho các cấp dưới quyết định các giao dịch vay và các giao dịch khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) so với vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
10. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; Định kỳ hàng năm đánh giá hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.
11. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị ABBANK, Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua⁶⁵; Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của ABBANK phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
12. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của ABBANK.

⁶⁴ Điều 135.3 Luật Các TCTD

⁶⁵ Điều 270.2; Điều 278.4 và 278.6 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điều 27.2(q) Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

13. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên của ABBANK.
14. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
15. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của ABBANK.
16. Quyết định mua lại cổ phần của ABBANK theo phương án được duyệt.
17. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
18. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
19. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông; triệu tập Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
20. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
21. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.
22. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
23. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật⁶⁶ và Điều lệ này.

Điều 53. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị⁶⁷

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị đã được Đại hội đồng Cổ đông bầu ra.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;
 - b) Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;

⁶⁶ Điều 153 Luật Doanh nghiệp, Điều 278.8, 278.9 và Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Điều 27.3 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

⁶⁷ Điều 71 Luật các TCTD; Điều 156 Luật Doanh nghiệp; Điều 29 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

- c) Thay mặt Hội đồng Quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
 - d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - e) Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - f) Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - g) Đảm bảo thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng Quản trị phải xem xét;
 - h) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng Quản trị;
 - i) Giám sát thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công;
 - j) Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng Quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ;
 - k) Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng Quản trị, các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng Quản trị và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả đánh giá này;
 - l) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Nếu Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc các trường hợp khác Chủ tịch Hội đồng Quản trị không có khả năng thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 54. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị⁶⁸

1. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng Quản trị, quản trị ABBANK theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của ABBANK và cổ đông ABBANK; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
3. Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành ABBANK, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo.
4. Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác của ABBANK cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của đơn vị liên quan trong Ngân hàng nhằm thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị được phân công, phù hợp với quy định của Hội đồng Quản trị.
5. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường;
6. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về những quyết định của mình. Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.
7. Thành viên Hội đồng Quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 1, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13 và 17 Điều 52 Điều lệ này. Đối với các nội dung khác thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.⁶⁹
8. Thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
9. Giải trình trước Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.
10. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

⁶⁸ Điều 72 Luật các TCTD. Điều 41.5 Luật Chứng khoán và Điều 159 Luật Doanh nghiệp

⁶⁹ Điều 72.5 Luật Các TCTD và Điều 157.11 Luật Doanh nghiệp

Điều 55. Thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết, trừ trường hợp thành viên không có quyền biểu quyết về vấn đề đó.
2. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu của thành viên có quyền biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị⁷⁰ hoặc Chủ tọa cuộc họp (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt và không gửi ý kiến biểu quyết trước).
3. Hội đồng Quản trị ban hành Quy chế quy định cụ thể việc thông qua các quyết định của Hội đồng Quản trị trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Điều lệ này, gây thiệt hại cho ABBANK thì các thành viên đồng ý thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho ABBANK; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của ABBANK có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên⁷¹.

Điều 56. Thể thức họp Hội đồng Quản trị⁷²

1. Cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị. Tại cuộc họp này, Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.
3. Hội đồng Quản trị tiến hành họp bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị khi xét thấy cần thiết vì lợi

⁷⁰ Điều 157 Luật Doanh nghiệp

⁷¹ Điều 153.4 Luật Doanh nghiệp

⁷² Điều 157 Luật Doanh nghiệp; Điều 30 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

ích của ABBANK;

b) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;

c) Có đề nghị của ít nhất 1 (một) thành viên độc lập Hội đồng Quản trị hoặc 2 (hai) thành viên Hội đồng Quản trị;

d) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 5 (năm) người quản lý khác của ABBANK;

e) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Đề nghị họp Hội đồng Quản trị quy định tại điểm b, c và d Khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm b, c và d Khoản này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với ABBANK; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

4. Hội đồng Quản trị tiến hành họp theo hình thức họp mặt trực tiếp hoặc hình thức họp trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức nói trên. Trường hợp họp trực tuyến hoặc kết hợp họp trực tuyến phải phù hợp với quy định sau đây:

a) Cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến có thể được tiến hành thông qua việc sử dụng ứng dụng công nghệ và hệ thống internet, điện thoại, cầu truyền hình, các hình thức liên lạc điện tử khác giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị, các nhóm thành viên Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau.

b) Cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến phải bảo đảm điều kiện mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

(i) Nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

(ii) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

c) Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp dưới hình thức trực tuyến quy định tại Khoản này được coi là có mặt tại cuộc họp đó.

d) Địa điểm, thời gian cuộc họp trực tuyến được xác định là địa điểm, thời gian mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đông nhất tập hợp lại, nếu không có

một nhóm như vậy thì địa điểm, thời gian của cuộc họp được xác định theo nơi Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

- e) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến theo quy định tại Khoản này có hiệu lực và giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp trực tiếp. Các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm ký xác nhận Biên bản họp Hội đồng Quản trị để hoàn thiện hồ sơ cuộc họp sau khi cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến kết thúc.
5. Khi triệu tập họp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng Quản trị có các thông tin về cách thức họp, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp. Thông báo họp phải được gửi đi qua dịch vụ bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại ABBANK để thành viên có thể nhận được một cách thuận tiện và nhanh nhất. Người triệu tập họp có thể thông báo mời họp không theo thời hạn quy định thông thường ở trên trong các trường hợp cần quyết định gấp của Hội đồng Quản trị, sau khi tham vấn nhanh và được các thành viên Hội đồng Quản trị đồng ý; các tài liệu họp trong trường hợp này có thể được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị ngay tại cuộc họp.
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị. Trưởng Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.⁷³
6. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
7. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

⁷³ Điều 53.5 Luật Các TCTD; Điều 155.7 Luật Doanh nghiệp; Điều 30.7 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

- b) Ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 8 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết theo phương thức trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
8. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận, trừ các trường hợp không được phép ủy quyền quy định tại Khoản 6 Điều 54 Điều lệ này⁷⁴.
9. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị gửi ý kiến biểu quyết trước bằng văn bản, qua fax, thư điện tử thì phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp chậm nhất 1 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được công bố trước sự chứng kiến của những thành viên dự họp. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị biểu quyết thông qua ứng dụng phần mềm bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác thì thực hiện theo quy định có liên quan của Hội đồng Quản trị về việc thông qua các quyết định của Hội đồng Quản trị.
10. Biên bản họp Hội đồng Quản trị⁷⁵:
- a) Nội dung cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi chép đầy đủ trong Biên bản họp Hội đồng Quản trị. Diễn biến chi tiết nội dung cuộc họp có thể được ghi hình, ghi âm để lưu giữ dưới hình thức điện tử kèm theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải có các nội dung:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép, mã số doanh nghiệp của ABBANK;
 - Mục đích, chương trình nội dung họp;
 - Thời gian, địa điểm họp;
 - Họ, tên từng thành viên Hội đồng Quản trị dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tóm tắt ý kiến của thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - Kết quả biểu quyết đối với các vấn đề cụ thể trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành, không có ý kiến và ý kiến khác (nếu có);
 - Tổng hợp các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua

⁷⁴ Điều 72.5 Luật Các TCTD và Điều 157.11 Luật Doanh nghiệp

⁷⁵ Điều 158 Luật Doanh nghiệp

tương ứng;

- Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản và các thành viên tham dự cuộc họp.

- b) Các thành viên dự họp có trách nhiệm ký tên xác nhận nội dung Biên bản họp. Các thành viên Hội đồng Quản trị cùng ký tên vào một văn bản Biên bản họp hoặc một/một số thành viên có thể ký tên vào các văn bản khác nhau của Biên bản họp nhưng có cùng nội dung. Trường hợp thành viên có mặt dự họp từ chối ký Biên bản thì phải ghi rõ lý do.
- c) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a Khoản này thì Biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp. Người ký Biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với ABBANK do từ chối ký Biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.⁷⁶
- d) Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt hoặc song ngữ Việt-Anh. Trường hợp có sự khác nhau giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh về cùng một vấn đề thì nội dung bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
- e) Biên bản họp Hội đồng Quản trị được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị. Việc gửi Biên bản họp Hội đồng Quản trị có thể được thực hiện bằng cách gửi trực tiếp, qua thư, fax, thư điện tử (email).

Điều 57. Thẻ thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị để thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị trong trường hợp:
 - a) Cần có quyết định của Hội đồng Quản trị trong thời gian giữa hai cuộc họp Hội đồng Quản trị nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu quản trị và kinh doanh của ABBANK;
 - b) Pháp luật về các tổ chức tín dụng, về chứng khoán và thị trường chứng khoán, về doanh nghiệp và Điều lệ ABBANK không yêu cầu bắt buộc thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

⁷⁶ Điều 158 Luật Doanh nghiệp (đã được sửa đổi, bổ sung ngày 22/4/2022)

2. Việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị để thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị được thực hiện bằng hình thức văn bản, thư điện tử (email) hoặc phần mềm ứng dụng được ABBANK áp dụng trong từng thời kỳ hoặc sự kết hợp của các hình thức trên. Việc gửi, nhận tài liệu, thông tin, ý kiến biểu quyết qua hình thức thư điện tử (email) hoặc phần mềm ứng dụng được ABBANK áp dụng có giá trị như việc gửi, nhận được thực hiện bằng văn bản thông thường.
3. Việc biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản, bằng thư điện tử (email) hay phần mềm ứng dụng được ABBANK áp dụng có giá trị như biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.
4. Văn bản tổng hợp ý kiến biểu quyết kèm theo tài liệu xin ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị có giá trị và được lưu giữ như Biên bản họp Hội đồng Quản trị.
5. Trình tự, thủ tục xin ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị để thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị theo Quy chế về thông qua các quyết định của Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị ban hành và áp dụng trong từng thời kỳ.

Điều 58. Thư ký công ty và Người phụ trách quản trị công ty⁷⁷

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh Thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp để hỗ trợ Hội đồng Quản trị và Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d) Hỗ trợ ABBANK trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 - e) Hỗ trợ ABBANK trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

⁷⁷ Điều 156.5 Luật Doanh nghiệp; Điều 281.1 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điều 32 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Hội đồng Quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 1 (một) Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại ABBANK. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của ABBANK. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa ABBANK và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của ABBANK;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Mục 4: **BAN KIỂM SOÁT**

Điều 59. Ban Kiểm soát⁷⁸

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy định nội bộ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
2. Ban Kiểm soát của ABBANK có tối thiểu 05 (năm) thành viên. Ban Kiểm soát bầu

⁷⁸ Điều 51, Điều 52 Luật các TCTD; Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điều 37 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

một thành viên làm Trưởng Ban.

3. Ban Kiểm soát có bộ phận Kiểm toán Nội bộ, bộ phận giúp việc và được sử dụng các nguồn lực của ABBANK, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện các nhiệm vụ của mình.
4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế thành viên bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
5. Trường hợp Ban Kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Khoản này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, ABBANK phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật Các tổ chức tín dụng.
6. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát⁷⁹:
 - a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 3 Điều 23 Điều lệ này;
 - b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
 - c) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
 - d) Có ít nhất 3 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
 - e) Không phải là Người có liên quan của người quản lý ABBANK;
 - f) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của ABBANK; Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của ABBANK trong 3 (ba) năm liền trước đó⁸⁰;
 - g) Trưởng Ban Kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
 - h) Thành viên Ban Kiểm soát phải tuân thủ quy định về không cùng đảm nhiệm chức vụ tại Khoản 4 Điều 24 Điều lệ này.

⁷⁹ Điều 41.3 Luật Các TCTD.

⁸⁰ Điều 286.2 (a) và (b) Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Điều 60. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát⁸¹

1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành ABBANK trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị ABBANK; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ này.
2. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; ban hành quy định nội bộ khác của Ban Kiểm soát. Định kỳ hàng năm, xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, quy định nội bộ về kế toán, báo cáo.
3. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành ABBANK; có quyền sử dụng các nguồn lực của ABBANK để thực hiện nhiệm vụ được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài quyền để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
4. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và hàng năm của ABBANK; báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, đầy đủ, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.
5. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của ABBANK thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị. Định kỳ hàng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
6. Giám sát việc chấp hành các quy định về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng tại Chương VII của Luật Các tổ chức tín dụng.
7. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của ABBANK khi thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này. Ban Kiểm soát triển khai

⁸¹ Điều 52 Luật các TCTD; Điều 170 Luật Doanh nghiệp; Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điều 39 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

thực hiện kiểm tra trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

8. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành ABBANK có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ này, quy định nội bộ của ABBANK, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
9. Lập danh sách cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên và Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc ABBANK, cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
10. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ này.
11. Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
12. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận Kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của ABBANK.
13. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 6, 8 và 11 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, Người có liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.
14. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của ABBANK.
15. Định kỳ hàng năm, chỉ đạo bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan về hệ thống kiểm soát nội bộ và thông báo cho Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ, đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.
16. Phê duyệt chính sách kiểm toán nội bộ; phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ.

17. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật.⁸²

18. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 61. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát⁸³

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ này và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.
3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.
4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
5. Tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết.
6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông.
7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban Kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Kiểm soát.
8. Đảm bảo các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.
9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện các công việc được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.
10. Chỉ được uỷ quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
11. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 62. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát⁸⁴

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng Ban Kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của ABBANK và cổ đông; chịu trách nhiệm về việc

⁸² Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Điều 39.7 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

⁸³ Điều 53 Luật các TCTD; Điều 38 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

⁸⁴ Điều 54 Luật các TCTD; Điều 287 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Bầu một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát.
3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường.
4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
5. Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của ABBANK cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
6. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.
7. Tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
8. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 63. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp hai hình thức họp trên hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử (email) hoặc bỏ phiếu điện tử.
2. Mỗi thành viên Ban Kiểm soát có một phiếu biểu quyết. Thành viên Ban Kiểm soát có xung đột lợi ích với vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không biểu quyết đối với vấn đề đó.

Điều 64. Cuộc họp Ban Kiểm soát và việc lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát:
 - a) Cuộc họp Ban Kiểm soát có thể được tiến hành dưới hình thức họp mặt trực tiếp hoặc cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp hai hình thức họp trên. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
 - (i) Trưởng Ban Kiểm soát;
 - (ii) Hai thành viên Ban Kiểm soát trở lên;
 - (iii) Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - (iv) Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng Quản trị;

- (v) Tổng Giám đốc;
- (vi) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- b) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của một trong các đối tượng nêu trên, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường.
- c) Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát; trường hợp họp bất thường thì thời hạn thông báo có thể ngắn hơn theo quyết định của Trưởng Ban Kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ về chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát không thể trực tiếp dự họp có thể gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản, đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến cho Chủ tọa cuộc họp chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết bằng văn bản này chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.
- d) Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) trở lên số thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc ủy quyền cho thành viên khác của Ban Kiểm soát dự họp.
- e) Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu người quản lý, người điều hành, đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ tại cuộc họp Ban Kiểm soát.⁸⁵
- f) Biểu quyết:
 - (i) Mỗi thành viên Ban Kiểm soát có quyền biểu quyết sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên đó không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện biểu quyết thay.
 - (ii) Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát làm Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt hoặc Trưởng ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp theo đề nghị).
- g) Biên bản họp Ban kiểm soát phải được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên

⁸⁵ Điều 40.2 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. Nội dung cuộc họp Ban Kiểm soát có thể được ghi âm và lưu giữ dưới hình thức điện tử. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt hoặc song ngữ Việt-Anh. Trường hợp có sự khác nhau giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh về cùng một vấn đề thì nội dung bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát:

Việc lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát để thông qua quyết định của Ban Kiểm soát có thể thực hiện bằng hình thức văn bản, thư điện tử hoặc hình thức bỏ phiếu điện tử khác. Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua tại một cuộc họp Ban Kiểm soát nếu:

- a) Được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đồng ý đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
- b) Số lượng thành viên Ban Kiểm soát tham gia biểu quyết đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.

Văn bản lấy ý kiến, ý kiến biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và các tài liệu kèm theo có giá trị và được quản lý lưu giữ như biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát.

Mục 5: TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 65. Tổng Giám đốc⁸⁶

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc với nhiệm kỳ không quá 5 (năm) năm.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của ABBANK, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
3. Trường hợp khuyết Tổng Giám đốc thì Hội đồng Quản trị phải bổ nhiệm Tổng Giám đốc trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày khuyết Tổng Giám đốc.
4. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Tổng Giám đốc⁸⁷:

⁸⁶ Điều 55, 56 Luật các TCTD; Điều 162.1 và 162.2 Luật Doanh nghiệp

⁸⁷ Điều 41.4 Luật Các TCTD

- a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 3 Điều 23 Điều lệ này;
 - b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
 - c) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
 - d) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 5 (năm) năm là người điều hành tổ chức tín dụng; hoặc có ít nhất 5 (năm) năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 5 (năm) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
 - e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
 - f) Tổng Giám đốc phải tuân thủ quy định về không cùng đảm nhiệm chức vụ tại Khoản 5 Điều 24 Điều lệ này.
5. Tổng Giám đốc có thể được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trình tự, thủ tục, hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của ABBANK.

Điều 66. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc⁸⁸

1. Tổng Giám đốc có các quyền, nghĩa vụ sau đây:
 - a) Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - b) Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của ABBANK;
 - c) Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả;
 - d) Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;
 - e) Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý;

⁸⁸ Điều 56 Luật các TCTD, Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp.

- f) Báo cáo Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng Cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của ABBANK;
 - g) Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó, kịp thời báo cáo Hội đồng Quản trị;
 - h) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của ABBANK;
 - i) Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường;
 - j) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh quản lý, điều hành của ABBANK, trừ chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - k) Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh ABBANK theo quy định của Điều lệ này và quy định nội bộ của ABBANK;
 - l) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của ABBANK;
 - m) Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền;
 - n) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Tổng Giám đốc phải điều hành hoạt động của ABBANK theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng, thỏa thuận, cam kết ký với ABBANK và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị. Nếu điều hành trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này mà gây thiệt hại cho ABBANK thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm theo pháp luật và phải bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho ABBANK.

Điều 67. Tổ chức bộ máy quản lý⁸⁹

1. Hệ thống quản lý của ABBANK phải bảo đảm bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của ABBANK.
2. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối, Trưởng đơn vị Hội sở và các chức danh khác theo quy định của ABBANK. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên theo quy định do Hội đồng Quản trị ban hành trong từng thời kỳ.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc

⁸⁹ Điều 33, 34 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

chi nhánh, Tổng Giám đốc (Giám đốc) công ty con của ABBANK⁹⁰:

- a) Không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 23 Điều lệ này, tùy theo chức danh bổ nhiệm. Phó Tổng Giám đốc phải tuân thủ quy định về không cùng đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 5 Điều 24 Điều lệ này;
 - b) Có một trong các điều kiện sau đây:
 - (i) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;
 - (ii) Có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 3 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;
 - c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
 - d) Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán.
4. Hội đồng Quản trị quy định cụ thể cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các Đơn vị trong ABBANK và việc bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với các chức danh quy định tại Điều này.

Mục 6: **QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

Điều 68. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ⁹¹

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ ABBANK, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
 - b) Yêu cầu tra cứu phải được báo trước tối thiểu 5 ngày làm việc; việc tra cứu được tiến hành trong giờ làm việc, tại văn phòng trụ sở chính của ABBANK.

⁹⁰ Điều 41.5 Luật Các TCTD

⁹¹ Điều 61.5, Điều 61.6 Luật Các TCTD; Điều 49 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT_BTC

Trường hợp yêu cầu tra cứu do đại diện được ủy quyền của cổ đông, nhóm cổ đông đưa ra phải kèm theo bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy ủy quyền của cổ đông, nhóm cổ đông có công chứng, chứng thực.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của ABBANK, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của ABBANK vì mục đích thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. ABBANK phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, Báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
4. Điều lệ ABBANK, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của ABBANK.

Mục 7: NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 69. Người lao động và công đoàn⁹²

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và trình Hội đồng Quản trị ban hành các Quy chế, quy định liên quan đến việc tuyển dụng, thuê lao động, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật và các vấn đề liên quan đối với người lao động và người điều hành ABBANK.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của ABBANK với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất; quy định tại Điều lệ này, các quy chế của ABBANK và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV: CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Mục 1: CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN

⁹² Điều 50 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

Điều 70. Chế độ tài chính, năm tài chính⁹³

1. ABBANK tự chủ về tài chính.
2. Chế độ tài chính của ABBANK được thực hiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. ABBANK thực hiện các quy định chi tiết về chế độ tài chính, doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận theo quy định của Chính phủ.
4. Căn cứ vào quy định của pháp luật, Hội đồng Quản trị ban hành Quy chế quản lý tài chính; quy định về việc lập kế hoạch tài chính, việc bồi thường khi ABBANK bị tổn thất về tài sản.
5. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc trong phạm vi chức năng của mình, chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý Nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính, kiểm toán, kế toán của ABBANK.
6. Năm tài chính của ABBANK bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch.

Điều 71. Hạch toán kế toán⁹⁴

ABBANK phải thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các khoản thu, chi và thực hiện các quy định về chế độ hóa đơn, chứng từ kế toán.

Điều 72. Báo cáo tài chính và báo cáo thường niên⁹⁵

1. ABBANK phải thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, điều tra thống kê.
2. ABBANK phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, ABBANK công bố báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp đang được kiểm soát đặc biệt.
3. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của ABBANK.
4. ABBANK phải lập và công bố báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo

⁹³ Điều 149.1, Điều 151 Luật Các TCTD

⁹⁴ Điều 150 Luật Các TCTD

⁹⁵ Điều 152.1, Điều 154 Luật Các TCTD; Điều 55, 56 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. ABBANK phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 73. Kiểm toán độc lập⁹⁶

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Đại hội đồng Cổ đông phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo.
2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, ABBANK phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.
3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của ABBANK.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của ABBANK được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của ABBANK.

Điều 74. Sử dụng vốn, bảo đảm tỷ lệ an toàn và dự phòng rủi ro⁹⁷

1. Vốn của ABBANK bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn huy động, vốn khác theo quy định của pháp luật. ABBANK được sử dụng vốn để kinh doanh theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. ABBANK được mua, đầu tư tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của mình, bảo đảm tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản cố định không được vượt quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán của ABBANK.
3. ABBANK phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây theo quy định cụ thể của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:

⁹⁶ Điều 59, Điều 67.3 (t) Luật các TCTD; Điều 57 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

⁹⁷ Điều 138, Điều 144, Điều 147 Luật Các TCTD

- a) Tỷ lệ khả năng chi trả;
 - b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 08% (tám phần trăm) hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;
 - c) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;
 - d) Tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;
 - e) Tỷ lệ bảo đảm an toàn khác.
4. ABBANK phải dự phòng rủi ro trong hoạt động. Khoản dự phòng rủi ro này được hạch toán vào chi phí hoạt động.
5. Việc phân loại tài sản có thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; mức trích lập dự phòng rủi ro, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của ABBANK thực hiện theo quy định của Chính phủ, trừ trường hợp đặc biệt việc phân loại tài sản có, mức trích lập dự phòng rủi ro, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động đối với từng trường hợp cụ thể theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
6. Việc sử dụng dự phòng rủi ro không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ của khách hàng đối với khoản nợ được sử dụng dự phòng rủi ro và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến khoản nợ. Trong trường hợp ABBANK thu hồi được vốn đã xử lý bằng khoản dự phòng rủi ro, số tiền thu hồi này được hạch toán vào doanh thu của ABBANK.

Mục 2:

TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 75. Trích lập các quỹ⁹⁸

1. Hằng năm, ABBANK phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ sau đây:
- a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ phải trích lập hằng năm theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không được vượt quá mức vốn điều lệ của ABBANK;

⁹⁸ Điều 148 Luật Các TCTD

- b) Quỹ dự phòng tài chính;
 - c) Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
 - d) Quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật.
2. ABBANK quản lý và sử dụng các quỹ phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định nội bộ của ABBANK.

Điều 76. Chia cổ tức⁹⁹

1. Đại hội đồng Cổ đông quyết định việc chia cổ tức và mức cổ tức được chia trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Quản trị, phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.
2. ABBANK trả cổ tức cho cổ đông bảo đảm các điều kiện sau:
 - a) Đã bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - b) Đã trích lập các quỹ bắt buộc theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - c) Không thuộc các trường hợp không được trả cổ tức, trả cổ tức bằng tiền mặt (trong trường hợp trả cổ tức bằng tiền) theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 157; điểm a Khoản 1 Điều 191 Luật Các tổ chức tín dụng;
 - d) Ngay sau khi chi trả hết số cổ tức dự kiến, ABBANK vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
3. ABBANK trả cổ tức dựa trên các chính sách sau đây:
 - a) Tuân thủ quy định của pháp luật và yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước;
 - b) Phù hợp với tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của ABBANK;
 - c) Minh bạch, công bằng và vì lợi ích tốt nhất của cổ đông;
 - d) Hòa giải giữa yêu cầu tích lũy nội tại của Ngân hàng và nhu cầu về cổ tức của cổ đông; giữa việc chia cổ tức bằng tiền mặt và bằng cổ phiếu phù hợp với chiến lược phát triển và tình hình thực tế của ABBANK trong từng thời kỳ.
4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 6 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.¹⁰⁰
5. Hội đồng Quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả, thời hạn, hình thức trả và công bố thông tin về việc trả cổ tức phù hợp với quy định của pháp luật.

⁹⁹ Điều 135 Luật Doanh nghiệp

¹⁰⁰ Điều 135.4 Luật Doanh nghiệp

6. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phiếu hoặc kết hợp bằng tiền mặt và cổ phiếu theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam, có thể được thực hiện bằng chuyển khoản tới tài khoản nhận cổ tức do cổ đông đã đăng ký với ABBANK hoặc chuyển khoản đến tài khoản thanh toán của cổ đông tại ABBANK nếu cổ đông không chỉ định tài khoản khác để nhận cổ tức. ABBANK không trả lãi hay hay một khoản tiền nào khác phát sinh liên quan tới cổ tức. Cổ đông có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân và chịu các chi phí chuyển tiền (nếu có) khi nhận cổ tức.
7. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.
8. Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc này phù hợp với kết quả kinh doanh của ABBANK và các quy định pháp luật có liên quan.
9. Hội đồng Quản trị xem xét, ban hành quy định cụ thể về chi trả cổ tức căn cứ quy định hiện hành của pháp luật và các quy định của Điều lệ này.

Mục 3: CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 77. Thông tin và bảo mật thông tin¹⁰¹

1. ABBANK cung cấp cho chủ tài khoản thông tin về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản.
2. ABBANK được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. ABBANK được trao đổi với các tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thông tin về hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
3. Khi thực hiện giao dịch với ABBANK, khách hàng có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu đó.
4. Người quản lý, Người điều hành, nhân viên của ABBANK không được tiết lộ thông tin khách hàng, bí mật kinh doanh của ABBANK.
5. ABBANK phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng của ABBANK theo quy định của Chính phủ. ABBANK không cung cấp thông tin khách hàng của

¹⁰¹ Điều 12 và Điều 13 Luật các TCTD.

ABBANK cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Điều 78. Báo cáo và công bố thông tin

1. ABBANK có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh¹⁰² và phải báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.¹⁰³
2. ABBANK phải lập và gửi các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất khác theo quy định của pháp luật.
3. ABBANK có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, các thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính và quản trị theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.
4. ABBANK phải ban hành các văn bản nội bộ để thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật và hướng dẫn, yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.
5. Việc công bố thông tin phải đảm bảo nguyên tắc kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch, phù hợp với quy định của pháp luật; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

Điều 79. Chế độ lưu giữ tài liệu¹⁰⁴

1. ABBANK phải lưu giữ các tài liệu sau đây tại Trụ sở chính của ABBANK hoặc địa điểm khác do ABBANK quyết định phù hợp với quy định của pháp luật:
 - a) Điều lệ ABBANK, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
 - b) Quy chế quản lý nội bộ của ABBANK; Sổ đăng ký cổ đông;
 - c) Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế; Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; các giấy phép và giấy chứng nhận khác (nếu có);
 - d) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của ABBANK;
 - e) Phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông

¹⁰² Điều 12.2 Luật Các TCTD

¹⁰³ Điều 152.2 Luật Các TCTD

¹⁰⁴ Điều 11 Luật Doanh nghiệp; Điều 49.4 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

(kèm theo phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông), Hội đồng Quản trị; các quyết định của ABBANK; các báo cáo của Hội đồng Quản trị;

- f) Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán (nếu có);
 - g) Báo cáo của Ban Kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
 - h) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;
 - i) Hồ sơ tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - j) Các thông tin, tài liệu quy định tại Khoản 4 Điều 29 Điều lệ này và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.
2. Thời hạn, cách thức lưu giữ các tài liệu thực hiện theo quy định pháp luật.
3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc lưu giữ, quản lý hồ sơ, tài liệu tại ABBANK theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

CHƯƠNG V: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN

Điều 80. Giải quyết tranh chấp nội bộ¹⁰⁵

1. Bất cứ tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới quyền và nghĩa vụ của cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
- a) Cổ đông với ABBANK; hoặc
 - b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cấp cao do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 21 (hai mươi một) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào đều có thể yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

¹⁰⁵ Điều 62 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

2. Nếu không có quyết định nào đạt được thông qua hòa giải trong vòng 6 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án để giải quyết.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí khi giải quyết tranh chấp tại Trọng tài hoặc Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Trọng tài hoặc Tòa án.

Điều 81. Tổ chức lại¹⁰⁶

1. Việc tổ chức lại ABBANK dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý được thực hiện theo quy định của pháp luật sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
2. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 82. Giải thể¹⁰⁷

1. ABBANK bị giải thể trong các trường hợp sau:
 - a) Khi hết hạn hoạt động mà ABBANK không xin gia hạn giấy phép hoạt động hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
 - b) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - c) ABBANK tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
 - d) Được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.
2. Việc thanh lý tài sản khi giải thể được thực hiện dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.

Điều 83. Áp dụng can thiệp sớm và kiểm soát đặc biệt

1. Các trường hợp can thiệp sớm và trách nhiệm của ABBANK trong trường hợp được can thiệp sớm thực hiện theo quy định tại Chương IX (từ Điều 156 đến Điều 161) Luật Các tổ chức tín dụng.

¹⁰⁶ Điều 201 Luật Các TCTD; Điều 198 đến Điều 201 Luật Doanh nghiệp

¹⁰⁷ Điều 202 Luật Các TCTD; Các Điều từ 207 đến 212 Luật Doanh nghiệp

2. Các trường hợp được kiểm soát đặc biệt và trách nhiệm của ABBANK trong trường hợp được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định tại Chương X (từ Điều 162 đến Điều 190) Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 84. Phá sản¹⁰⁸

Sau khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc không áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán hoặc chấm dứt áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà ABBANK vẫn mất khả năng thanh toán thì ABBANK phải nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản. Việc phá sản ABBANK được thực hiện theo quy định tại Điều 203 Luật các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 85. Hiệu lực của Điều lệ

1. Điều lệ này đã được Đại hội đồng Cổ đông ABBANK nhất trí thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được thông qua và thay thế cho Điều lệ ABBANK (và các sửa đổi, bổ sung kèm theo) đã ban hành trước đây.
3. Các trường hợp được quy định tại Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng về điều khoản chuyển tiếp thì thực hiện theo quy định tại Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng.
4. Các vấn đề chưa được đề cập trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định bắt buộc áp dụng của pháp luật với quy định của Điều lệ này thì áp dụng theo quy định của pháp luật.
5. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Đại hội đồng Cổ đông quyết định, trừ trường hợp cập nhật, điều chỉnh thông tin tại Điều lệ này theo đúng nội dung sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp cho ABBANK khi có phát sinh sẽ do Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm thực hiện, báo cáo Ngân hàng Nhà nước, cơ quan quản lý theo quy định hiện hành và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp gần nhất.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Người đại diện theo pháp luật của ABBANK chịu trách nhiệm hợp nhất các nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ vào bản Điều lệ này mỗi khi phát sinh.

¹⁰⁸ Điều 203 Luật Các TCTD

Điều 86. Điều khoản cuối cùng

1. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của ABBANK.
2. Điều lệ này gồm 06 chương, 86 điều, được lập thành 5 bản, có giá trị như nhau, phải được gửi cho Ngân hàng Nhà nước và lưu giữ tại trụ sở chính của ABBANK.
3. Bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu của 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều lệ này đã được Đại hội đồng Cổ đông ABBANK thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2025.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA ABBANK

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phạm Duy Hiếu

Đào Mạnh Kháng

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ (SỬA ĐỔI)



Thông tin
Đại hội đồng cổ đông



Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐÃ THÔNG QUA VĂN BẢN NÀY

GENERAL SHAREHOLDERS MEETING APPROVED THIS DOCUMENT

Vào ngày / on the date: 18-04-2025

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình ABBANK (sửa đổi)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK)

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

- Thực hiện yêu cầu quy định tại Điều 210; Khoản 2, Khoản 3 Điều 270; Khoản 6 Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Tham chiếu mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 116/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính, Hội đồng Quản trị đã trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK) tại cuộc họp thường niên năm 2021.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị đã ban hành Quy chế này theo Quyết định số 73/QĐ-HĐQT.21 ngày 20/5/2021. Nội dung Quy chế nội bộ về Quản trị ABBANK được xây dựng và ban hành dựa trên nền tảng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Quy chế mẫu theo Thông tư số 116/TT-BTC ngày 31/12/2020 và Điều lệ ABBANK.
- Ngày 18/01/2024, Luật Các tổ chức tín dụng mới (Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024) được thông qua có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024 thay thế cho Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có nhiều nội dung quy định mới có tính đặc thù về tổ chức quản lý và hoạt động của tổ chức tín dụng. Tuân thủ các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng 2024 và thực hiện yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo và tổ chức việc rà soát, xây dựng lại bản Điều lệ ABBANK. Đồng thời, Quy chế Quy chế nội bộ về Quản trị ABBANK cũng được rà soát, cập nhật đồng bộ với Điều lệ mới để trình Đại hội đồng Cổ đông.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng Cổ đông dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị ABBANK (sửa đổi).

II. CƠ CẤU VÀ NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO QUY CHẾ

- Cơ cấu dự thảo Quy chế giữ nguyên cơ cấu gồm 8 chương với 35 Điều, cụ thể:
Chương I: Quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 3): Quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ và nguyên tắc cơ bản trong quản trị nội bộ.
Chương II: Đại hội đồng Cổ đông (từ Điều 4 đến Điều 21): Quy định về vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của Đại hội đồng Cổ đông; Thẩm quyền triệu tập cuộc

hợp Đại hội đồng Cổ đông; Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; Thông báo triệu tập cuộc họp; Chương trình, nội dung cuộc họp; Cách thức tham dự, uỷ quyền và đăng ký dự họp; Điều kiện tiến hành cuộc họp; Chủ tọa, Thư ký, Ban Kiểm; Hình thức thông qua nghị quyết tại cuộc họp; Điều kiện thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông; Biên bản cuộc họp; Công bố nghị quyết và cách thức phản đối nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông; Báo cáo của HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông; Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông dưới hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử; Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và Chi phí liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Chương III: Hội đồng Quản trị (từ Điều 22 đến Điều 27): Quy định về vai trò và trách nhiệm của HĐQT; Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT; Việc tổ chức họp, lấy ý kiến đề thông qua quyết định của HĐQT; Thường trực HĐQT; Các Ủy ban của HĐQT; Thư ký công ty và Người phụ trách quản trị công ty.

Chương IV: Ban Kiểm soát (Điều 28)

Chương V: Tổng Giám đốc (Điều 29)

Chương VI: Phối hợp giữa HĐQT, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc (Điều 30 đến Điều 32): Quy định mối quan hệ công tác giữa HĐQT và Tổng Giám đốc; giữa HĐQT với Ban Kiểm soát và giữa Ban Kiểm soát với Tổng Giám đốc.

Chương VII: Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc (Điều 33)

Chương VIII: Tổ chức thực hiện (Điều 34 và Điều 35):

2. Nội dung dự thảo Quy chế nhất quán, đồng bộ với các quy định liên quan của dự thảo Điều lệ mới được rà soát cập nhật theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và đang được trình Đại hội đồng Cổ đông, đồng thời bảo đảm đáp ứng yêu cầu, quy định của văn bản pháp luật khác có liên quan.
3. Trong quá trình soạn thảo, dự thảo Quy chế đã được lấy ý kiến và chỉnh lý trên cơ sở ý kiến góp ý của Ban Kiểm soát, Kiểm toán nội bộ và rà soát pháp lý của Ban Pháp chế và Tuân thủ trước khi báo cáo HĐQT để trình Đại hội đồng Cổ đông.

III. ĐỀ XUẤT

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị ABBANK (Dự thảo kèm theo) và giao Hội đồng Quản trị ban hành Quy chế này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 

Đào Mạnh Kháng



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐÃ THÔNG QUA VĂN BẢN NÀY

GENERAL SHAREHOLDERS MEETING APPROVED THIS DOCUMENT

Vào ngày / on the date: 18 -04- 2025

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH

THEO DÕI SOẠN THẢO VĂN BẢN				
I. ĐƠN VỊ SOẠN THẢO				
TT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Chữ ký
1.	Trần Nam Sơn	Giám đốc	Văn phòng HĐQT	
II. ĐƠN VỊ KIỂM SOÁT				
TT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Chữ ký
1.	Nguyễn Thị Hạnh Tâm	Trưởng Ban Kiểm soát	Ban Kiểm soát	
2.	Phạm Duy Hiếu	Tổng Giám đốc	Ban Điều hành	
3.	Đạt Khánh Toàn	Trưởng ban	Ban Pháp chế và Tuân thủ	
III. NGƯỜI KÝ BAN HÀNH VĂN BẢN				
TT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Chữ ký
1.	Đào Mạnh Kháng	Chủ tịch	Hội đồng Quản trị	
IV. QUÁ TRÌNH BAN HÀNH VÀ SỬA ĐỔI				
Lần	Ngày ban hành	Tóm tắt nội dung		
2/..../....	Quyết định sốvề việc ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Ngân hàng TMCP An Bình.		
1	20/5/2021	Quyết định số 73/QĐ-HĐQT.21 về việc ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Ngân hàng TMCP An Bình.		

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ	1
Điều 3. Các nguyên tắc quản trị cơ bản	3
CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	3
Điều 4. Vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của Đại hội đồng Cổ đông	3
Điều 5. Thẩm quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông	3
Điều 6. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp	5
Điều 7. Thông báo triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông	5
Điều 8. Chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông	6
Điều 9. Cách thức tham dự, uỷ quyền và đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 10. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 11. Chủ tọa, Thư ký và Ban Kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông	9
Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông	10
Điều 13. Điều kiện thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông	10
Điều 14. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông	11
Điều 15. Công bố nghị quyết và cách thức phản đối nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông	12
Điều 16. Báo cáo của Hội đồng Quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên	13
Điều 17. Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên	13
Điều 18. Báo cáo của Tổng Giám đốc tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên	14
Điều 19. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông dưới hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử	14
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	15
Điều 21. Chi phí liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông	17
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	17
Điều 22. Vai trò và trách nhiệm của Hội đồng Quản trị	17
Điều 23. Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị	18
Điều 24. Cuộc họp và lấy ý kiến đề thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị	18
Điều 25. Thường trực Hội đồng Quản trị	18
Điều 26. Các Ủy ban của Hội đồng Quản trị	18
Điều 27. Thư ký công ty và Người phụ trách quản trị công ty	18
CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT	19
Điều 28. Ban Kiểm soát	19
CHƯƠNG V: TỔNG GIÁM ĐỐC	20
Điều 29. Tổng Giám đốc	20

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

CHƯƠNG VI: PHỐI HỢP GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,	21
BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	21
Điều 30. Quan hệ công tác giữa Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc	21
Điều 31. Quan hệ công tác giữa Hội đồng Quản trị với Ban Kiểm soát	23
Điều 32. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Tổng Giám đốc	23
CHƯƠNG VII: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,	24
BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	24
Điều 33. Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc	24
CHƯƠNG VIII: TỔ CHỨC THỰC HIỆN	25
Điều 34. Hiệu lực và thi hành	25
Điều 35. Sửa đổi, bổ sung Quy chế	25

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-HĐQT.25 ngày tháng năm 2025
của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP An Bình)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị ABBANK quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc; giao dịch với người có liên quan; báo cáo và công bố thông tin; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng Cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ ABBANK và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
- 1.2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng đối với bộ máy quản lý ABBANK; cổ đông, người quản lý, người điều hành, người có liên quan của các đối tượng này và tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- 2.1. Trong Quy chế này, trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể có quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) *Pháp luật*: là Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định, Thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
 - b) *Luật Các tổ chức tín dụng*: là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 18/01/2024 và có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024.
 - c) *Luật Doanh nghiệp*: là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021; đã được sửa đổi bổ sung ngày 11/01/2022, nội dung sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày 01/3/2022.
 - d) *Luật Chứng khoán*: là Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ 01/01/2021; đã được sửa đổi, bổ sung ngày 29/11/2024, các nội dung sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025.
 - e) *Ngân hàng Nhà nước* hoặc *NHNN*: là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - f) *ABBANK/Ngân hàng An Bình*: là Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình.
 - g) *Cổ đông*: là mọi cá nhân hay tổ chức sở hữu một hoặc một số cổ phần của ABBANK.
 - h) *Cổ đông lớn*: là cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ABBANK, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.
 - i) *Cổ phiếu*: là chứng chỉ do ABBANK phát hành hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần ABBANK.
 - j) *Người quản lý ABBANK*: bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị; Tổng Giám đốc.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

- k) *Người điều hành ABBANK*: bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương của ABBANK (Chức danh Thành viên Ban Điều hành không tương đương với chức danh Phó Tổng Giám đốc).
- l) *Người có liên quan*: là tổ chức, cá nhân có quan hệ với một tổ chức, cá nhân khác (bao gồm cả ABBANK) nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- (i). Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;
 - (ii). Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
 - (iii). Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
 - (iv). Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột;
 - (v). Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân có mối quan hệ theo quy định tại tiết (iv) trên đây với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
 - (vi). Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân quy định tại các tiết từ (i) đến (v) trên đây đối với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau;
 - (vii). Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của ABBANK được xác định theo quy định nội bộ của ABBANK hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông qua hoạt động thanh tra, giám sát.

Định nghĩa “Người có liên quan” tại điểm này áp dụng đối với các nội dung về tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. Đối với vấn đề công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các vấn đề khác không có quy định đặc thù của Luật Các tổ chức tín dụng thì áp dụng định nghĩa về Người

có liên quan theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp phù hợp với nguyên tắc áp dụng pháp luật.

- m) *Người nội bộ*: là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của ABBANK, bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương với các vị trí nêu trên do Đại hội đồng Cổ đông bầu hoặc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát; Trưởng Kiểm toán nội bộ và thành viên Kiểm toán Nội bộ; Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
 - n) *Thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị*: là thành viên Hội đồng Quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập theo quy định tại Điều lệ ABBANK.
 - o) *Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành*: là thành viên Hội đồng Quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những Người điều hành khác.
- 2.2. Trong Quy chế này, các tham chiếu đến một hoặc một số quy định pháp luật, một hoặc một số điều khoản, một hoặc một số văn bản pháp luật cụ thể sẽ bao gồm cả những quy định, điều khoản hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế hoặc giải thích (nếu có) trong từng thời kỳ.
- 2.3. Các tiêu đề của Chương, Mục, Điều trong Quy chế này được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc tham chiếu và không ảnh hưởng tới nội dung quy định.
- 2.4. Các từ ngữ, thuật ngữ, khái niệm chưa được định nghĩa trong Quy chế này, sẽ được hiểu theo các quy định của pháp luật có liên quan và quy định của Điều lệ ABBANK.

Điều 3. Các nguyên tắc quản trị cơ bản

- 3.1. Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ ABBANK.
- 3.2. Hiệu quả và phù hợp với thông lệ quản trị tốt nhất.
- 3.3. Bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cổ đông, đối xử công bằng giữa các cổ đông.
- 3.4. Ngăn ngừa xung đột lợi ích.
- 3.5. Minh bạch.

CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của Đại hội đồng Cổ đông

- 1.1. Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của ABBANK.
- 1.2. Đại hội đồng Cổ đông ABBANK có nhiệm vụ và quyền hạn được quy định cụ thể tại Điều lệ ABBANK.

Điều 5. Thẩm quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông

- 5.1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 5.2. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Hội đồng Quản

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của ABBANK;
- b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Các tổ chức tín dụng;
- c) Số thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Các tổ chức tín dụng;
- d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của ABBANK trong trường hợp Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao. Văn bản đề nghị trong trường hợp này phải bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 115 Luật Doanh nghiệp. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có văn bản yêu cầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin, tài liệu cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền và/hoặc làm cơ sở cho việc đưa ra yêu cầu;
- e) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
- f) Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng
- g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho ABBANK.

- 5.3. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 5.2 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ ABBANK.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho ABBANK.

- 5.4. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 5.3 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d Khoản 5.2 Điều này có quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ ABBANK và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin, tài liệu cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật, giải quyết các tranh chấp liên quan (nếu có) khi đứng ra triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

- 5.5. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều này phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức Đại hội đồng Cổ đông:

- a) Xác định thời gian và địa điểm họp (địa điểm cuộc họp phải trên lãnh thổ Việt Nam);
- b) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

- quan đến danh sách cổ đông;
- c) Chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - f) Gửi thông báo mời họp đến cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Thực hiện các công việc và trách nhiệm khác phục vụ cuộc họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK.

Điều 6. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

- 6.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của ABBANK, hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông (ngày chốt danh sách cổ đông) tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày chốt danh sách dự kiến. Đồng thời, Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải gửi văn bản cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để chuẩn bị danh sách cổ đông.
- 6.2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập không sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông.
- 6.3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của ABBANK. Trong thời gian cổ phiếu ABBANK được đăng ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp tại ngày chốt danh sách là căn cứ để xác định quyền của cổ đông liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông đó. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông có các thông tin họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu đối với người nước ngoài (sau đây gọi chung là số đăng ký sở hữu) của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý tương đương của tổ chức (sau đây gọi chung là số đăng ký sở hữu), địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
- 6.4. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 7. Thông báo triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông

- 7.1. Thông báo triệu tập Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp đồng thời được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của ABBANK và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, bảo đảm các yêu cầu:
 - a) Thời hạn chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

ngày mà thông báo được gửi thành công qua thư điện tử (email) hoặc được giao cho tổ chức cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát hoặc ngày thông tin triệu tập họp được công bố công khai);

- b) Thông báo gửi cho cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông (bao gồm cả địa chỉ thư điện tử (email) nếu cổ đông có đăng ký); có đầy đủ nội dung tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của ABBANK; tên, số đăng ký sở hữu của cổ đông; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp;
 - c) Nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 7.2. Tài liệu cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của ABBANK phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có) và bao gồm:
- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
 - e) Mẫu văn bản chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- 7.3. Hội đồng Quản trị phải gửi thư mời đại diện tổ chức kiểm toán đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm của ABBANK dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của ABBANK có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối. Đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của ABBANK.

Điều 8. Chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông

- 8.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông căn cứ quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK.
- 8.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của ABBANK có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến ABBANK chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải bao gồm tên cổ đông, số đăng ký sở hữu, số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 8.3. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông nếu từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 8.2 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 8.2 Điều này;
 - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Vấn đề kiến nghị không đủ thời gian cần thiết để chuẩn bị hồ sơ, thủ tục hoặc xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK;
 - d) Kiến nghị không đủ căn cứ, chứng cứ cần thiết hoặc không vì lợi ích chung của ABBANK.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

- 8.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 8.2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 8.3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.
- 8.5. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Đối với các vấn đề quy định tại điểm a, b và c Khoản 8.6 Điều này mà cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bắt buộc phải xem xét tại cuộc họp thường niên theo quy định của pháp luật thì nội dung chương trình đó được đương nhiên thông qua trừ trường hợp 100% cổ đông tham dự cuộc họp biểu quyết không tán thành.
- 8.6. Đại hội đồng Cổ đông thường niên phải thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
- a) Báo cáo tài chính năm được kiểm toán, kết quả kinh doanh và kế hoạch kinh doanh hằng năm của ABBANK;
 - b) Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c) Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định tài chính, đánh giá kết quả kinh doanh; kết quả giám sát việc thông qua và thực hiện các dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; và đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát;
 - d) Tờ trình trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận sau thuế;
 - e) Báo cáo về thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đã thực hiện và đề xuất cho năm kế hoạch tiếp theo;
 - f) Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 59 Luật Các tổ chức tín dụng
 - g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

Điều 9. Cách thức tham dự, ủy quyền và đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 9.1. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp sau đây:
- a) Cổ đông là cá nhân; cổ đông là tổ chức thông qua người đại diện quản lý phần vốn góp, người đại diện theo pháp luật (trong trường hợp cổ đông tổ chức chưa cử hoặc chưa cử đủ người đại diện quản lý cho toàn bộ phần vốn góp tại ABBANK) tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Cổ đông ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Cổ đông tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức kết hợp khác;
 - d) Cổ đông gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
- 9.2. Trường hợp cổ đông ủy quyền cho nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền tham dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thì phải xác định cụ thể số cổ phần được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông là tổ chức đã có văn

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

bản ủy quyền cho người đại diện quản lý phần vốn góp theo quy định của Điều lệ ABBANK thì người này đương nhiên là đại diện theo ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

- 9.3. Trừ trường hợp người đại diện quản lý phần vốn góp của cổ đông là tổ chức đương nhiên là đại diện theo ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 9.2 Điều này, việc ủy quyền cho người đại diện dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản phù hợp với quy định của pháp luật và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
- a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b) Trường hợp người đại diện quản lý phần vốn góp của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện quản lý phần vốn góp của cổ đông là tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c) Trường hợp cổ đông tổ chức chưa cử hoặc chưa cử đủ người đại diện quản lý cho toàn bộ phần vốn góp tại ABBANK thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - d) Trường hợp luật sư hoặc tổ chức, cá nhân đã nhận ủy quyền thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện tham dự họp thì việc chỉ định trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư, tổ chức, cá nhân nhận ủy quyền (nếu trước đó chưa đăng ký với ABBANK) trong đó có nội dung được ủy quyền lại hoặc chỉ định tiếp cho người khác.
- 9.4. Người được ủy quyền dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
- 9.5. Trừ trường hợp ABBANK đã nhận được thông báo về một trong các sự kiện dưới đây trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
- 9.6. Đăng ký dự họp:
- a) Trước giờ khai mạc cuộc họp, cổ đông, người được ủy quyền dự họp phải có mặt tại địa điểm họp đúng thời gian đã được thông báo để làm thủ tục đăng ký dự họp. Khoảng thời gian dành cho việc đăng ký thực hiện theo thông báo mời họp;
 - b) Người đăng ký dự họp sau khi thực hiện xong thủ tục đăng ký được cấp thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu cuộc họp có nội dung bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát) trên đó có ghi thông tin số đăng ký, tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết tương

ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó;

- c) Hết thời gian dành cho việc đăng ký, nếu đã đủ tỷ lệ tối thiểu để tiến hành cuộc họp, Chủ tọa có thể cho bắt đầu cuộc họp để bảo đảm tiến độ, không cần phải chờ đến khi có đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp;
- d) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết các vấn đề ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 10. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 10.1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 10.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 10.1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.
- 10.3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 10.2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- 10.4. Chỉ có Đại hội đồng Cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Quy chế này.

Điều 11. Chủ tọa, Thư ký và Ban Kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông

- 11.1. Chủ tọa cuộc họp:
 - a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị bầu một người trong số các thành viên Hội đồng Quản trị làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp Hội đồng Quản trị không bầu được người làm Chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cuộc họp có quyền chỉ định thêm những người khác là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc giúp Chủ tọa tham gia điều hành cuộc họp;
 - 11.2. Thư ký cuộc họp: Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;
 - 11.3. Ban Kiểm phiếu: Đại hội đồng Cổ đông bầu Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa
- Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.*

cuộc họp. Đại hội đồng Cổ đông có thể bầu một hoặc một số người chịu trách nhiệm giám sát kiểm phiếu khi cần thiết theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông

- 12.1. Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề hoặc từng nhóm vấn đề trong nội dung chương trình cuộc họp.
- 12.2. Đối với mỗi vấn đề biểu quyết, cổ đông có quyền lựa chọn một trong ba phương án biểu quyết là: tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
- 12.3. Kết quả kiểm phiếu được công bố trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp được Đại hội đồng Cổ đông quyết định thời hạn khác.
- 12.4. Hình thức biểu quyết cụ thể như sau:
 - a) Đối với các vấn đề nội dung nghị sự, cổ đông biểu quyết bằng cách ghi lựa chọn 1 trong 3 phương án biểu quyết: tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến tại Phiếu biểu quyết;
 - b) Đối với việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, cổ đông biểu quyết bằng phiếu bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu;
 - c) Đối với các vấn đề thể thức cuộc họp như thông qua thành phần Ban Kiểm phiếu, thể lệ biểu quyết, chương trình nghị sự, biên bản cuộc họp, và các vấn đề khác, cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết hoặc hình thức biểu quyết đơn giản khác theo 1 trong 3 lựa chọn tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến.

Điều 13. Điều kiện thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

- 13.1. Đại hội đồng Cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến cổ đông, trừ trường hợp phải thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp quy định tại Khoản 13.2 Điều này.
- 13.2. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của ABBANK;
 - b) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - c) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho ABBANK và cổ đông của ABBANK;
 - d) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ABBANK.
- 13.3. Điều kiện để quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua theo quy định sau đây:
 - a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b và c Khoản 13.3 và Khoản 13.5 Điều này, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
 - b) Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận trong các vấn đề quy định tại tiết (i), (ii) và (iii) dưới đây hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề quy định tại tiết (i) và (ii) dưới đây:

- (i) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; phương án chào bán, phát hành cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
 - (ii) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của ABBANK có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
 - (iii) Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ABBANK.
- c) Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 2 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí do Đại hội đồng Cổ đông quyết định hoặc quy định tại quy chế bầu cử.
- 13.4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ ABBANK.
- 13.5. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Trường hợp nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi thì chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành.

Điều 14. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông

- 14.1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của ABBANK;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

- d) Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Số cổ đông và số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần, số phiếu biểu quyết tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

- 14.2. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được lập bằng tiếng Việt và có thể được lập bằng cả tiếng nước ngoài. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung Biên bản bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản được lập bằng tiếng Việt có hiệu lực ưu tiên áp dụng.
- 14.3. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
- 14.4. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Điều 15. Công bố nghị quyết và cách thức phản đối nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông

- 15.1. Biên bản cuộc họp, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước, cổ đông ABBANK trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp. Việc gửi biên bản cuộc họp, nghị quyết cho cổ đông được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của ABBANK.
- 15.2. Trường hợp Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát thì Hội đồng Quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua.
- 15.3. Biên bản cuộc họp, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm Biên bản, Nghị quyết đó được thông qua.
- 15.4. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông vi phạm nghiêm trọng Điều lệ ABBANK và Luật Doanh nghiệp hiện hành, trừ trường hợp nghị quyết đó đã được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ ABBANK.

Điều 16. Báo cáo của Hội đồng Quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên

Báo cáo của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên phải được hoàn thành và công bố 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp và phải bảo đảm có các nội dung sau:

- 16.1. Đánh giá kết quả kinh doanh; việc thực hiện giám sát cấp cao của Hội đồng Quản trị đối với công tác quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc, người điều hành khác của ABBANK; kết quả thực hiện các Nghị quyết do Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua.

Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị phải trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi thực hiện.

- 16.2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.
- 16.3. Tổng kết các cuộc họp và hoạt động của Hội đồng Quản trị và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị; hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị; hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị về hoạt động của Hội đồng Quản trị (khi ABBANK là công ty niêm yết).
- 16.4. Báo cáo về các giao dịch giữa ABBANK, công ty con, công ty do ABBANK nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa ABBANK với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- 16.5. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị và thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
- 16.6. Các kế hoạch trong tương lai.
- 16.7. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ ABBANK và Quy chế này.

Điều 17. Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên

Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên phải được hoàn thành và công bố 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp đảm bảo có các nội dung sau:

- 17.1. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát;
- 17.2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của ABBANK.
- 17.3. Kết quả giám sát cấp cao của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của ABBANK.
- 17.4. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
- 17.5. Tổng hợp các giao dịch cấp tín dụng cho các đối tượng hạn chế cấp tín dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

- 17.6. Đánh giá về giao dịch giữa ABBANK, công ty con, công ty do ABBANK nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của ABBANK và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa ABBANK với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của ABBANK là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- 17.7. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- 17.8. Đề xuất việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của ABBANK (trừ trường hợp cuộc họp thường niên Đại hội đồng Cổ đông được gia hạn tiến hành sau 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính thì việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập do Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với quy định của Điều lệ ABBANK).

Điều 18. Báo cáo của Tổng Giám đốc tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm hoàn thành Báo cáo về hoạt động kinh doanh hàng năm của ABBANK để công bố chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Báo cáo của Tổng Giám đốc phải bao gồm các nội dung sau:

- 18.1. Đánh giá kết quả kinh doanh của năm vừa qua, trong đó có các chỉ số về quy mô, hiệu quả, lợi nhuận và các chỉ tiêu an toàn tài chính, quản trị rủi ro, có so sánh với chỉ tiêu kế hoạch và các yêu cầu, định hướng phát triển được Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị thông qua và so sánh với kết quả thực hiện của kỳ liền trước;
- 18.2. Kế hoạch kinh doanh và giải pháp, chương trình hành động để đạt mục tiêu kế hoạch và biện pháp khắc phục tồn tại, bất cập, nâng cao hiệu quả hoạt động của ABBANK.

Điều 19. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông dưới hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

- 19.1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên hoặc bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử hoặc kết hợp giữa hình thức họp mặt trực tiếp tại nhiều địa điểm khác nhau và với hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử (gọi chung là họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử) trong trường hợp tuân thủ yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về phòng tránh dịch bệnh hoặc trong các hoàn cảnh đặc biệt khác.
- 19.2. Việc tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo hình thức họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử theo các nguyên tắc sau:
 - a) Việc đăng ký, tham dự họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử của cổ đông phải được xác thực thông qua cách thức và phần mềm ứng dụng phù hợp;
 - b) Khi hệ thống phần mềm ứng dụng được sử dụng để tổ chức cuộc họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử nhận diện và xác thực được các thông tin đăng nhập của cổ đông thì coi như Cổ đông đó đã tham dự cuộc họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp đó.
 - c) Cổ đông tự chuẩn bị thiết bị máy tính cá nhân/thiết bị di động, đường truyền internet để thiết lập kết nối đăng ký, tham dự họp và bỏ phiếu điện tử;
 - d) Mỗi cổ đông tham dự cuộc họp trực tuyến đều có thể nghe người dự họp khác phát biểu trong cuộc họp và có thể phát biểu với tất cả những người tham dự khác một cách đồng thời;

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

- e) Địa điểm, thời gian cuộc họp trực tuyến được xác định là địa điểm, thời gian mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện nhưng phải trên lãnh thổ Việt Nam.
 - f) Phiếu biểu quyết của cổ đông bỏ phiếu điện tử được hệ thống ứng dụng thực hiện kiểm phiếu và tổng hợp tự động; đồng thời được trích xuất thành tệp dữ liệu để lưu trữ cùng dữ liệu danh sách cổ đông dự họp.
 - g) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến, dưới hình thức bỏ phiếu điện tử phù hợp với quy định tại Khoản này có hiệu lực và giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp trực tiếp thông thường.
 - h) Quyền dự họp của cổ đông, việc lập danh sách cổ đông dự họp, chương trình nội dung, tài liệu, thông báo mời họp, điều kiện tiến hành cuộc họp, thể thức tiến hành họp và thông qua biểu quyết, biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và các vấn đề liên quan khác đối với cuộc họp trực tuyến áp dụng tương tự như các quy định đối với cuộc họp thông thường.
 - i) Việc bỏ phiếu điện tử được được hệ thống ứng dụng tự động kiểm đếm và tổng hợp kết quả; đồng thời được trích xuất thành tệp dữ liệu để lưu trữ cùng với dữ liệu danh sách cổ đông dự họp.
- 19.3. Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn giải pháp ứng dụng cho cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử và công bố trên trang thông tin điện tử của ABBANK hướng dẫn đăng ký, tham dự cuộc họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cùng thời điểm công bố thông báo triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

- 20.1. Trừ các trường hợp bắt buộc phải thông qua biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 13.2 Điều 13 Quy chế này, Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của ABBANK.
- 20.2. Hội đồng Quản trị phải bảo đảm thực hiện công bố thông tin chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến tối thiểu 10 ngày trước ngày chốt, gửi văn bản thông báo chốt danh sách cổ đông cho Tổng Công ty Lưu ký và Bảo quản Chứng khoán Việt Nam để lập danh sách cổ đông, chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu giải trình và gửi đến địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của ABBANK chậm nhất 10 ngày trước thời hạn cuối cùng cổ đông phải gửi lại ý kiến.
- 20.3. Văn bản lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của ABBANK;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số đăng ký sở hữu đối với cổ đông là cá nhân; tên, số đăng ký sở hữu, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

- f) Thời hạn phải gửi về ABBANK phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- 20.4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức.
- 20.5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến ABBANK bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về ABBANK phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về ABBANK sau thời hạn đã xác định trong phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
- 20.6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý ABBANK. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của ABBANK;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- 20.7. Các thành viên Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 20.8. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu bảo đảm điều kiện quy định tại điểm b Khoản 13.3 Điều 13 Quy chế này. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
- 20.9. Các nghị quyết được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước, cổ đông ABBANK trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, và được công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nghị quyết đó được thông qua. Việc gửi nghị quyết, biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông cho cổ đông được thay thế bằng

việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của ABBANK.

Trường hợp Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát thì Hội đồng Quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua.

20.10. Việc lấy ý kiến cổ đông có thể được thực hiện dưới hình thức bỏ phiếu điện tử do Hội đồng Quản trị quyết định theo các quy định sau đây:

- a) Bảo đảm các nguyên tắc quy định tại điểm a, b, c, f, g, h Khoản 19.2 Điều 19 Quy chế này;
- b) Bảo đảm các yêu cầu tương tự về xin ý kiến cổ đông bằng văn bản quy định tại Khoản 20.1, 20.2, 20.3, 20.6, 20.7, 20.8 và 20.9 Điều này;
- c) Việc lấy ý kiến cổ đông bằng hình thức bỏ phiếu điện tử theo quy định tại Khoản này có giá trị như việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng hình thức bỏ phiếu điện tử có giá trị như được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
- d) Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn ứng dụng phần mềm và công bố trên trang thông tin điện tử của ABBANK hướng dẫn việc thực hiện lấy ý kiến bằng hình thức bỏ phiếu điện tử cùng thời điểm thông báo lấy ý kiến cổ đông.

Điều 21. Chi phí liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông

Chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông, xin ý kiến cổ đông do ABBANK chi trả, hoàn trả và tính vào chi phí hoạt động của ABBANK theo quy định của pháp luật. Khi tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông, xin ý kiến cổ đông, các cổ đông phải tự chịu mọi chi phí phát sinh liên quan, kể cả chi phí ăn ở, đi lại, trang thiết bị máy tính cá nhân đường truyền internet kết nối.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Vai trò và trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

- 22.1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị ABBANK, có toàn quyền nhân danh ABBANK để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của ABBANK, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
- 22.2. Quyền hạn và nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, pháp luật khác có liên quan và Điều lệ ABBANK. Đồng thời, Hội đồng Quản trị thực hiện vai trò và trách nhiệm:
 - a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về quản trị hoạt động của ABBANK;
 - b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến ABBANK;
 - c) Thực hiện giám sát của quản lý cấp cao đối với kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn nhằm bảo đảm hoạt động của ABBANK tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của ABBANK;
 - d) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.

Điều 23. Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

- 23.1. Số lượng, cơ cấu và nhiệm kỳ thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Điều lệ ABBANK và Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị.
- 23.2. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị
- a) Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ ABBANK.
 - b) Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc ABBANK.
- 23.3. Việc đề cử, bầu cử, đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Điều lệ ABBANK và Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Điều 24. Cuộc họp và lấy ý kiến để thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị

- 24.1. Trình tự, thủ tục tổ chức họp, hình thức cuộc họp Hội đồng Quản trị, điều kiện họp để cuộc họp được tiến hành, biên bản cuộc họp, các cách thức tham dự cuộc họp của thành viên HĐQT và các vấn đề khác liên quan đến cuộc họp Hội đồng Quản trị thực hiện theo quy định của Điều lệ ABBANK, Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế thông qua các quyết định của Hội đồng Quản trị.
- 24.2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản, thư điện tử (email) hay hình thức khác để thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế thông qua các quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 25. Thường trực Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị có thể có Thường trực Hội đồng Quản trị khi xét thấy cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị và hoạt động của ABBANK trong từng thời kỳ theo quy định cụ thể tại Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Điều 26. Các Ủy ban của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị phải lập các Ủy ban theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành và các Hội đồng, Ủy ban khác tùy theo yêu cầu công tác và tình hình thực tế tại ABBANK để đề tham mưu, đưa ra khuyến nghị và giúp Hội đồng Quản trị trong việc giám sát, đánh giá và thực thi vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong các lĩnh vực quản trị cụ thể. Việc lập các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng Quản trị được quy định cụ thể tại Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Điều 27. Thư ký công ty và Người phụ trách quản trị công ty

- 27.1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị bổ nhiệm chức danh Thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp để hỗ trợ Hội đồng Quản trị và Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp;

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 - e) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK.
- 27.2. Hội đồng Quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại ABBANK. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của ABBANK. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa ABBANK và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của ABBANK;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK.
- 27.3. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo quy định nội bộ của ABBANK do Hội đồng Quản trị ban hành trong từng thời kỳ.

CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT

Điều 28. Ban Kiểm soát

- 28.1. Ban Kiểm soát giám sát hoạt động ABBANK nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của ABBANK. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, Điều lệ ABBANK, quy định nội bộ, và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
- 28.2. Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Điều lệ ABBANK và quy định của pháp luật.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

- 28.3. Ban Kiểm soát của ABBANK có tối thiểu 05 (năm) thành viên, trong đó phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại ABBANK hoặc doanh nghiệp khác. Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách là thành viên làm việc thường xuyên tại ABBANK giữa các kỳ họp của Ban Kiểm soát và chịu trách nhiệm về một hoặc một số nhiệm vụ do Ban Kiểm soát phân công. Ban Kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban. Trường hợp Ban Kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Khoản này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, ABBANK phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật Các tổ chức tín dụng.
- 28.4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 5 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế thành viên bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
- 28.5. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ ABBANK.
- 28.6. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát; cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát; các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ ABBANK và Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát.
- 28.7. ABBANK phải có văn bản thông báo cho NHNN danh sách thành viên Ban Kiểm soát được bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, xác định việc mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát; đồng thời thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh các sự kiện nói trên.

CHƯƠNG V: TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 29. Tổng Giám đốc

- 29.1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất hoạt động của ABBANK do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động ABBANK. Trường hợp khuyết Tổng Giám đốc thì Hội đồng Quản trị phải bổ nhiệm Tổng Giám đốc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng Giám đốc.
- 29.2. Tổng Giám đốc thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK. Tổng Giám đốc phải điều hành hoạt động của ABBANK theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ ABBANK, hợp đồng, thỏa thuận, cam kết ký với ABBANK và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị. Nếu điều hành trái với quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK mà gây thiệt hại cho ABBANK thì Tổng Giám đốc phải bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho ABBANK.
- 29.3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định nhưng không quá 05 năm. Tổng Giám đốc có thể được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

- hạn chế. Trình tự, thủ tục, hồ sơ bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tiền lương và các chế độ đãi ngộ đối với Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của ABBANK.
- 29.4. ABBANK phải có văn bản thông báo cho NHNN việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc; đồng thời thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh các sự kiện nói trên.
- 29.5. Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm và bảo đảm việc thực hiện công bố thông tin bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người điều hành khác của ABBANK phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của ABBANK.
- 29.6. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ ABBANK.
- 29.7. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người điều hành khác của ABBANK sau khi bị đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm đối với các quyết định của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

CHƯƠNG VI:
PHỐI HỢP GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 30. Quan hệ công tác giữa Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc

- 30.1. Quan hệ công tác trong làm việc và quan hệ với cơ quan có thẩm quyền, tổ chức liên quan, đối tác khách hàng, báo chí và các tổ chức bên ngoài khác được thực hiện như sau:
- a) Tuỳ theo nội dung, tính chất công việc, trên cơ sở nhu cầu của cơ quan, tổ chức, đối tác và phù hợp với chức năng nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ, Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc là người đại diện thay mặt ABBANK trong các buổi làm việc hoặc tổ chức sự kiện với lãnh đạo của cơ quan có thẩm quyền, với các ban ngành có liên quan, với các đối tác kinh doanh hoặc khách hàng lớn quan trọng, với báo chí. Trường hợp không tham dự được, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sẽ ủy quyền cho một thành viên Hội đồng Quản trị khác hoặc một thành viên trong Ban Điều hành thực hiện. Trường hợp được Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc ủy quyền, sau khi tham dự, người được ủy quyền phải báo cáo lại để Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nắm bắt đầy đủ nội dung. Việc tiếp xúc báo chí, công bố thông tin ra bên ngoài thực hiện theo Quy chế và Quy trình công bố thông tin của ABBANK được ban hành trong từng thời kỳ.
- b) Tại các buổi làm việc hoặc tiếp khách quan trọng, người chủ trì quyết định các thành phần khác cùng tham dự trên nguyên tắc bảo đảm phối hợp thực hiện tốt yêu cầu quản trị của Hội đồng Quản trị và công tác điều hành của Tổng Giám đốc và giữa các đơn vị có chức năng nhiệm vụ liên quan, bao gồm cả các chức danh quản lý, kiểm soát, điều hành có liên quan.

- c) Các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm chuẩn bị nội dung, tài liệu và các điều kiện cần thiết khác cho buổi làm việc hoặc tiếp khách theo chỉ đạo của người chủ trì và quy định nội bộ có liên quan của ABBANK.

30.2. Quan hệ công tác trong triển khai các nhiệm vụ được giao được thực hiện như sau:

- a) Tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị/người chủ trì cuộc họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc hoặc Người điều hành khác phụ trách mảng công việc có liên quan dự họp để trình bày, giải trình, phát biểu ý kiến theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị.
- b) Đối với các cuộc họp sau đây do Ban Điều hành tổ chức, Tổng Giám đốc có trách nhiệm mời Thường trực Hội đồng Quản trị và/hoặc các thành viên của Hội đồng Quản trị dự họp và gửi thông tin kết quả cuộc họp cho Thường trực HĐQT, thành viên HĐQT được giao phụ trách:
- Cuộc họp giao ban, định kỳ tháng/quý/nửa năm/hàng năm về kinh doanh;
 - Cuộc họp liên quan đến các nội dung quan trọng có sự định hướng, chỉ đạo, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - Liên quan đến trách nhiệm, thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, các Ủy ban của Hội đồng Quản trị;
 - Liên quan đến Cổ đông, cổ phần; chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chào mua công khai, tăng, giảm vốn điều lệ; cổ tức;
 - Liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, trách nhiệm và hành động của ABBANK trong các tranh chấp, sự kiện, sự cố, rủi ro có liên quan đến thẩm quyền xem xét quyết định của Hội đồng Quản trị/Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - Liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, chuyển chuyển và xem xét trách nhiệm của Người điều hành của ABBANK;
 - Xử lý sự cố truyền thông;
 - Các vấn đề khác theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc xét thấy cần thiết.
- c) Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo theo định kỳ tối thiểu hàng tháng kết quả kinh doanh và điều hành hoạt động của ABBANK cho Hội đồng Quản trị. Nội dung báo cáo bao gồm chỉ số về quy mô, hiệu quả, lợi nhuận, các chỉ tiêu an toàn tài chính, quản trị rủi ro, kết quả thực hiện các chỉ đạo của Hội đồng Quản trị/Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các nội dung khác theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị/Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Nội dung thông tin, số liệu có sự so sánh với chỉ tiêu, kế hoạch được giao, mục tiêu chiến lược/kế hoạch trung/dài hạn, kết quả thực hiện của kỳ liền trước và thông tin tham chiếu từ đối thủ cạnh tranh (nếu có);
- d) Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và các chỉ tiêu tài chính, kinh doanh được giao và chịu sự đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động theo quy định nội bộ do Hội đồng Quản trị ban hành về quản lý cán bộ, đánh giá kết quả công việc, luân chuyển, tái bổ nhiệm của ABBANK.

- e) Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Người điều hành khác phải thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, tài liệu, giải trình theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị/Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Người điều hành khác thực hiện cung cấp thông tin, tài liệu, giải trình theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị, yêu cầu của Ủy ban của Hội đồng Quản trị phù hợp với nhiệm vụ mà thành viên HĐQT, Ủy ban của Hội đồng Quản trị được giao/phân công, phù hợp với quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế thông qua các quyết định của Hội đồng Quản trị và Quy chế tổ chức và hoạt động của các Ủy ban của Hội đồng Quản trị.
- f) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người điều hành khác chịu trách nhiệm cung cấp trung thực, đầy đủ các thông tin cần thiết một cách thuận tiện và nhanh nhất có thể cho Hội đồng Quản trị/Chủ tịch Hội đồng Quản trị/Ủy ban của Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Khoản này.
- g) Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của ABBANK hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác cần báo cáo ngay cho Thường trực Hội đồng Quản trị/Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- 30.3. Văn phòng Hội đồng Quản trị là đơn vị chức năng tham mưu và đầu mối giúp Hội đồng Quản trị bảo đảm mối quan hệ công tác giữa Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc theo Quy chế này. Hồ sơ trình Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải thực hiện qua qua đầu mối Văn phòng Hội đồng Quản trị để theo dõi tập trung, tổ chức phối hợp thẩm tra, đề xuất xử lý và trao đổi thông tin.

Điều 31. Quan hệ công tác giữa Hội đồng Quản trị với Ban Kiểm soát

- 31.1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị bảo đảm Ban Kiểm soát được mời tham dự cuộc họp định kỳ hay bất thường của Hội đồng Quản trị.
- 31.2. Hội đồng Quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu, nghị quyết, quyết định và biên bản họp Hội đồng Quản trị cho Ban Kiểm soát để thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Điều lệ ABBANK.
- 31.3. Hội đồng Quản trị phối hợp với Ban Kiểm soát, bộ phận Kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng Quản trị; thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) đối với Hội đồng Quản trị và thông báo cho Ban Kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị.
- 31.4. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình các báo cáo và kiến nghị theo thẩm quyền của Ban Kiểm soát lên Đại hội đồng Cổ đông
- 31.5. Văn phòng Hội đồng Quản trị là đơn vị chức năng tham mưu và đầu mối giúp Hội đồng Quản trị bảo đảm mối quan hệ công tác giữa Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Điều 32. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Tổng Giám đốc

- 32.1. Tổng Giám đốc phải mời Ban Kiểm soát tham dự họp giao ban định kỳ, các cuộc họp liên quan đến xử lý rủi ro, an toàn tài chính, giám sát tài chính, hoạt động của kiểm toán, hệ thống kiểm soát nội bộ, các cuộc họp liên quan đến các nội dung quan trọng có sự định hướng, chỉ đạo, quyết định của Hội đồng Quản trị, sự giám sát của Ban Kiểm soát;

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

các vấn đề khác theo yêu cầu, đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc khi Tổng Giám đốc xét thấy cần thiết.

- 32.2. Tổng Giám đốc đồng gửi đến Ban Kiểm soát báo cáo định kỳ của Tổng Giám đốc cho Hội đồng Quản trị.
- 32.3. Tổng Giám đốc, Người điều hành khác thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến công việc mà mình phụ trách, thực hiện cho Ban Kiểm soát; tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo nhằm mục đích thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo quy định của Điều lệ ABBANK.
- 32.4. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến ABBANK, Tổng Giám đốc, người điều hành khác cần báo cáo ngay cho Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị.
- 32.5. Tổng Giám đốc phối hợp với Ban Kiểm soát, bộ phận Kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Tổng Giám đốc; tiếp nhận báo cáo nội bộ về kiểm toán nội bộ và các báo cáo đánh giá khác; tổ chức thực hiện các kiến nghị, khuyến nghị của Ban Kiểm soát đối với Tổng Giám đốc và báo cáo Ban Kiểm soát kết quả thực hiện các kiến nghị, khuyến nghị đó.
- 32.6. Tổng Giám đốc chỉ định đơn vị chức năng tham mưu và đầu mối giúp Tổng Giám đốc bảo đảm mối quan hệ công tác giữa Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trị theo Quy chế này. Hồ sơ trình Tổng Giám đốc phải thực hiện qua đầu mối để theo dõi tập trung, tổ chức phối hợp thẩm tra, đề xuất xử lý và trao đổi thông tin.

CHƯƠNG VII:

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 33. Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

- 33.1. Tùy thuộc vào quyết định, quy định của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, thành viên Ban Điều hành và Người điều hành khác có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây:
- a) Tự nhận xét đánh giá của cá nhân kết hợp với nhận xét đánh giá của người phụ trách;
 - b) Đánh giá hoạt động định kỳ tháng, quý, 06 (sáu) tháng, hàng năm, theo kỳ bổ nhiệm (khi kết thúc thời hạn bổ nhiệm/bổ nhiệm lại) hoặc kỳ hạn khác theo quy định nội bộ của ABBANK;
 - c) Lấy phiếu đánh giá tín nhiệm định kỳ, đột xuất;
 - d) Cách thức khác do Hội đồng Quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.
- 33.2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị tổ chức thực hiện đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các chức danh do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.
- 33.3. Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức thực hiện đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên Ban Kiểm soát và các chức danh khác do Ban Kiểm soát bổ nhiệm.
- 33.4. Tổng Giám đốc tiến hành đánh giá kết quả hoạt động của các chức danh do Tổng Giám

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

đốc bổ nhiệm và chức danh do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm nhưng giao cho Tổng Giám đốc đánh giá (nếu có).

- 33.5. Việc thực hiện đánh giá kết quả hoạt động theo Quy chế nội bộ của ABBANK do Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát ban hành.

CHƯƠNG VIII: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 34. Hiệu lực và thi hành

- 34.1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được ban hành.
- 34.2. Quy chế này thay thế cho Quy chế nội bộ về quản trị của Ngân hàng TMCP An Bình ban hành kèm theo Quyết định 73/QĐ-HĐQT.21 ngày 20/5/2021 của Hội đồng Quản trị.
- 34.3. Các vấn đề chưa được đề cập trong Quy chế này thực hiện theo các quy định của Điều lệ ABBANK và quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Điều lệ ABBANK và/hoặc của pháp luật với quy định của Quy chế này về một vấn đề cụ thể thì áp dụng theo quy định có liên quan đó của Điều lệ ABBANK và quy định của pháp luật.

Điều 35. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

- 35.1. Trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ ABBANK và tình hình thực, Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị ABBANK.
- 35.2. Hội đồng Quản trị ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế này sau khi đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Quy chế này đã được Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2025./.

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT (SỬA ĐỔI)



Thông tin
Đại hội đồng cổ đông



Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐÃ THÔNG QUA VĂN BẢN NÀY

GENERAL SHAREHOLDERS MEETING APPROVED THIS DOCUMENT

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Vào ngày / on the date: 18-04-2025 Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - ABBANK (sửa đổi)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP An Bình

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK) được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2021. Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị đã ban hành Quy chế này theo Quyết định số 74/QĐ-HĐQT.21 ngày 20/5/2021.

Ngày 18/01/2024, Luật Các tổ chức tín dụng mới (Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024) được thông qua có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024 thay thế cho Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có nhiều nội dung quy định mới có tính đặc thù về tổ chức quản lý và hoạt động của tổ chức tín dụng.

Nhằm tuân thủ quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, việc rà soát, chỉnh sửa Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị hiện hành là cần thiết và phải thực hiện cùng với việc sửa đổi Điều lệ ABBANK và Quy chế nội bộ về quản trị ABBANK nhằm tạo sự đồng bộ của khung khổ các văn bản quản trị quan trọng nhất của ABBANK.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông dự thảo Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị ABBANK.

II. CƠ CẤU VÀ NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO QUY CHẾ

1. Cơ cấu dự thảo so với Quy chế hiện hành được bổ sung thêm 1 chương (Chương V, từ Điều 19 đến Điều 21) quy định cụ thể việc phê duyệt hợp đồng, giao dịch với người có liên quan. Theo đó, dự thảo Quy chế có cơ cấu gồm 8 chương với 29 Điều. Cụ thể:

Chương I: Quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 3): Quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Quản trị. Sửa đổi quan trọng tại Chương này là cập nhật định nghĩa về Người có liên quan (Điều 2) với nội dung đối tượng được mở rộng theo quy định của Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024.

Chương II: Thành viên Hội đồng Quản trị (từ Điều 4 đến Điều 10): Quy định về quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị, Quyền được cung cấp

thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị; Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị; Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị; Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị; Cách thức bầu và thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Chương III: Hội đồng Quản trị (từ Điều 11 đến Điều 15): Quy định Vai trò và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị; Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch với bên liên quan; Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường; Thường trực Hội đồng Quản trị; Các Ủy ban của Hội đồng Quản trị.

Chương IV: Cuộc họp Hội đồng Quản trị (từ Điều 16 đến Điều 18): Quy định về Cuộc họp Hội đồng Quản trị; Thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị; Lấy ý kiến để thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị.

Chương V: Thông qua giao dịch với Người có liên quan (từ Điều 19 đến Điều 21): Quy định Thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan ngoài phạm vi cấp tín dụng; Thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan về cấp tín dụng; Yêu cầu đối với việc chuẩn bị và thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan. **Chương VI: Báo cáo và công khai lợi ích (từ Điều 22 đến Điều 24):** Quy định về Trình báo cáo hằng năm; Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị; Công khai các lợi ích liên quan.

Chương VII: Mối quan hệ của Hội đồng Quản trị (Điều 25 đến Điều 27): Quy định Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị; Mối quan hệ với Ban điều hành; Mối quan hệ với Ban Kiểm soát. Tại Chương này, có bổ sung các quy định mối quan hệ giữa Hội đồng Quản trị với Tổng Giám đốc trong việc Hội đồng Quản trị thực hiện giám sát của quản lý cấp cao đối với kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và đánh giá nội bộ mức đủ vốn theo các quy định tại Điều 10.1, 11.1 và 12.1 Thông tư 13/2018/TT-NHNN và cơ chế phối hợp giữa Hội đồng Quản trị với Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 65.2 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

Chương VIII: Tổ chức thực hiện (Điều 28 và Điều 29): Hiệu lực thi hành và Sửa đổi, bổ sung Quy chế.

2. Nội dung cụ thể các điều khoản trong dự thảo Quy chế đã được đã rà soát và sửa đổi, bổ sung dựa trên nền tảng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, tham chiếu với các quy định được áp dụng của Luật Doanh nghiệp năm 2020 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2022), Luật Chứng khoán năm 2019 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025), Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Quy chế mẫu theo Thông tư số 116/TT-BTC ngày 31/12/2020; đồng thời bảo đảm đồng bộ với các quy định của dự thảo Điều lệ đã được rà soát cập nhật để trình Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên năm nay.
3. Trong quá trình soạn thảo, dự thảo Quy chế đã được lấy ý kiến và chỉnh lý trên cơ sở ý kiến góp ý của Ban Kiểm soát, Kiểm toán nội bộ và rà soát pháp lý của Ban Pháp chế và Tuân thủ trước khi báo cáo HĐQT để trình Đại hội đồng Cổ đông.

III. ĐỀ XUẤT

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua dự thảo Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị ABBANK (Dự thảo kèm theo) và giao Hội đồng Quản trị ban hành Quy chế này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 



Đào Mạnh Kháng



ABBANK

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐÃ THÔNG QUA VĂN BẢN NÀY

GENERAL SHAREHOLDERS MEETING APPROVED THIS DOCUMENT

18 -04- 2025

Vào ngày / on the date: _____

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH

2025

THEO DÕI SOẠN THẢO VĂN BẢN				
I. ĐƠN VỊ SOẠN THẢO				
TT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Chữ ký
1.	Trần Nam Sơn	Giám đốc	Văn phòng HĐQT	
II. ĐƠN VỊ KIỂM SOÁT				
TT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Chữ ký
1.	Đạt Khánh Toàn	Trưởng Ban	Ban Pháp chế và Tuân thủ	
III. NGƯỜI KÝ BAN HÀNH VĂN BẢN				
TT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Chữ ký
1.	Đào Mạnh Kháng	Chủ tịch	Hội đồng Quản trị	
IV. QUÁ TRÌNH BAN HÀNH VÀ SỬA ĐỔI				
Lần	Ngày ban hành	Tóm tắt nội dung		
2/4/2025	Quyết định sốvề việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP An Bình		
1	20/5/2021	Quyết định số 74/QĐ-HĐQT.21 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP An Bình		

[illegible]

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ	1
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	3
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị	4
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị	4
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị	5
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị	5
Điều 8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị	7
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị	9
Điều 10. Cách thức bầu và thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị	9
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
Điều 11. Vai trò và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị	10
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch với người có liên quan	10
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	11
Điều 14. Thường trực Hội đồng Quản trị	11
Điều 15. Các Ủy ban của Hội đồng Quản trị	12
CHƯƠNG IV.	12
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	12
Điều 16. Cuộc họp Hội đồng Quản trị	12
Điều 17. Thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị	16
Điều 18. Lấy ý kiến để thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị	16
CHƯƠNG V. THÔNG QUA HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN	17
Điều 19. Thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan ngoài phạm vi cấp tín dụng	17
Điều 20. Thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan về cấp tín dụng	17
Điều 21. Yêu cầu đối với việc chuẩn bị và thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan	18
CHƯƠNG VI. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	19
Điều 22. Trình báo cáo hằng năm	19
Điều 23. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị	19
Điều 24. Công khai các lợi ích liên quan	20
CHƯƠNG VII. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 25. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị	21
Điều 26. Mối quan hệ với Ban điều hành	21
Điều 27. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	22
CHƯƠNG VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	22
Điều 28. Hiệu lực và thi hành	22
Điều 29. Sửa đổi, bổ sung Quy chế	23

QUY CHẾ

Hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP An Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-HĐQT.25 ngày tháng năm 2025
của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP An Bình)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình quy định các nội dung về thành viên Hội đồng Quản trị; tổ chức, hoạt động của Hội đồng Quản trị và các vấn đề khác có liên quan theo quy định của Điều lệ ABBANK và các quy định của pháp luật.
- 1.2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị; người quản lý, người điều hành và tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- 2.1. Trong Quy chế này, trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể có quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) *Pháp luật*: là Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định, Thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
 - b) *Luật Các tổ chức tín dụng*: là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 18/01/2024 và có hiệu lực kể từ ngày 01/08/2024.
 - c) *Luật Doanh nghiệp*: là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, đã được sửa đổi bổ sung ngày 11/01/2022, nội dung sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày 01/3/2022.
 - d) *Luật Chứng khoán*: là Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ 01/01/2021 đã được sửa đổi, bổ sung ngày 29/11/2024, các nội dung sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025.
 - e) *Ngân hàng Nhà nước hoặc NHNN*: là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - f) *ABBANK/Ngân hàng An Bình*: là Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình.
 - g) *Cổ đông*: là mọi cá nhân hay tổ chức sở hữu một hoặc một số cổ phần của ABBANK.
 - h) *Cổ đông lớn*: là cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ABBANK, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.
 - i) *Người quản lý ABBANK*: bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị; Tổng Giám đốc.

- j) *Người điều hành ABBANK*: bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương của ABBANK (Chức danh Thành viên Ban Điều hành không tương đương với chức danh Phó Tổng Giám đốc).
- k) *Người có liên quan*: là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác (bao gồm cả ABBANK) nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- (i). Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;
 - (ii). Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
 - (iii). Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
 - (iv). Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là **vợ**, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột;
 - (v). Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân có mối quan hệ theo quy định tại tiết (iv) trên đây với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
 - (vi). Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân quy định tại các tiết từ (i) đến (v) trên đây đối với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau;
 - (vii). Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của ABBANK được xác định theo quy định nội bộ của ABBANK hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của NHNN thông qua hoạt động thanh tra, giám sát.

Định nghĩa “Người có liên quan” tại điểm này áp dụng đối với các nội dung về tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan theo quy định của

Luật Các tổ chức tín dụng. Đối với vấn đề công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các vấn đề khác không có quy định đặc thù của Luật Các tổ chức tín dụng thì áp dụng định nghĩa về Người có liên quan theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp phù hợp với nguyên tắc áp dụng pháp luật.

- l) *Người nội bộ*: là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của ABBANK, bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương với các vị trí nêu trên do Đại hội đồng Cổ đông bầu hoặc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát; Trưởng Kiểm toán nội bộ và Thành viên Kiểm toán Nội bộ; Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
 - m) *Thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị*: là thành viên Hội đồng Quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập theo quy định tại Khoản 7.2 Điều 7 Quy chế này và Điều lệ ABBANK.
 - n) *Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành*: là thành viên Hội đồng Quản trị không đồng thời là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những Người điều hành khác.
 - o) *Cấp tín dụng*: là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bảo thanh toán, bảo lãnh ngân hàng, thư tín dụng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác.
- 2.2. Trong Quy chế này, các tham chiếu đến một hoặc một số quy định pháp luật, một hoặc một số điều khoản, hoặc một hoặc một số văn bản pháp luật cụ thể sẽ bao gồm cả những quy định, điều khoản hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế hoặc giải thích (nếu có) trong từng thời kỳ.
- 2.3. Các tiêu đề của Chương, Mục, Điều trong Quy chế này được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc tham chiếu và không ảnh hưởng tới nội dung quy định.
- 2.4. Các từ ngữ, thuật ngữ, khái niệm chưa được định nghĩa trong Quy chế này, sẽ được hiểu theo các quy định của pháp luật có liên quan và quy định của Điều lệ ABBANK.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

- 3.1. Hội đồng Quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
- 3.2. Hội đồng Quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành ABBANK, thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị

- 4.1. Thành viên Hội đồng Quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, pháp luật khác có liên quan và Điều lệ ABBANK.
- 4.2. Thành viên Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, pháp luật khác có liên quan, Điều lệ ABBANK và các nghĩa vụ sau:
- a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của ABBANK;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng Quản trị về việc công khai các lợi ích liên quan và tránh xung đột lợi ích theo quy định của Điều lệ ABBANK;
 - d) Báo cáo, giải trình với Hội đồng Quản trị theo yêu cầu về các hợp đồng, giao dịch mà bản thân thành viên Hội đồng Quản trị hoặc những người có liên quan của thành viên đó ký kết, thực hiện với ABBANK, công ty con của ABBANK; hoặc giao dịch giữa ABBANK với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của ABBANK theo quy định của pháp luật.
- 4.3. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị khi ABBANK trở thành công ty niêm yết.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị

- 5.1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người điều hành khác của ABBANK cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của ABBANK và của đơn vị trong ABBANK nhằm thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị được phân công, phù hợp với quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan của Hội đồng Quản trị.
- 5.2. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị.
- 5.3. Việc yêu cầu và cung cấp thông tin, tài liệu cho thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện theo quy định sau đây:
- a) Ưu tiên thực hiện cung cấp, trao đổi thông tin thông qua hệ thống thông tin nội bộ, báo cáo định kỳ được cung cấp đồng thời đến tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị và có thể được truy cập trực tuyến tại mọi thời điểm.
 - b) Thành viên Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu cung cấp thông tin bổ sung, cập nhật

trong phạm vi và nhằm thực hiện nhiệm vụ và/hoặc nội dung công việc cụ thể mà được giao, được phân công thực hiện.

- c) Việc yêu cầu và cung cấp thông tin có thể được thực hiện qua thư điện tử (email), văn bản hoặc nêu yêu cầu trực tiếp tại cuộc họp.
- d) Người được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu cho thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn 3 ngày làm việc, trừ trường hợp quy định thời hạn khác theo Quy chế này, Quy chế thông qua các quyết định của Hội đồng Quản trị, quy định nội bộ khác do Hội đồng Quản trị ban hành hoặc thời hạn hợp lý khác được nêu trong yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị

- 6.1. Hội đồng Quản trị có tối thiểu 05 (năm) thành viên và tối đa 11 (mười một) thành viên; số lượng thành viên cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.
- 6.2. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập; 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành ABBANK.
- 6.3. Cá nhân và Người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và Người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng Quản trị, nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng Quản trị ABBANK, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.
- 6.4. Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 6.1 và 6.2 Điều này, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, ABBANK phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật Các tổ chức tín dụng.
- 6.5. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị nhưng không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, trừ trường hợp một cá nhân không thể được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong 2 nhiệm kỳ liên tiếp để bảo đảm tuân thủ quy định tại điểm f Khoản 7.2 Điều 7 Quy chế này.
- 6.6. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị

- 7.1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 3 Điều 23 Điều lệ ABBANK, cụ thể:
 - Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo

dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

- Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
- Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
- Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại ABBANK hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát ABBANK theo yêu cầu nhiệm vụ;
- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại ABBANK.

b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc NHNN;

c) Có trình độ từ đại học trở lên;

d) Có một trong các điều kiện sau đây: Có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của ABBANK; có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

7.2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Tiêu chuẩn điều kiện quy định tại Khoản 7.1 Điều này;

b) Không phải là người đang làm việc cho ABBANK hoặc công ty con của ABBANK hoặc đã làm việc cho ABBANK hoặc công ty con của ABBANK trong 3 (ba) năm liền kề trước đó;

c) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của ABBANK, ngoài những khoản thù lao, phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

d) Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ chồng của những người này là cổ đông lớn của ABBANK, người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát ABBANK; người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của công ty con của ABBANK;

e) Không phải là người đại diện sở hữu cổ phần tại ABBANK; không sở hữu hoặc cùng với Người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ABBANK;

f) Không phải là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của ABBANK tại bất kỳ thời điểm nào trong 5 (năm) năm liền kề trước đó.

7.3. Thành viên Hội đồng Quản trị phải tuân thủ quy định không cùng đảm nhiệm chức vụ cụ thể:

- a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được đồng thời là:
 - Người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát của ABBANK, của tổ chức tín dụng khác;
 - Người quản lý của doanh nghiệp khác.
 - b) Thành viên Hội đồng Quản trị không phải là thành viên độc lập không được đồng thời là:
 - Người điều hành của ABBANK, trừ trường hợp là Tổng Giám đốc của ABBANK;
 - Người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng khác, người quản lý của doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của ABBANK hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
 - Kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
 - c) Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không được đồng thời là:
 - Người điều hành của ABBANK;
 - Người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
 - Kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
- 7.4. Thành viên Hội đồng Quản trị phải thông báo với Hội đồng Quản trị về việc không còn đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu quy định tại Điều này. Việc xác định đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ ABBANK và Quy chế này.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- 8.1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số thành viên Hội đồng Quản trị đã được Đại hội đồng Cổ đông bầu ra.
- 8.2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc, không cùng đảm nhiệm chức vụ khác theo quy định của Điều lệ ABBANK.
- 8.3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;
 - b) Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - c) Thay mặt Hội đồng Quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - e) Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - f) Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - g) Đảm bảo thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng Quản trị phải xem xét;
 - h) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng Quản trị;
 - i) Giám sát thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm

- vụ được phân công;
- j) Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng Quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ;
 - k) Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng Quản trị, các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng Quản trị và báo cáo báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả đánh giá này;
 - l) Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị giao hoặc ủy quyền theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông; nghị quyết hoặc quy định nội bộ do Hội đồng Quản trị ban hành;
 - m) Bảo đảm việc các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia vào các chương trình đào tạo kỹ năng quản trị doanh nghiệp khi cần thiết;
 - n) Giải quyết các tranh chấp nội bộ theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK;
 - o) Bảo đảm việc thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động của người quản lý và người điều hành của Ngân hàng được thực hiện định kỳ;
 - p) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ ABBANK và các quy định pháp luật có liên quan.
- 8.4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (trường hợp Hội đồng Quản trị có bầu chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị) thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Nếu Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc các trường hợp khác Chủ tịch Hội đồng Quản trị không có khả năng thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.
- 8.5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
- 8.6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị bổ nhiệm chức danh Thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp để hỗ trợ Hội đồng Quản trị và Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

- d) Hỗ trợ Ngân hàng trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- e) Hỗ trợ Ngân hàng trong việc tuân thủ các nghĩa vụ công bố thông tin và thủ tục hành chính;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị

- 9.1. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Điều lệ ABBANK.
- 9.2. Đại hội đồng Cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng Quản trị khi xét thấy cần thiết. Việc thay thế được thực hiện thông qua trình tự miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu thành viên Hội đồng Quản trị.
- 9.3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp Hội đồng Quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 6.1 và 6.2 Điều 6 Quy chế này trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 10. Cách thức bầu và thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

- 10.1. Đề cử thành viên Hội đồng Quản trị
 - a) Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu 90 (chín mươi) ngày, Hội đồng Quản trị phải quyết định lấy ý kiến cổ đông về việc thực hiện quyền đề cử ứng viên, thông báo công khai cho các cổ đông, kèm theo hướng dẫn về tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ phải đáp ứng theo quy định của Điều lệ ABBANK và pháp luật để các cổ đông tiến hành đề cử.
 - b) Số lượng ứng viên Hội đồng Quản trị được đề cử dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ trên 10% đến 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ trên 20% đến 30% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ trên 30% đến 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ trên 40% đến 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ trên 50% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên, trừ trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định khác.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quy định trên hoặc tổng số ứng viên thấp hơn số lượng thành viên HĐQT dự kiến bầu thì số ứng viên còn lại, còn thiếu do Hội đồng Quản trị đề cử. Việc Hội đồng Quản trị đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu.
 - c) Cổ đông, nhóm cổ đông đề cử và ứng viên được đề cử phải hoàn tất hồ sơ, thủ tục theo quy định của pháp luật và thời hạn theo công bố của Hội đồng Quản trị để xin sự chấp thuận của NHNN. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xem xét và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện của ứng cử viên trước khi có văn bản đề nghị NHNN xem xét, chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng Quản trị.

- d) Trường hợp ứng viên Hội đồng Quản trị được NHNN chấp thuận để bầu, ABBANK phải công bố ngay các thông tin liên quan đến ứng viên trên trang thông tin điện tử của ABBANK để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên được công bố bao gồm: họ tên, ngày, tháng, năm sinh; trình độ chuyên môn, quá trình công tác; các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh tại công ty khác); lợi ích có liên quan tới ABBANK và tới các bên có liên quan của ABBANK; các thông tin liên quan khác có trong hồ sơ ứng viên theo quy định của NHNN.

10.2. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị

- a) Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết nhân với số thành viên được bầu. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên đã được NHNN chấp thuận.
- b) Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 2 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí do Đại hội đồng Cổ đông quyết định hoặc quy định tại quy chế bầu cử.
- 10.3. Hội đồng Quản trị phải có văn bản thông báo cho NHNN danh sách thành viên Hội đồng Quản trị được bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, xác định việc mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị; đồng thời ABBANK thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh các sự kiện nói trên.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Vai trò và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

- 11.1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị ABBANK, có toàn quyền nhân danh ABBANK để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của ABBANK, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
- 11.2. Quyền hạn và nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng Quản trị theo quy định của Điều lệ ABBANK.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch với người có liên quan

Ngoại trừ các hợp đồng, giao dịch giữa ABBANK và người có liên quan bị cấm thực hiện và các hợp đồng giao dịch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK, Hội đồng Quản trị phê duyệt trong phạm vi thẩm quyền các hợp đồng giao dịch với người có liên quan theo quy định cụ thể tại Chương IV Quy chế này.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- 13.1 Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau:
- a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của ABBANK;
 - b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Các tổ chức tín dụng;
 - c) Số thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Các tổ chức tín dụng;
 - d) Theo yêu cầu bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của ABBANK.
 - e) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - f) Quyết định nội dung theo yêu cầu của NHNN khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến toàn hoạt động của tổ chức tín dụng.
- 13.2 Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hoặc ngày xảy ra sự kiện quy định tại Khoản 13.1 Điều này.
- Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho ABBANK.
- 13.3 Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- a) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - b) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - f) Gửi thông báo mời họp đến cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Thực hiện các công việc và trách nhiệm khác phục vụ cuộc họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK.

Điều 14. Thường trực Hội đồng Quản trị

- 14.1. Thường trực Hội đồng Quản trị bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp xét thấy cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị và hoạt động của ABBANK trong từng thời kỳ, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể phân công thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham gia Thường trực Hội đồng Quản trị.
- 14.2. Thường trực Hội đồng Quản trị có nhiệm vụ:

- a) Xem xét các nội dung trước khi đưa ra cuộc họp/xin ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị khi cần thiết;
- b) Giúp Hội đồng Quản trị thực hiện công tác chỉ đạo và giám sát thường xuyên hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc;
- c) Phối hợp hoạt động với Ban Kiểm soát và chỉ đạo Tổng Giám đốc liên quan đến hoạt động của ABBANK theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
- d) Thay mặt Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo uỷ quyền, giao quyền của Hội đồng Quản trị; quyết định các vấn đề phát sinh đột xuất hoặc tình huống khẩn cấp cần có quyết định ngay của Hội đồng Quản trị; Đối với các nội dung ra quyết định quy định tại điểm này, Thường trực Hội đồng Quản trị quyết định tập thể theo nguyên tắc nhất trí và báo cáo với Hội đồng Quản trị tại cuộc họp gần nhất;
- e) Nhiệm vụ khác được Hội đồng Quản trị giao.

Điều 15. Các Ủy ban của Hội đồng Quản trị

- 15.1. Hội đồng Quản trị phải lập Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự theo quy định của NHNN về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại; và có thể lập Hội đồng, Ủy ban khác nếu cần thiết tùy theo yêu cầu công tác và tình hình thực tế tại ABBANK.
- 15.2. Đối với Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, mỗi Ủy ban phải có tối thiểu 3 (ba) thành viên trong đó Chủ nhiệm Ủy ban là thành viên Hội đồng Quản trị. Một thành viên Hội đồng Quản trị chỉ được là Chủ nhiệm của một Ủy ban. Ủy ban Quản lý rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị. Mỗi Ủy ban phải có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải người điều hành.
- 15.3. Hội đồng Quản trị ban hành quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của Điều lệ ABBANK và pháp luật có liên quan; gửi các quy định nội bộ này tới NHNN để báo cáo ngay sau khi ban hành.

CHƯƠNG IV.

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng Quản trị

- 16.1. Cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị. Tại cuộc họp này, Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- 16.2. Hội đồng Quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

16.3. Hội đồng Quản trị tiến hành họp bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của ABBANK;
- b) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;
- c) Có đề nghị của ít nhất 1 (một) thành viên độc lập Hội đồng Quản trị hoặc 2 (hai) thành viên Hội đồng Quản trị;
- d) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 5 (năm) người quản lý khác của ABBANK;
- e) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Đề nghị họp Hội đồng Quản trị bất thường quy định tại điểm b, c và d Khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm b, c và d Khoản này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với ABBANK; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

16.4. Hội đồng Quản trị tiến hành họp theo hình thức họp mặt trực tiếp hoặc hình thức họp trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức nói trên. Trường hợp họp trực tuyến hoặc kết hợp họp trực tuyến phải phù hợp với quy định sau đây:

- a) Cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến có thể được tiến hành thông qua việc sử dụng ứng dụng công nghệ và hệ thống internet, điện thoại, cầu truyền hình, các hình thức liên lạc điện tử khác giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị, các nhóm thành viên Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau.
- b) Cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến phải bảo đảm điều kiện mỗi thành viên tham gia đều có thể:
 - (i) Nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - (ii) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
- c) Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp Hội đồng Quản trị dưới hình thức trực tuyến quy định tại Khoản này được coi là có mặt tại cuộc họp đó.
- d) Địa điểm, thời gian cuộc họp trực tuyến được xác định là địa điểm, thời gian mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đông nhất tập họp lại, nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm, thời gian của cuộc họp được xác định theo nơi Chủ tọa cuộc họp hiện diện.
- e) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến được tổ chức và tiến hành theo quy định tại Khoản này có hiệu lực và giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp trực tiếp thông thường. Các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm ký xác nhận Biên bản họp Hội đồng Quản trị để hoàn thiện hồ sơ cuộc họp sau khi cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến kết thúc.

- 16.5. Khi triệu tập họp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng Quản trị có các thông tin về cách thức họp, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp. Thông báo họp phải được gửi đi qua dịch vụ bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại ABBANK để thành viên có thể nhận được một cách thuận tiện và nhanh nhất. Người triệu tập họp có thể thông báo mời họp không theo thời hạn quy định thông thường ở trên trong các trường hợp cần quyết định gấp của Hội đồng Quản trị, sau khi tham vấn nhanh và được các thành viên Hội đồng Quản trị đồng ý; các tài liệu họp trong trường hợp này có thể được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị ngay tại cuộc họp.
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị. Trưởng Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
- 16.6. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
- 16.7. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 16.7 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua cuộc họp trực tuyến, hoặc kết họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
- 16.8. Thành viên Hội đồng Quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận, trừ các trường hợp không được phép ủy quyền quy định tại Khoản 7 Điều 54 Điều lệ ABBANK và trường hợp không được nhận ủy quyền biểu quyết quy định tại Khoản 21.2 Điều 21 Quy chế này.
- 16.9. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị gửi ý kiến biểu quyết trước bằng văn bản, qua fax, thư điện tử thì phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được công bố trước sự chứng kiến của những thành viên dự họp. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị biểu quyết thông qua ứng dụng phần mềm bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác thì thực hiện theo quy định có liên quan của Hội đồng Quản trị về việc thông qua các quyết định của Hội đồng Quản trị.
- 16.10. Biên bản họp Hội đồng Quản trị:

- a) Nội dung cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi chép đầy đủ trong Biên bản họp Hội đồng Quản trị. Diễn biến chi tiết nội dung cuộc họp có thể được ghi hình, ghi âm để lưu giữ dưới hình thức điện tử kèm theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải có các nội dung:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép/mã số doanh nghiệp của ABBANK;
 - Mục đích, chương trình nội dung họp;
 - Thời gian, địa điểm họp;
 - Họ, tên từng thành viên Hội đồng Quản trị dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Ý kiến của thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp (có thể được tập hợp thành một văn bản đính kèm Biên bản cuộc họp);
 - Kết quả biểu quyết đối với các vấn đề cụ thể trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành, không có ý kiến và ý kiến khác (nếu có);
 - Tổng hợp các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản và các thành viên dự cuộc họp.
- b) Các thành viên dự họp có trách nhiệm ký tên xác nhận nội dung Biên bản họp. Các thành viên Hội đồng Quản trị cùng ký tên vào một văn bản Biên bản họp hoặc một/một số thành viên có thể ký tên vào các văn bản khác nhau của Biên bản họp nhưng có cùng nội dung. Trường hợp thành viên có mặt dự họp từ chối ký Biên bản thì phải ghi rõ lý do.
- c) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a Khoản này thì Biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp. Người ký Biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với ABBANK do từ chối ký Biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ ABBANK và pháp luật có liên quan
- d) Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt hoặc song ngữ Việt-Anh. Trường hợp có sự khác nhau giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh về cùng một vấn đề thì nội dung bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
- e) Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ theo quy định của Điều lệ ABBANK. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị. Việc gửi Biên bản họp Hội đồng Quản trị có thể được thực hiện bằng cách gửi trực tiếp, qua thư, fax, thư điện tử (email).

Điều 17. Thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị

- 17.1. Việc thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ ABBANK và Quy chế này. Hội đồng Quản trị ban hành Quy chế quy định cụ thể việc thông qua các quyết định của Hội đồng Quản trị.
- 17.2. Khi biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết, trừ trường hợp thành viên không có quyền biểu quyết về vấn đề đó.
- 17.3. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu của thành viên có quyền biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tọa cuộc họp (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt và không gửi ý kiến biểu quyết trước).
- 17.4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Điều lệ ABBANK, gây thiệt hại cho ABBANK thì các thành viên đồng ý thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho ABBANK; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của ABBANK có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 18. Lấy ý kiến để thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị

- 18.1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị để thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị trong trường hợp:
 - a) Cần có quyết định của Hội đồng Quản trị trong thời gian giữa hai cuộc họp Hội đồng Quản trị nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu quản trị và kinh doanh của ABBANK;
 - b) Quy định áp dụng của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và quy định Điều lệ ABBANK không yêu cầu bắt buộc thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.
- 18.2. Việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị để thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị được thực hiện bằng hình thức văn bản, thư điện tử (email) hoặc phần mềm ứng dụng được ABBANK áp dụng trong từng thời kỳ hoặc sự kết hợp của các hình thức trên. Việc gửi, nhận tài liệu, thông tin, ý kiến biểu quyết qua hình thức thư điện tử (email) hoặc phần mềm ứng dụng được ABBANK áp dụng có giá trị như việc gửi, nhận được thực hiện bằng văn bản thông thường.
- 18.3. Việc biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản, bằng thư điện tử (email) hay phần mềm ứng dụng được ABBANK áp dụng có giá trị như biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.
- 18.4. Văn bản tổng hợp ý kiến biểu quyết kèm theo tài liệu xin ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị có giá trị và được lưu giữ như Biên bản họp Hội đồng Quản trị.
- 18.5. Trình tự, thủ tục xin ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị để thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị thực hiện theo Quy chế về thông qua các quyết định của Hội đồng

Quản trị do Hội đồng Quản trị ban hành và áp dụng trong từng thời kỳ.

CHƯƠNG V.

THÔNG QUA HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Điều 19. Thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan ngoài phạm vi cấp tín dụng

19.1. Hội đồng Quản trị thông qua giao dịch, hợp đồng ngoài phạm vi cấp tín dụng có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của ABBANK ban hành từng thời kỳ giữa ABBANK với:

- a) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của ABBANK;
- b) Người có liên quan của Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của ABBANK;
- c) Công ty con, công ty liên kết của ABBANK.

19.2. Đối với các giao dịch, hợp đồng thuộc nghiệp vụ huy động vốn của ABBANK dưới các hình thức vay, phát hành trái phiếu, nhận tiền gửi, phát hành sổ tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi và các sản phẩm huy động khác; các sản phẩm đực lỗ khác hoặc các giao dịch trên thị trường liên ngân hàng đã có quy chế, quy định, cơ chế áp dụng chung do Hội đồng Quản trị thông qua, ban hành thì việc phê duyệt các hợp đồng, giao dịch với bên liên quan được thực hiện theo các quy định, quy chế đó do Hội đồng Quản trị ban hành.

Điều 20. Thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan về cấp tín dụng

20.1. Những giao dịch, hợp đồng tín dụng thuộc trường hợp hạn chế cấp tín dụng

Việc cấp tín dụng có bảo đảm và không áp dụng điều kiện ưu đãi có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của ABBANK ban hành từng thời kỳ đối với đối tượng quy định dưới đây phải được Hội đồng Quản trị thông qua:

- a) Kế toán trưởng của ABBANK;
- b) Cổ đông lớn, cổ đông sáng lập của ABBANK.
- c) Doanh nghiệp có một trong những đối tượng sau đây sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó:
 - i. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương theo quy định của Điều lệ ABBANK.
 - ii. Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ABBANK.
 - iii. Pháp nhân là cổ đông có người đại diện phần vốn góp là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của ABBANK.

- d) Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng tại ABBANK căn cứ theo quy định của Thống đốc NHNN (từ 10 tỷ đồng trở lên hoặc mức cụ thể khác được thay đổi tùy thời kỳ), trừ trường hợp cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng cho cá nhân thực hiện theo quy định chung của ABBANK.
- e) Công ty con, công ty liên kết của ABBANK, trừ trường hợp ABBANK cấp tín dụng cho công ty con của ABBANK là tổ chức tín dụng được chuyển giao bắt buộc.

20.2. Những giao dịch, hợp đồng tín dụng không thuộc trường hợp hạn chế cấp tín dụng:

Hội đồng Quản trị thông qua việc cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng cho các cá nhân sau đây:

- a) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của ABBANK;
- b) Người có liên quan của Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của ABBANK.

20.3. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản 20.1 Điều này bao gồm cả tổng mức mua, nắm giữ, đầu tư vào trái phiếu do các đối tượng này phát hành nằm trong Tổng mức dư nợ phải tuân thủ giới hạn quy định tại Khoản 2 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một đối tượng quy định tại điểm e Khoản 20.1 Điều này bao gồm cả tổng mức mua, nắm giữ, đầu tư vào trái phiếu đối tượng đó phát hành không được vượt quá 10% vốn tự có của ABBANK; đối với tất cả các đối tượng quy định tại điểm e Khoản 20.1 Điều này không được vượt quá 15% vốn tự có của ABBANK. Việc cấp tín dụng phải được công khai trong ABBANK. Việc kiểm soát các giới hạn cấp tín dụng khi thực hiện các giao dịch, hợp đồng tại Điều này được thực hiện theo quy định nội bộ của ABBANK từng thời kỳ.

Điều 21. Yêu cầu đối với việc chuẩn bị và thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan

- 21.1. Hồ sơ trình Hội đồng Quản trị phải kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc giải trình nội dung chủ yếu của giao dịch.
- 21.2. Trình tự, thủ tục trình Hội đồng Quản trị thông qua giao dịch, hợp đồng với người có liên quan của ABBANK thực hiện theo quy định chung tại Quy chế thông qua các quyết định của Hội đồng Quản trị.
- 21.3. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, ABBANK phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện; áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của ABBANK.
- 21.4. Các giao dịch với người có liên quan quy định tại Chương này và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán phải được công bố thông tin theo Quy chế Công bố thông tin của ABBANK do Hội đồng Quản trị ban hành.
- 21.5. Văn phòng Hội đồng Quản trị là Đơn vị đầu mối tiếp nhận, thu thập và tổng hợp và cập nhật thông tin về người có liên quan của ABBANK và thực hiện các thủ tục hồ sơ trình Hội đồng Quản trị thông qua giao dịch, hợp đồng với người có liên quan.

CHƯƠNG VI.

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 22. Trình báo cáo hằng năm

- 22.1. Sau khi kết thúc năm tài chính, Hội đồng Quản trị phải trình Đại hội đồng Cổ đông các nội dung báo cáo sau:
- a) Đánh giá kết quả kinh doanh, công tác quản lý, kết quả giám sát điều hành ABBANK; kết quả thực hiện các Nghị quyết do Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua;
 - b) Tổng kết các cuộc họp và hoạt động của Hội đồng Quản trị; hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị;
 - c) Báo cáo tài chính năm của ABBANK đã được kiểm toán;
 - d) Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị về hoạt động của Hội đồng Quản trị (khi ABBANK trở thành công ty niêm yết);
 - e) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ ABBANK và Quy chế nội bộ về quản trị ABBANK.
- 22.2. Các nội dung báo cáo quy định tại các điểm a, b và c Khoản 22.1 Điều này phải được hoàn thành và gửi đến Ban Kiểm soát và công bố 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.
- 22.3. Báo cáo quy định tại các khoản 22.1 và 22.2 Điều này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của ABBANK và được cập nhật (nếu có) đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Điều 23. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

- 23.1. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị được ABBANK chi trả trên cơ sở yêu cầu thực hiện chức trách, nhiệm vụ, chế độ làm việc, thời gian cần thiết hoàn thành nhiệm vụ, tình hình thực tế, kết quả và hiệu quả kinh doanh của ABBANK. Tổng mức thù lao và cơ chế thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Chủ tịch Hội đồng Quản trị thông báo cụ thể mức thù lao và bảo đảm việc thực hiện chi trả thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định tại Điều lệ ABBANK, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và quy định liên quan do Hội đồng Quản trị ban hành.
- 23.2. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của ABBANK theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của ABBANK và phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 23.3. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên Ủy ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị được trả thêm thù lao hoặc dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần,

lương, phụ cấp hoặc thù lao hàng tháng, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo thông báo cụ thể của Chủ tịch Hội đồng Quản trị áp dụng tương tự nguyên tắc chung quy định tại Khoản 23.1 Điều này.

- 23.4. Thành viên Hội đồng Quản trị được ABBANK thanh toán, chi trả các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác theo quy định của ABBANK khi thực hiện nhiệm vụ được giao, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng Quản trị.
- 23.5. ABBANK có thể mua bảo hiểm trách nhiệm của Người quản lý, Người điều hành ABBANK nhưng bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm thiệt hại liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ ABBANK. Việc phê duyệt chi phí mua bảo hiểm trách nhiệm theo quy định về quản lý tài chính của ABBANK do Hội đồng Quản trị ban hành.

Điều 24. Công khai các lợi ích liên quan

24.1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải công khai với ABBANK các thông tin sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên;
- b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).
- c) Thông tin về Người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
- d) Thông tin về Người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
- e) Các trường hợp khác theo quy định tại Khoản 2, Điều 164 Luật Doanh nghiệp; Khoản 3 Điều 291 và Điều 299 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (ngoài phạm vi các trường hợp quy định tại điểm a, b, c và d Khoản này).

24.2. Việc công khai thông tin quy định tại Khoản 24.1 Điều này và việc thay đổi, bổ sung thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong gian sớm nhất có thể nhưng chậm nhất không vượt quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi, bổ sung thông tin.

24.3. ABBANK phải lưu giữ thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này tại trụ sở chính của ABBANK và thông báo bằng văn bản cho NHNN các thông tin quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản 24.1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ABBANK nhận được thông tin công khai theo quy định tại Khoản 24.1 Điều này.

24.4. Người quản lý, người điều hành ABBANK có nghĩa vụ thông báo kịp thời, đầy đủ,

chính xác cho ABBANK về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của ABBANK và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng Quản trị chấp thuận.

- 24.5. ABBANK phải lập, cập nhật ngay khi có thay đổi danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành và các chức danh quản lý khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ ABBANK và những người có liên quan của những người này. Danh sách này phải được công khai trong toàn hệ thống ABBANK và gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho NHNN.
- 24.6. Việc cấp tín dụng đối với đối tượng quy định tại Khoản 24.1 Điều này đồng thời thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng phải được công khai trong ABBANK. ABBANK phải thực hiện báo cáo về việc cấp tín dụng đối với các đối tượng này cho Đại hội đồng Cổ đông và NHNN theo quy định của NHNN.

CHƯƠNG VII.

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị

- 25.1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị là quan hệ phối hợp. Các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- 25.2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng Quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng Quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ ABBANK và Quy chế này.
- 25.3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng Quản trị thì các thành viên Hội đồng Quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 26. Mối quan hệ với Ban điều hành

- 26.1. Với vai trò quản trị, Hội đồng Quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định, đưa ra các chỉ đạo, yêu cầu để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng Quản trị kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ đạo đó.
- 26.2. Mối quan hệ công tác giữa Hội đồng Quản trị với Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành được quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị ABBANK và các quy định nội bộ khác do Hội đồng Quản trị ban hành.
- 26.3. Mối quan hệ công tác giữa Hội đồng Quản trị với Tổng Giám đốc trong việc Hội đồng quản trị thực hiện giám sát của quản lý cấp cao đối với Tổng Giám đốc đối với kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn cụ thể như sau:

- a) Giám sát Tổng Giám đốc đối với kiểm soát nội bộ trong việc:
 - Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát, vận hành và duy trì hệ thống thông tin quản lý và cơ chế trao đổi thông tin;
 - Duy trì văn hóa kiểm soát và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc NHNN;
 - Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về kiểm soát nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;
 - Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp;
 - Các nội dung khác do Hội đồng quản trị quy định.
- b) Giám sát Tổng Giám đốc trên cơ sở đề xuất, tham mưu của Ủy ban Quản lý rủi ro đối với quản lý rủi ro:
 - Xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro;
 - Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;
 - Các nội dung khác do Hội đồng quản trị quy định.
- c) Giám sát Tổng Giám đốc đối với đánh giá nội bộ về mức đủ vốn:
 - Tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn;
 - Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;
 - Các nội dung khác do Hội đồng Quản trị quy định.

Điều 27. Môi quan hệ với Ban Kiểm soát

- 27.1. Môi quan hệ giữa Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp chức năng quản trị và kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng Quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi chức năng, nhiệm vụ theo quy định.
- 27.2. Cơ chế phối hợp của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ phải đảm bảo:
- a) Hội đồng Quản trị phối hợp với bộ phận kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng Quản trị;
 - b) Hội đồng Quản trị thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng Quản trị tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban Kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị.
- 27.3. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo bộ máy điều hành và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Hiệu lực và thi hành

- 28.1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được ban hành.
- 28.2. Quy chế này thay thế cho Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP

An Bình ban hành kèm theo Quyết định 74/QĐ-HĐQT.21 ngày 20/5/2021.

- 28.3. Các vấn đề chưa được đề cập trong Quy chế này thực hiện theo các quy định của Điều lệ ABBANK và quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Điều lệ ABBANK và/hoặc của pháp luật với quy định của Quy chế này về vấn đề cụ thể thì áp dụng theo quy định có liên quan đó của Điều lệ ABBANK và quy định của pháp luật.

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

- 29.1. Trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ ABBANK và tình hình thực, Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị.
- 29.2. Hội đồng Quản trị ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế này sau khi đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Quy chế này đã được Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2025./.

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS (SỬA ĐỔI)



Thông tin
Đại hội đồng cổ đông



Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐÃ THÔNG QUA VĂN BẢN NÀY

GENERAL SHAREHOLDERS MEETING APPROVED THIS DOCUMENT

Vào ngày / on the date: 18-04-2025

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - ABBANK (sửa đổi)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK)

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK) được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2021. Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Ban Kiểm Soát đã ban hành Quy chế này theo Quyết định số 15/QĐ-BKS.21 ngày 08/06/2021.

Ngày 18/01/2024, Luật Các tổ chức tín dụng mới (Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024) được thông qua có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2024 thay thế cho Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có nhiều nội dung quy định mới có tính đặc thù về tổ chức quản lý và hoạt động của tổ chức tín dụng.

Nhằm tuân thủ quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, việc rà soát, chỉnh sửa Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát hiện hành là cần thiết và phải thực hiện cùng với việc sửa đổi Điều lệ ABBANK và Quy chế nội bộ về quản trị ABBANK nhằm tạo sự đồng bộ của khung khổ các văn bản quản trị quan trọng nhất của ABBANK.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông dự thảo Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát ABBANK.

II. CƠ CẤU VÀ NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO QUY CHẾ

1. Cơ cấu dự thảo quy chế hoạt động Ban kiểm soát gồm 7 chương với 31 Điều. Cụ thể:

Chương I: Quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 5): Quy định về Mục đích; Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát; Tài liệu tham chiếu; Các cụm từ viết tắt, giải thích từ ngữ.

Chương II: Thành viên Ban Kiểm Soát (từ Điều 6 đến Điều 15): Quy định về Trách nhiệm chung của các thành viên Ban Kiểm soát; Trưởng Ban Kiểm soát; Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát; Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát; Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát; Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát; Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát; Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát; Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.

Sửa đổi tại Chương này là bổ sung thêm mới Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát: Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành ABBANK.

Chương III: Ban Kiểm Soát (từ Điều 16 đến Điều 18): Quy định Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát; Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát; Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

Chương IV: Cuộc họp Ban Kiểm Soát (từ Điều 19 đến Điều 20): Quy định về Cuộc họp của Ban Kiểm soát; Biên bản họp Ban Kiểm soát.

Chương V: Báo cáo và công khai lợi ích (từ Điều 21 đến Điều 24): Quy định Trình báo cáo hàng năm; Thù lao, tiền lương và quyền lợi của Ban Kiểm soát; Công khai các lợi ích liên quan; Bảo mật thông tin.

Chương VI: Mối quan hệ của Ban Kiểm Soát (từ Điều 25 đến Điều 29): Quy định về Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát; Mối quan hệ với các Cổ đông; Mối quan hệ với Ban điều hành; Mối quan hệ với Hội đồng quản trị; Mối quan hệ với Kiểm toán nội bộ.

Chương VII: Điều khoản thi hành (Điều 30 đến Điều 31): Quy định Hiệu lực thi hành; Quy định chuyển tiếp.

2. Nội dung cụ thể các điều khoản trong dự thảo Quy chế đã được đã rà soát và sửa đổi, bổ sung dựa trên nền tảng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, tham chiếu với các quy định được áp dụng của Luật Doanh nghiệp năm 2020 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2022), Luật Chứng khoán năm 2019 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025), Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Quy chế mẫu theo Thông tư số 116/TT-BTC ngày 31/12/2020; đồng thời bảo đảm đồng bộ với các quy định của dự thảo Điều lệ đã được rà soát cập nhật để trình Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên năm nay.
3. Trong quá trình soạn thảo, dự thảo Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát đã được lấy ý kiến và chỉnh lý trên cơ sở ý kiến góp ý của Ban Kiểm soát, Kiểm toán nội bộ, Khối Quản trị rủi ro và rà soát pháp lý của Ban Pháp chế và Tuân thủ trước khi báo cáo HĐQT để trình Đại hội đồng Cổ đông.

III. ĐỀ XUẤT

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua dự thảo Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát ABBANK (Dự thảo kèm theo) và giao Ban Kiểm soát ban hành Quy chế này./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Nguyễn Thị Hạnh Tâm



ABBANK

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐÃ THÔNG QUA VĂN BẢN NÀY

GENERAL SHAREHOLDERS MEETING APPROVED THIS DOCUMENT

Vào ngày / on the date: **18 -04- 2025**

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH

TRANG BÌA NGOÀI THEO DỐI SOẠN THẢO				
I. ĐƠN VỊ SOẠN THẢO				
TT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Chữ ký
1.	Nguyễn Hồng Quang	Thành viên Ban Kiểm soát	Ban Kiểm soát	
2.	Nguyễn Thị Thanh Thái	Thành viên Ban Kiểm soát	Ban Kiểm soát	
II. ĐƠN VỊ KIỂM SOÁT				
TT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Chữ ký
1.	Đạt Khánh Toàn	Trưởng Ban Pháp chế tuân thủ	Ban Pháp chế và Tuân thủ	
III. NGƯỜI KÝ BAN HÀNH VĂN BẢN				
TT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Chữ ký
1.	Nguyễn Thị Hạnh Tâm	Trưởng Ban Kiểm soát	Ban Kiểm soát	
IV. QUÁ TRÌNH BAN HÀNH VÀ SỬA ĐỔI				
Lần	Ngày ban hành	Tóm tắt nội dung		
4./..../.....	Ban hành lần thứ 4. Quyết định số về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình		
3.	08/06/2021	Ban hành lần thứ 3. Quyết định số 15/QĐ-BKS.21 về việc Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình ngày 08/06/2024.		
2.	25/04/2019	Ban hành lần thứ 2. Quyết định số về việc Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình ngày 25/4/2019		
1.	28/05/2012	Ban hành lần thứ 1. Quyết định số về việc Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát - Ngân hàng TMCP An Bình ngày 28/05/2012		

BẢNG THEO DÕI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Điều/Tên Điều được thay đổi	Tóm tắt nội dung thay đổi ¹	Tình trạng (bổ sung/sửa đổi, hủy bỏ, thêm mới) ²
1	Điều 4	Thay thế Điều 4 của Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát ngày 08/06/2021 (Quy chế BKS năm 2021). Sửa đổi tài liệu tham chiếu: Luật các Tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024	Sửa đổi/Bổ sung
2	Điều 7	Thay thế Điều 11 của Quy chế BKS năm 2021. Bổ sung nội dung của Trưởng Ban Kiểm soát: - Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.	Sửa đổi/Bổ sung
3	Điều 8	Thay thế Điều 7 của Quy chế BKS năm 2021. Sửa đổi Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát: - Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định của pháp luật, Điều lệ ABBANK. - Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.	Sửa đổi/Bổ sung
4	Điều 9	Thay thế Điều 8 của Quy chế BKS năm 2021. Bổ sung thêm mới một số Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát: Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình	Thêm mới

¹ Tóm tắt nội dung các mục được sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới.² Tình trạng: Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới.

STT	Điều/Tên Điều được thay đổi	Tóm tắt nội dung thay đổi ¹	Tình trạng (bổ sung/sửa đổi, hủy bỏ, thêm mới) ²
		đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành ABBANK	
5	Điều 10	Thay thế Điều 9 của Quy chế BKS năm 2021. Sửa đổi nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát: - Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên theo quy định tại Điều lệ ABBANK hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật thì trong thời hạn không quá 90 ngày (chín mươi ngày) kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, ABBANK phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định	Sửa đổi/bổ sung
6	Điều 11	Thay thế Điều 10 của Quy chế BKS năm 2021. Sửa đổi Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát: - Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp; Điều 42, Điều 43 Luật các Tổ chức tín dụng.	Sửa đổi/Bổ sung
7	Điều 12	Thay thế Điều 12 của Quy chế BKS năm 2021. Bổ sung đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát: - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ ABBANK có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. - Về đánh giá có đạo đức nghề nghiệp đối với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên thành viên Ban kiểm soát	Sửa đổi/Bổ sung
8	Điều 14	Thay thế Điều 14 của Quy chế BKS năm 2021. Sửa đổi quy định về Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:	Sửa đổi/Bổ sung

STT	Điều/Tên Điều được thay đổi	Tóm tắt nội dung thay đổi ¹	Tình trạng (bổ sung/sửa đổi, hủy bỏ, thêm mới) ²
		Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp; Điều 46 Luật các Tổ chức Tín dụng và Điều lệ ABBANK	
9	Điều 16	Thay thế Điều 16 của Quy chế BKS năm 2021. Sửa đổi quy định về Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.	Sửa đổi/Bổ sung
10	Điều 18	Thay thế Điều 18 của Quy chế BKS năm 2021. Bổ sung quy định về trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông: - Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Pháp luật hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc các trường khác theo quy định tại Điều lệ ABBANK.	Sửa đổi/Bổ sung
11	Điều 23	Thay thế Điều 23 của Quy chế BKS năm 2021. Bổ sung quy định về Công khai các lợi ích liên quan. Thành viên Ban Kiểm soát của ABBANK phải kê khai cho ABBANK về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm: - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên. - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội	Sửa đổi/Bổ sung

STT	Điều/Tên Điều được thay đổi	Tóm tắt nội dung thay đổi ¹	Tình trạng (bổ sung/sửa đổi, hủy bỏ, thêm mới) ²
		đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).	
12	Điều 31	Thêm mới Quy định chuyển tiếp	Thêm mới

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	8
QUY ĐỊNH CHUNG	8
Điều 1. Mục đích	8
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	8
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát	8
Điều 4. Tài liệu tham chiếu	8
Điều 5. Các cụm từ viết tắt, giải thích từ ngữ	8
CHƯƠNG II	9
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	9
Điều 6. Trách nhiệm chung của các thành viên Ban Kiểm soát	9
Điều 7. Trưởng Ban Kiểm soát	10
Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát	10
Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát	10
Điều 10. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát	11
Điều 11. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát	12
Điều 12. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát	12
Điều 13. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	14
Điều 14. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	14
Điều 15. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	14
CHƯƠNG III	15
BAN KIỂM SOÁT	15
Điều 16. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát	15
Điều 17. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	18
Điều 18. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	18
CHƯƠNG IV	19
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	19
Điều 19. Cuộc họp của Ban Kiểm soát	19
Điều 20. Biên bản họp Ban Kiểm soát	21
CHƯƠNG V	21
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	21

Điều 21.	Trình báo cáo hàng năm	21
Điều 22.	Thù lao, tiền lương và quyền lợi của Ban Kiểm soát.....	22
Điều 23.	Công khai các lợi ích liên quan.....	23
Điều 24.	Bảo mật thông tin	24
CHƯƠNG VI		24
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT		24
Điều 25.	Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát	24
Điều 26.	Mối quan hệ với các Cổ đông	24
Điều 27.	Mối quan hệ với Ban điều hành	24
Điều 28.	Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	25
Điều 29.	Mối quan hệ với Kiểm toán nội bộ.....	25
CHƯƠNG VII.....		25
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....		25
Điều 30.	Hiệu lực thi hành	25
Điều 31.	Quy định chuyển tiếp	25

QUY CHẾ**Hoạt động của Ban Kiểm soát****Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình**

Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKS.24 ngày tháng năm 2024

CHƯƠNG I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Mục đích**

Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát phù hợp với định hướng chiến lược và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng TMCP An Bình, phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 2.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật các Tổ chức Tín dụng, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn thi hành và Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình.
- 2.2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát; các đơn vị, cá nhân liên quan trong ABBANK.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Điều 4. Tài liệu tham chiếu

- 4.1 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 ban hành ngày 18 tháng 01 năm 2024
- 4.2 Luật Chứng khoán ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- 4.3 Luật Doanh nghiệp ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- 4.4 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- 4.5 Thông tư số 116/2020/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị Ngân hàng áp dụng đối với Ngân hàng đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- 4.6 Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình 2023
- 4.7 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày... tháng ... năm 2025

Điều 5. Các cụm từ viết tắt, giải thích từ ngữ

- ABBANK: Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình;

- Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình;
- Điều lệ: Điều lệ hiện hành của Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình;
- Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị của Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình;
- Đại hội đồng Cổ đông: Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình;
- Các thành viên Ban Kiểm soát: gồm Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 6. Trách nhiệm chung của các thành viên Ban Kiểm soát

- 6.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ ABBANK, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- 6.2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của ABBANK.
- 6.3. Trung thành với lợi ích của ABBANK và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của ABBANK để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 6.4. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với ABBANK hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của ABBANK.
- 6.5. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình quy định tại Điều lệ ABBANK vay vốn, sử dụng các dịch vụ khác tại ABBANK với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của ABBANK.
- 6.6. Phải tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
- 6.7. Không được tăng lương, thù lao, trả thưởng khi ABBANK bị lỗ.
- 6.8. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ ABBANK.
- 6.9. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 6.1, 6.2, 6.3, 6.4, 6.5, 6.6 và 6.7 Điều này mà gây thiệt hại cho ABBANK, hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho ABBANK.
- 6.10. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 7. Trưởng Ban Kiểm soát

- 7.1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, ngân hàng.
- 7.2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
- 7.3. Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát

- 8.1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ ABBANK.
- 8.2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của các thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.
- 8.3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.
- 8.4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định của pháp luật, Điều lệ ABBANK.
- 8.5. Tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông.
- 8.6. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Kiểm soát.
- 8.7. Đảm bảo các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.
- 8.8. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.
- 8.9. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
- 8.10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát

- 9.1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ của ABBANK, quy định nội bộ, quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, khách quan, bảo mật, cẩn trọng vì lợi ích của ABBANK và cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình

- 9.2. Tham gia biểu quyết bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban Kiểm soát.
- 9.3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường.
- 9.4. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị các biện pháp khắc phục (nếu có).
- 9.5. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành ABBANK
- 9.6. Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của ABBANK cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- 9.7. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.
- 9.8. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
- 9.9. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến của mình khác với các quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông.
- 9.10. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK.

Điều 10. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát

- 10.1. Ban Kiểm soát có tối thiểu 05 thành viên, trong đó có ít nhất $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số thành viên là chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại ABBANK hoặc doanh nghiệp khác. Ban Kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban. Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách là thành viên làm việc thường xuyên tại ABBANK giữa các kỳ họp của Ban Kiểm soát và chịu trách nhiệm về một hoặc một số nhiệm vụ do Ban Kiểm soát phân công. Ban Kiểm soát quy định cụ thể cơ chế làm việc và nhiệm vụ, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.
- 10.2. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế thành viên bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát/thành viên ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc mà Ban kiểm soát/thành viên ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát/thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban Kiểm soát/Thành viên Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp quản công việc.
- 10.3. Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát không đủ $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) tổng số thành viên theo quy định tại Điều lệ ABBANK hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật

thì trong thời hạn không quá 90 ngày (chín mươi ngày) kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, ABBANK phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định.

- 10.4. Ban Kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận Kiểm toán nội bộ và được sử dụng các nguồn lực của ABBANK, được thuê chuyên gia và các tổ chức bên ngoài thực hiện nhiệm vụ của mình.
- 10.5. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của ABBANK.
- 10.6. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

Điều 11. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 11.1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp; Điều 42, Điều 43 Luật các Tổ chức tín dụng;
- 11.2. Có bằng đại học hoặc trên đại học một trong các chuyên ngành về tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc kiểm toán;
- 11.3. Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- 11.4. Không phải là người quản lý ABBANK, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của ABBANK;
- 11.5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của ABBANK;
- 11.6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của ABBANK trong 03 năm liền trước đó;
- 11.7. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định tại Điều 12 Quy chế này, Điều lệ ABBANK và quy định của pháp luật;
- 11.8. Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
- 11.9. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ ABBANK.

Điều 12. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

- 12.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ ABBANK có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát.
- 12.2. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương

nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ ABBANK, Quy chế nội bộ về quản trị ABBANK và Quy chế này. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

- b) Cổ đông, nhóm cổ đông đề cử người vào Ban Kiểm soát và ứng viên được đề cử phải hoàn tất hồ sơ, thủ tục trong thời hạn theo quy định của Hội đồng quản trị để xin chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước.
- c) Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Ban Kiểm soát phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm. Những người được bầu, bổ nhiệm cho các chức danh này phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị chấp thuận thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- d) Trường hợp ứng viên Ban Kiểm soát được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận để bầu, ABBANK phải công bố các thông tin liên quan đến ứng cử viên trên trang thông tin điện tử của ABBANK để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu; ABBANK thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin việc bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại Điều này theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- e) ABBANK phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước danh sách những người được bầu, bổ nhiệm quy định tại điểm c khoản 12.1 Điều này trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.

12.3. Các nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên thành viên Ban kiểm soát phải có đạo đức nghề nghiệp theo đúng quy định của pháp luật và đáp ứng đầy đủ các quy định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp do ABBANK ban hành theo quy định của Ngân hàng nhà nước về hệ thống kiểm soát nội bộ.

Những người thuộc trường hợp sau đây được đánh giá là không đảm bảo có đạo đức nghề nghiệp:

- a) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận kiểm tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;
- b) Người được nêu tên tại kết luận thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký quyết định xử phạt cảnh cáo hoặc 01 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính khác hoặc 01 năm kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;
- c) Người bị xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký quyết định xử phạt

cảnh cáo hoặc 01 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính khác hoặc 01 năm kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

- d) Người phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các vi phạm về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn, phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật nêu tại kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán mà kiến nghị liên quan đến các vi phạm đó chưa được cấp có thẩm quyền đánh giá đã hoàn thành việc khắc phục, chỉnh sửa.

Điều 13. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

- 13.1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và được tiến hành tại cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông.
- 13.2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ ABBANK. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ ABBANK.

Điều 14. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát khi thuộc một trong trường hợp sau đây:

- 14.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp; Điều 46 Luật các Tổ chức Tín dụng và Điều lệ ABBANK;
- 14.2. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- 14.3. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- 14.4. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- 14.5. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Luật các Tổ chức tín dụng và Điều lệ ABBANK;
- 14.6. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ ABBANK quy định.

Điều 15. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

- 15.1. Trường hợp ứng cử viên Ban Kiểm soát được Ngân hàng nhà nước phê duyệt, ABBANK phải công bố ngay thông tin liên quan đến các ứng cử viên trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của ABBANK để cổ đông có thể tìm hiểu về các

ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của ABBANK nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- e) Lợi ích có liên quan tới ABBANK và các bên có liên quan của ABBANK;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ ABBANK;
- g) ABBANK phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

15.2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 16. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

- 16.1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản trị và điều hành ABBANK bảo đảm tuân thủ pháp luật, Điều lệ, quy định nội bộ và Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của ABBANK
- 16.2. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của ABBANK; Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của ABBANK; Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 16.3. Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- 16.4. Xây dựng quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được

- chấp nhận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của ABBANK; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của ABBANK khi xét thấy cần thiết.
- 16.5. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và quy chế nội bộ về quản trị của ABBANK.
- 16.6. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định pháp luật và điều lệ của ABBANK; Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Pháp luật hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc các trường khác theo quy định tại Điều lệ ABBANK.
- 16.7. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hàng năm xem xét lại các quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của ABBANK về kế toán, báo cáo.
- 16.8. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của ABBANK theo đề nghị của cổ đông.
- 16.9. Giám sát thực trạng tài chính; thẩm định tính đầy đủ, hợp lý, hợp pháp, trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của ABBANK (bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện), báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo kết quả thẩm định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- 16.10. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra các khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- 16.11. Kiểm tra sổ kế toán, ghi chép kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của ABBANK khi xét thấy cần thiết trong các trường hợp sau:
- Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc cổ đông lớn, nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ ABBANK.

Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của ABBANK.

- 16.12. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của ABBANK thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hàng năm, lập và trình báo cáo kết quả giám sát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên; gửi báo cáo kết quả giám sát cho Hội đồng quản trị.
- 16.13. Giám sát việc chấp hành quy định của Luật các TCTD về các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động của ABBANK.
- 16.14. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của ABBANK; Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành ABBANK, có quyền sử dụng các nguồn lực của ABBANK để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập, tổ chức bên ngoài, bộ phận kiểm toán nội bộ của ABBANK để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
- 16.15. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, thành viên góp vốn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc của ABBANK, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
- 16.16. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý, người điều hành của ABBANK có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm điều lệ, quy định nội bộ của ABBANK, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Yêu cầu người vi phạm chấp dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
- Kịp thời báo cáo Ngân hàng nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 6,8 và 11 Điều 52 và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật các TCTD hiện hành.
- 16.17. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của ABBANK.
- 16.18. Thực hiện giám sát của quản lý cấp cao đối với kiểm toán nội bộ và chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến kiểm toán nội bộ theo quy định của Ngân hàng nhà nước. Phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm của ABBANK theo đề nghị của Trưởng kiểm toán nội bộ trên cơ sở thảo luận với Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, thời hạn ban hành kế hoạch trước ngày 15 tháng 12 của năm trước bao gồm các nội dung: phạm vi kiểm toán, đối tượng kiểm toán, mục tiêu kiểm toán, thời gian kiểm toán (bao gồm cả việc thuê chuyên gia, tổ chức bên ngoài) để thực hiện kiểm toán nội bộ và các nội dung khác do ABBANK quy định.
- 16.19. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ theo đề nghị của Trưởng kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của ABBANK.

16.20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

16.21. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị ABBANK.

Điều 17. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

17.1. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của ABBANK theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

17.2. Nếu một thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin hoặc tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo cách thức phù hợp với nhiệm vụ kiểm soát (từ nguồn khác Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát), thành viên này phải báo cáo với Trưởng Ban Kiểm soát ngay khi có thể và Trưởng Ban Kiểm soát sẽ thông báo cho thành viên Ban Kiểm soát có liên quan.

17.3. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của ABBANK lưu giữ tại Trụ sở chính, Chi nhánh, Đơn vị kinh doanh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của ABBANK trong giờ làm việc.

17.4. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do ABBANK phát hành.

Điều 18. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

18.1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Pháp luật hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ ABBANK

18.2. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền được quy định tại Điều lệ ABBANK;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK.

- 18.3. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho ABBANK.
- 18.4. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được ABBANK hoàn lại.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

- 19.1. Cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát để bầu Trưởng Ban phải được tổ chức trong vòng 07 (bảy) ngày sau ngày bầu cử Ban Kiểm soát đó. Thành viên Ban Kiểm soát có số phiếu bầu cao nhất sẽ phải triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên, dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm họp trước ngày họp dự kiến 05 (năm) ngày. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên sẽ bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Ban Kiểm soát.
- 19.2. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
- a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 - b) Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng Quản trị.
 - c) Trưởng Ban Kiểm soát.
 - d) Hai thành viên Ban Kiểm soát trở lên.
 - e) Tổng Giám đốc
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK.
- 19.3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường.
- 19.4. Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát; trường hợp họp bất thường thì thời hạn thông báo có thể ngắn hơn theo quyết định của Trưởng Ban Kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ về chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Cuộc họp Ban Kiểm soát có thể được tiến hành dưới hình thức gặp mặt trực tiếp hoặc cuộc họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử phù hợp với quy định của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị ABBANK. Thành viên Ban Kiểm soát không thể trực tiếp dự họp có thể gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản, đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến cho Chủ tọa cuộc họp chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết bằng văn bản này chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.

19.5. Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) trở lên số thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc ủy quyền cho thành viên khác của Ban Kiểm soát dự họp. Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 7 (bảy) ngày tiếp theo.

19.6. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

19.7. Biểu quyết:

- a) Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
- b) Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp có liên quan đến lợi ích của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.
- c) Bất kỳ thành viên Ban Kiểm soát nào có liên quan đến Hợp đồng, giao dịch thuộc trường hợp phải thỏa mãn điều kiện nhất định được nêu trong Điều lệ ABBANK thì chỉ được ký kết/thông qua nếu được đảm bảo theo đúng các điều kiện đã nêu trong Điều lệ ABBANK và phù hợp theo quy định pháp luật và trường hợp này thành viên Ban Kiểm soát đó sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó và không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó.
- d) Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát làm Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt hoặc Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp theo đề nghị).

19.8. Lấy ý kiến bằng văn bản:

- a) Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định sẽ được thông qua và có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua tại một cuộc họp Ban Kiểm soát được triệu tập và tổ chức thông thường nếu:

- Được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đồng ý đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến.
- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát tham gia biểu quyết đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.
Văn bản lấy ý kiến, ý kiến biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và các tài liệu kèm theo có giá trị và được quản lý lưu giữ như biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát.
- b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - Tên, địa chỉ trụ sở theo đăng ký kinh doanh. Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của ABBANK.
 - Họ và tên, địa chỉ liên lạc của thành viên Ban Kiểm soát.
 - Mục đích lấy ý kiến.
 - Vấn đề lấy ý kiến.
 - Phương án biểu quyết: Tán thành, không tán thành, không có ý kiến.
 - Thời hạn lấy phiếu ý kiến đã được trả lời
 - Họ và tên, chữ ký của Trưởng Ban Kiểm soát.

Điều 20. Biên bản họp Ban Kiểm soát

- 20.1. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Biên bản họp Ban Kiểm soát phải được lập bằng tiếng Việt. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Kiểm soát. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi Biên bản.
- 20.2. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG V**BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH****Điều 21. Trình báo cáo hàng năm**

Các Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

- 21.1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của ABBANK, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- 21.2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.
- 21.3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát. Nội dung báo cáo này có thể được tổng hợp chung với báo cáo về thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- 21.4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của ABBANK.
- 21.5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa ABBANK, công ty con, Công ty khác do ABBANK nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa ABBANK với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- 21.6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành ABBANK khác.
- 21.7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
- 21.8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của ABBANK; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của ABBANK khi xét thấy cần thiết.

Điều 22. Thù lao, tiền lương và quyền lợi của Ban Kiểm soát

- 22.1. Thù lao hoặc tiền lương và các lợi ích khác (gọi chung là thù lao) của thành viên Ban Kiểm soát được ABBANK chi trả trên cơ sở yêu cầu thực hiện chức trách, nhiệm vụ, tình hình thực tế, hiệu quả kinh doanh của ABBANK. Tổng mức thù lao của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Chủ tịch HĐQT thông báo mức thù lao và bảo đảm việc thực hiện chi trả thù lao, lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với quy định tại Điều lệ ABBANK và quy định liên quan do Hội đồng Quản trị ban hành.
- 22.2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán, chi trả các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí sử dụng tư vấn độc lập với mức hợp lý và chi phí hợp lý khác theo quy định của ABBANK khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Tổng mức thù lao và phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác.
- 22.3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh của ABBANK theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của ABBANK.

Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan

- 23.1. Thành viên Ban Kiểm soát của ABBANK phải kê khai cho ABBANK về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà thành viên Ban Kiểm soát làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
 - c) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ ABBANK.
- 23.2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với ABBANK trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 23.3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của ABBANK.
- 23.4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa ABBANK, Công ty con, Công ty khác do ABBANK nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban Kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, ABBANK phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- 23.5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- 23.6. Thành viên Ban Kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp 01 (một) hợp đồng, một thỏa thuận hay 01 (một) hợp đồng dự kiến hay một thỏa thuận dự kiến giao kết với ABBANK phải khai báo bản chất quyền lợi có liên quan tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và cuộc họp Ban Kiểm soát, tại đây Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp Hội đồng Quản trị gần nhất và cuộc họp Ban Kiểm soát gần nhất sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

Điều 24. Bảo mật thông tin

- 24.1. Các thành viên Ban Kiểm soát xử lý mọi thông tin và tài liệu có được trong phạm vi và thẩm quyền của mình với sự cẩn trọng cần thiết và có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định bảo mật của ABBANK.
- 24.2. Các thành viên Ban Kiểm soát không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ 3 các thông tin mật, các văn bản tài liệu ABBANK và các thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh của khách hàng, của ABBANK, hoặc các thông tin mà ABBANK chưa công bố ra bên ngoài.
- 24.3. Các thành viên Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật nhà nước và bí mật kinh doanh của ABBANK mà mình biết.
- 24.4. Không được sao chép, sử dụng các thông tin bảo mật trong quá trình làm việc tại ABBANK trừ trường hợp cần thiết để thực hiện nhiệm vụ ABBANK theo quy định của pháp luật hoặc được sự thỏa thuận trước bằng văn bản của khách hàng.
- 24.5. Việc bảo mật thông tin vẫn được thực hiện sau khi thành viên Ban Kiểm soát hết nhiệm kỳ.
- Trường hợp vi phạm quy định về bảo mật thông tin theo quy định của ABBANK và/hoặc theo quy định pháp luật thì thành viên Ban Kiểm soát sẽ phải chịu trách nhiệm và các chế tài xử lý vi phạm theo quy định của ABBANK và/hoặc theo quy định của pháp luật và có trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại phát sinh do hành vi của mình gây ra.

CHƯƠNG VI**MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT****Điều 25. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát**

Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ ABBANK. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 26. Mối quan hệ với các Cổ đông

- 26.1. Ban Kiểm soát thực hiện báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật và Điều lệ của ABBANK.
- 26.2. Ban Kiểm soát thực hiện việc rà soát, kiểm tra đột xuất khi có yêu cầu của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn theo quy định tại Điều lệ ABBANK và gửi báo cáo theo quy định tại quy chế này và Điều lệ ABBANK.

Điều 27. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành ABBANK, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Điều 28. Mỗi quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập và phối hợp với Hội đồng quản trị ABBANK, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Mỗi quan hệ với Kiểm toán nội bộ

Ban Kiểm soát thực hiện chỉ đạo điều hành, giám sát trực tiếp với bộ phận Kiểm toán nội bộ theo quy định tại Quy chế này và các quy định có liên quan khác.

CHƯƠNG VII**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 30. Hiệu lực thi hành**

- 30.1 Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình bao gồm 07 chương, 31 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.
- 30.2 Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Ban kiểm soát quyết định
- 30.3 Các Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc; Giám đốc các Khối/Ban Hội sở; các Đơn vị kinh doanh, cá nhân có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 31. Quy định chuyển tiếp

- 31.1 Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2027 của ABBANK vẫn duy trì số lượng thành viên theo quy định tại Quyết định 15/QĐ-BKS.21 về việc Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP An Bình cho đến hết nhiệm kỳ, trừ trường hợp ABBANK bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát.
- 31.2 Các thành viên Ban Kiểm soát được bầu, bổ nhiệm trước ngày Quy chế này có hiệu lực không đáp ứng đủ các điều kiện và tiêu chuẩn theo Điều 11 của Quy chế này và/hoặc thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Điều 42, Điều 43 của Luật các Tổ chức tín dụng được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.

ABBANK

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐÃ THÔNG QUA VĂN BẢN NÀY
GENERAL SHAREHOLDERS MEETING APPROVED THIS DOCUMENT

Vào ngày / on the date: 18 -04- 2025

**PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC DỰ KIẾN
TRONG TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM**

PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC DỰ KIẾN
TRONG TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM
CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích xây dựng phương án

Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm (sau đây gọi tắt là Phương án khắc phục dự kiến) được xây dựng để tuân thủ Điều 143 Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, nhằm đảm bảo khả năng phản ứng kịp thời với những tình huống khác nhau trong trường hợp Ngân hàng được can thiệp sớm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Phương án khắc phục dự kiến này được áp dụng tại Ngân hàng TMCP An Bình.

Điều 3. Các từ viết tắt và giải thích từ ngữ

1. Các chữ viết tắt

- NHNN: Ngân hàng nhà nước Việt Nam
- ABBANK/Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình
- TCTD: Tổ chức tín dụng
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng Quản trị của ABBANK

2. Giải thích từ ngữ

- Can thiệp sớm* là việc NHNN áp dụng các yêu cầu, biện pháp hạn chế đối với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và yêu cầu TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó thực hiện phương án khắc phục dự kiến dưới sự giám sát của NHNN nhằm khắc phục tình trạng theo quy định tại khoản 1 Điều 156 của Luật các TCTD.
- Rút tiền hàng loạt* là việc TCTD bị nhiều người gửi tiền cùng rút tiền dẫn đến TCTD có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất khả năng chi trả theo quy định của Thống đốc NHNN.
- Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần đã bán cho cổ đông.
- Vốn tự có* gồm giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, cộng một số quỹ dự trữ, cộng một số tài sản nợ khác, trừ các khoản phải giảm trừ. Việc xác định vốn tự có thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 4. Các trường hợp Ngân hàng nhà nước thực hiện can thiệp sớm

Theo khoản 1 Điều 156 Luật Các TCTD, NHNN xem xét, quyết định thực hiện can thiệp sớm khi Ngân hàng thuộc một hoặc một số trường hợp sau đây:

1. Số lỗ lũy kế lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm việc duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Thống đốc NHNN trong từng thời kỳ.
2. Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc NHNN.
3. Vi phạm việc duy trì tỷ lệ khả năng chi trả theo quy định của Thống đốc NHNN trong thời gian 30 ngày liên tục;
4. Vi phạm việc duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Thống đốc NHNN trong từng thời kỳ trong thời gian 06 tháng liên tục;
5. Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi Ngân hàng Nhà nước.

Điều 5. Yêu cầu chung và các biện pháp chủ yếu dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm

1. Phương án khắc phục dự kiến bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Thông tin, đánh giá về cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;
- b) Thực trạng tài chính và hoạt động của Ngân hàng;
- c) Các biện pháp triển khai nhằm khắc phục từng trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 156 của Luật Các TCTD;
- d) Lộ trình, thời hạn thực hiện từng biện pháp khắc phục.

2. Yêu cầu chung về triển khai biện pháp khắc phục trong trường hợp được can thiệp sớm:

- a) Xác định nguyên nhân dẫn đến can thiệp sớm và cập nhật, điều chỉnh phương án khắc phục dự kiến (nếu cần).
- b) Triển khai thực hiện các biện pháp khắc phục được xác định cụ thể theo từng trường hợp được can thiệp sớm.
- c) Báo cáo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của NHNN và quy định của pháp luật; phối hợp chặt chẽ với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, có liên quan.

3. Các biện pháp khắc phục chủ yếu trong trường hợp được can thiệp sớm:

- a) Tăng vốn điều lệ và thời gian thực hiện; lộ trình giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp của cổ đông quy định tại điểm b khoản 1 Điều 159 của Luật Các TCTD
- b) Cải thiện khả năng thanh khoản; tăng cường nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao; bán, chuyển nhượng tài sản và giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng;

- c) Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh;
- d) Nâng cao năng lực quản trị, điều hành;
- e) Xử lý tồn tại, yếu kém về tài chính, nợ xấu, tài sản bảo đảm và các biện pháp khắc phục vi phạm pháp luật;
- f) Biện pháp truyền thông, công nghệ thông tin để khắc phục khó khăn về thanh khoản.

CHƯƠNG II

THÔNG TIN, ĐÁNH GIÁ VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, KINH DOANH THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Điều 6. Thông tin, đánh giá về cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh

1. Thông tin Giấy phép thành lập và hoạt động

- a) Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu số 0031/NH-GP ngày 15/4/1993 Giấy phép cấp đổi số 120/GP-NHNN ngày 12/12/2018, đã được cập nhật, sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 2575/QĐ-NHNN ngày 13/12/2019, Quyết định số 1466/QĐ-NHNN ngày 14/9/2021, Quyết định số 672/QĐ-NHNN ngày 12/4/2022 và Quyết định số 1360/QĐ-NHNN ngày 13/7/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- b) Mã số doanh nghiệp: 0301412222, đăng ký lần đầu do Cơ quan Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 17/5/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 29 do Cơ quan Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 28/6/2023.

2. Mạng lưới hoạt động

- a) Trụ sở chính: Tầng 1, 2, 3 Toà nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.
- b) Chi nhánh, Phòng giao dịch: Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có 35 Chi nhánh, 130 Phòng giao dịch tại các tỉnh, thành phố trên cả nước.

3. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của ABBANK theo mô hình công ty cổ phần bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc. Cơ cấu tổ chức quản lý của ABBANK đáp ứng theo quy định của Luật các TCTD và pháp luật khác có liên quan.

Vai trò, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn và cơ cấu nhân sự bộ máy quản trị, điều hành của Ngân hàng được quy định cụ thể tại Điều lệ ABBANK.

4. Hoạt động kinh doanh

Ngân hàng hoạt động kinh doanh tiền tệ, dịch vụ ngân hàng với nội dung nhận tiền gửi, cấp tín dụng, cung ứng dịch vụ thanh toán, ngân quỹ và các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác trong phạm vi toàn quốc và tại nước ngoài phù hợp với Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp và quy định của pháp luật. Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm:

- Hoạt động trung gian tiền tệ bao gồm: huy động vốn như nhận gửi tiền không kỳ hạn, có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài; vay vốn ngắn hạn của NHNNVN dưới hình thức tái cấp vốn; vay vốn của các tổ chức tín dụng và công ty tài chính; ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động của ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của NHNNVN;
- Hoạt động cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn, cho thuê tài chính, bảo lãnh ngân hàng;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác: cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước, quốc tế và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế;
- Hoạt động cấp tín dụng khác: phát hành thẻ tín dụng; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính: tư vấn ngân hàng, tài chính; mua bán trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; kinh doanh vàng; tham gia đấu thầu tín phiếu kho bạc; mua, bán công cụ chuyển nhượng, tín phiếu kho bạc, tín phiếu NHNNVN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
- Hoạt động góp vốn, mua cổ phần, đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; và
- Hoạt động lưu ký chứng khoán, ví điện tử, mua nợ.

Điều 7. Đánh giá thực trạng tài chính và hoạt động

1. Một số chỉ tiêu tài chính làm sơ sở đánh giá:

Đơn vị: triệu đồng, %

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2023
1	Tổng tài sản	176.619.412	161.977.364
2	Vốn chủ sở hữu	13.936.837	13.349.434
3	Vốn điều lệ	10.350.368	10.350.368

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2023
4	Tổng nguồn vốn huy động từ nền kinh tế	109.959.587	115.654.059
5	Tổng dư nợ tín dụng cho nền kinh tế	110.098.929	102.448.052
6	Lợi nhuận trước thuế	778.549	513.288
7	Lợi nhuận sau thuế	627.225	398.229
8	ROE	4,60%	3,03%
9	ROA	0,37%	0,27%
10	Tỷ lệ nợ xấu	2,48%	2,17%

Nguồn: BCTC kiểm toán

(Số liệu, thông tin chi tiết theo Báo cáo tài chính của Ngân hàng).

2. Chất lượng tài sản

a) Tình hình cấp tín dụng

- Thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về ưu tiên hỗ trợ tăng trưởng gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát tại Nghị quyết 01/NQ-CP và các văn bản chỉ đạo của NHNN, ABBANK đã thực hiện đồng bộ các giải pháp tín dụng, tháo gỡ khó khăn, tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho người dân và doanh nghiệp. ABBANK hướng đến đối tượng doanh nghiệp và người dân nhu cầu mở rộng sản xuất, phát triển kinh doanh an toàn, lành mạnh, phương án kinh doanh khả thi, bền vững nhưng thiếu vốn. Đồng thời xem xét mức lãi suất ưu đãi hợp lý đối với người dân và doanh nghiệp có nhu cầu chính đáng, hợp pháp nhưng gặp khó khăn trong tiếp cận vốn.
- ABBANK đẩy mạnh công tác truyền thông, phổ biến kiến thức, thông tin rộng rãi, đầy đủ, rõ ràng, minh bạch và kịp thời các chương trình, sản phẩm cho vay, cách thức tiếp cận vốn để người dân nắm bắt và tiếp cận chính sách với đa dạng phương tiện truyền thông như: website, tờ rơi, tổng đài, thông tin niêm yết tại các điểm giao dịch,... Định kỳ hàng tháng, ABBANK thực hiện cập nhật công bố lãi suất trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng, bao gồm cả thông tin các chương trình, gói tín dụng ưu đãi áp dụng theo từng đối tượng khách hàng cụ thể.
- Đối với khách hàng hiện hữu, ABBANK tiếp tục thực hiện các cơ chế giảm lãi suất/giảm phí theo phân quyền, xem xét chính sách lãi suất ưu đãi cho từng đối tượng khách hàng nhằm hỗ trợ kịp thời để khách hàng vượt qua giai đoạn khó khăn, phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh. Đến nay, ABBANK đã triển khai

5 đợt điều chỉnh giảm lãi suất, với mức giảm từ 0,3% đến 0,7%/lần điều chỉnh. Đồng thời, Ngân hàng điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, chỉ tiêu lợi nhuận để tập trung giảm lãi suất cho vay đối với dư nợ hiện hữu và các khoản cho vay mới.

- Ngân hàng cũng thực hiện rà soát chi phí hoạt động, trọng điểm đầu tư, tăng cường ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số hoạt động ngân hàng, số hóa quy trình cấp tín dụng, cung cấp trải nghiệm khách hàng tốt hơn, tinh gọn thủ tục tăng khả năng tiếp cận vốn của khách hàng và rút ngắn thời gian phục vụ khách hàng, góp phần giảm chi phí hoạt động, chi phí vốn của Ngân hàng.
- Đối với hoạt động cho vay TCTD khác: các khoản cho vay TCTD khác toàn bộ là nợ nhóm 1, được thu hồi đầy đủ và đúng hạn toàn bộ gốc và lãi.
- Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu do TCTD khác phát hành: Các khoản Trái phiếu do TCTD khác phát hành do ABBANK đầu tư đều là nợ nhóm 1, thu hồi đầy đủ và đúng hạn toàn bộ gốc và lãi.

b) Chất lượng tài sản

- ABBANK duy trì kiểm soát tỷ lệ nợ xấu và các biện pháp xử lý nợ xấu đến nay cơ bản phát huy hiệu quả. Tính đến thời điểm 31/12/2024, tổng số dư nợ xấu là 3.841.212 triệu đồng, tương ứng với tỷ lệ nợ xấu ở mức 2,48% (tỷ lệ nợ xấu giảm so với mức 2,52% thời điểm 30/09/2024).
- Nợ cơ cấu, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo các Thông tư của NHNN: Căn cứ báo cáo tình hình thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN và cho khách hàng thiệt hại do bão số 03 bão Yagi tại 31/12/2024 tổng dư nợ gốc 454.740 triệu đồng và lãi là 50.134 triệu đồng.
- Nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC), khả năng thu hồi, biện pháp thu hồi: Đến 31/12/2024 dư nợ gốc bán VAMC còn theo dõi là: 4.492 tỷ đồng. Đến 31/3/2025 dự nợ gốc bán VAMC giảm còn 4.302 tỷ đồng. Từ tháng 9/2024 đến hết quý 1/2025, ABBANK không thực hiện bán mới VAMC. Dự kiến trong năm 2025 Ngân hàng sẽ không bán mới nợ cho VAMC đồng thời tích cực mua lại để giảm danh mục nợ bán cho VAMC.
- Đầu tư trái phiếu Doanh nghiệp tiềm ẩn thành nợ xấu: không phát sinh.
- Lãi dự thu phải thoái nhưng chưa thoái: không phát sinh.

3. Kết quả kinh doanh

Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 779 tỷ đồng, tăng 52% so với năm 2023 nhờ vào việc Ngân hàng tập trung thu nợ ngoại bảng và tận dụng những tín hiệu tích cực từ thị trường để tăng trưởng hoạt động đầu tư (Chi tiết theo Báo cáo tài chính của Ngân hàng).

4. Tình hình thanh khoản và việc chấp hành các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn

Trong năm 2024, ABBANK duy trì tỷ lệ thanh khoản tuân thủ các giới hạn nội bộ, đáp ứng các khẩu vị rủi ro của Ngân hàng và quy định của NHNN.

ABBANK chấp hành các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định tại Luật Các TCTD, Thông tư 22/2019/TT-NHNN, Thông tư 41/2016/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi bổ sung.

5. Hệ thống kiểm soát nội bộ

ABBANK chấp hành quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi bổ sung về hệ thống kiểm soát nội bộ.

CHƯƠNG III

CÁC PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC DỰ KIẾN VÀ LỘ TRÌNH, THỜI HẠN THỰC HIỆN

Điều 8. Các phương án khắc phục dự kiến và lộ trình, thời hạn thực hiện

- 1. Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp số lỗ lũy kế của ABBANK lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm việc duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Thống đốc NHNN trong từng thời kỳ.**

Dự kiến các biện pháp và lộ trình, thời hạn thực hiện từng biện pháp như sau:

<i>TT</i>	<i>Biện pháp dự kiến</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>
1.1	Biện pháp nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh	6 – 12 tháng
1.2	Biện pháp cắt giảm chi phí	6 – 12 tháng
1.3	Biện pháp tận thu các nguồn tài chính có thể để bù đắp lỗ	6 – 12 tháng
1.4	Biện pháp nâng cao tỷ lệ an toàn vốn	
a	Biện pháp cải thiện Vốn tự có	
	+ Tăng Vốn điều lệ và có lộ trình giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần	6 – 12 tháng
	+ Tăng Vốn cấp 2	3 – 6 tháng
b	Biện pháp cải thiện chất lượng Tài sản Có rủi ro	6 – 12 tháng
1.5	Các biện pháp khác	6 – 12 tháng

2. Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc NHNN

Dự kiến các biện pháp và lộ trình, thời hạn thực hiện từng biện pháp như sau:

TT	Biện pháp dự kiến	Thời gian thực hiện
2.1	Biện pháp cải thiện nhóm chỉ tiêu Vốn (C)	6 – 12 tháng
2.2	Biện pháp cải thiện nhóm chỉ tiêu Chất lượng tài sản (A)	9 – 12 tháng
2.3	Biện pháp cải thiện nhóm chỉ tiêu Quản trị điều hành (M)	6 – 12 tháng
2.4	Biện pháp cải thiện nhóm chỉ tiêu Kết quả hoạt động kinh doanh (E)	6 – 12 tháng
2.5	Biện pháp cải thiện nhóm chỉ tiêu Khả năng thanh toán (L)	3 – 6 tháng
2.6	Biện pháp cải thiện nhóm chỉ tiêu Mức độ nhạy cảm với rủi ro thị trường (S)	3 – 6 tháng

3. Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp vi phạm duy trì tỷ lệ khả năng chi trả theo quy định của Thống đốc NHNN trong thời gian 30 ngày liên tục.

Dự kiến các biện pháp và lộ trình, thời hạn thực hiện từng biện pháp như sau:

TT	Biện pháp dự kiến	Thời gian thực hiện
3.1	Biện pháp cải thiện khả năng thanh khoản; tăng cường nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao; bán, chuyển nhượng tài sản không sinh lời hoặc có rủi ro cao	3 – 6 tháng
3.2	Biện pháp xin hỗ trợ của NHNN	1 – 3 tháng
3.3	Biện pháp cải thiện dòng tiền ra ròng	Hàng ngày
3.4	Các biện pháp khác	1 – 3 tháng

4. Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp vi phạm duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Thống đốc NHNN trong từng thời kỳ trong thời gian 06 tháng liên tục

Dự kiến các biện pháp và lộ trình, thời hạn thực hiện từng biện pháp như sau:

<i>TT</i>	<i>Biện pháp dự kiến</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>
4.1	Biện pháp quản lý, phát triển Vốn tự có	
	+ Tăng Vốn điều lệ và có lộ trình giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần	6 – 12 tháng
	+ Tăng Vốn cấp 2	3 – 6 tháng
4.2	Biện pháp nâng cao chất lượng Tài sản Có	6 – 12 tháng
4.3	Biện pháp xử lý tồn tại, yếu kém về tài chính, nợ xấu, tài sản bảo đảm	9 – 12 tháng
4.4	Các biện pháp khác	6 – 12 tháng

5. Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi NHNN

Dự kiến các biện pháp và lộ trình, thời hạn thực hiện từng biện pháp như sau:

<i>TT</i>	<i>Biện pháp dự kiến</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>
5.1	Các biện pháp về truyền thông, công nghệ thông tin để khắc phục khó khăn về thanh khoản: <ul style="list-style-type: none"> - Công tác truyền thông: truyền thông bên ngoài, truyền thông nội bộ, trấn an tâm lý, giảm thiểu hiệu ứng tiêu cực lan truyền; kiểm soát chặt chẽ các thông tin bất lợi gây ảnh hưởng đến danh tiếng của ngân hàng. - Công nghệ thông tin: đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và liên tục, có phương án ứng phó trong trường hợp giao dịch tăng đột biến; dữ liệu cập nhật liên tục, kịp thời, chính xác phục vụ việc khai thác dữ liệu, cập nhật trạng thái thanh khoản của Ngân hàng, kịp thời đưa ra các dự báo/cảnh báo từ đó có các giải pháp phù hợp, hiệu quả. 	7 - 30 ngày
5.2	Các biện pháp đảm bảo an toàn kho quỹ	Hàng ngày
5.3	Các biện pháp hỗ trợ thanh khoản	Hàng ngày
5.4	Các biện pháp từ kinh doanh, chăm sóc khách hàng	Hàng ngày
5.5	Các biện pháp tiếp cận, xin hỗ trợ từ NHNN và các đối tác	Hàng ngày
5.6	Các biện pháp khác	Hàng ngày

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Hiệu lực thi hành

- 1.** Phương án khắc phục dự kiến có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
- 2.** Trường hợp Phương án khắc phục dự kiến đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và NHNN có ý kiến yêu cầu điều chỉnh (sửa đổi, bổ sung), thì việc điều chỉnh Phương án khắc phục dự kiến theo ý kiến của NHNN sẽ do HĐQT thực hiện. Giao/ủy quyền HĐQT điều chỉnh, bổ sung, chi tiết hoá các nội dung của Phương án này phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình thực tế của ABBANK và/hoặc chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quản lý và báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 3.** Trường hợp quy định của pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Phương án này hoặc trường hợp có sự thay đổi quy định của pháp luật có liên quan dẫn đến nội dung phương án này mâu thuẫn với quy định của pháp luật thì quy định có liên quan của pháp luật đương nhiên được áp dụng.

Phương án khắc phục dự kiến này đã được Đại hội đồng Cổ đông ABBANK thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2025./.

**MIỄN NHIỆM VÀ BẦU THAY THẾ
THÀNH VIÊN HĐQT
(NHIỆM KỲ THÀNH VIÊN 2025-2027)**



Thông tin
Đại hội đồng cổ đông

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐÃ THÔNG QUA VĂN BẢN NÀY

GENERAL SHAREHOLDERS MEETING APPROVED THIS DOCUMENT

18-04-2025

Vào ngày / on the date:

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v Miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên HĐQT

Kính gửi: Quý Cổ đông Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK)

1. Lý do việc miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên HĐQT

Đại hội đồng Cổ đông ABBANK ngày 28/4/2023 đã thông qua số lượng thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2027 gồm 07 thành viên, đồng thời thông qua việc bầu các nhân sự sau: Ông Đào Mạnh Kháng, Ông Vũ Văn Tiền, Ông John Chong Eng Chuan, Ông Foong Seong Yew, Ông Nguyễn Danh Lương, Bà Đỗ Thị Nhung và Ông Trần Bá Vinh giữ chức danh Thành viên HĐQT ABBANK nhiệm kỳ 2023 - 2027.

Ngày 05/01/2025, Malayan Banking Berhad (Maybank) - cổ đông nước ngoài sở hữu 16,394% vốn cổ phần tại ABBANK đã có văn bản gửi ABBANK thông báo đề cử Ông Syed Ahmad Taufik Albar ứng cử làm Thành viên HĐQT ABBANK nhiệm kỳ 2023-2027 và làm người đại diện 50% vốn của Maybank tại ABBANK thay thế Ông John Chong Eng Chuan, hiệu lực ngay sau khi hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan.

Ngày 16/01/2025 Ông Trần Bá Vinh - Thành viên độc lập HĐQT đã có Đơn từ nhiệm vì lý do cá nhân, hiệu lực kể từ thời điểm Đại hội đồng Cổ đông ABBANK thông qua việc miễn nhiệm.

Căn cứ quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK, Hội đồng Quản trị (HĐQT) ABBANK đã thông báo lấy ý kiến đề cử của cổ đông, thực hiện các bước chuẩn bị nhân sự, HĐQT đã có văn bản số 37/CV-HĐQT.25 ngày 20/3/2025 trình Ngân hàng Nhà nước dự kiến nhân sự bầu thay thế các thành viên HĐQT do thay đổi người đại diện vốn và có đơn xin từ nhiệm như đã trình bày ở trên.

Thông tin tóm tắt của các nhân sự dự kiến như sau:

1. Ông Syed Ahmad Taufik Albar

Chức danh hiện tại: Giám đốc Điều hành Khối Dịch vụ Tài chính Cộng đồng của Maybank – Là người đại diện 50% vốn cổ phần của Maybank (8,197%) tại ABBANK

Chức danh dự kiến được bầu: Thành viên Hội đồng Quản trị ABBANK

2. Ông Trịnh Thanh Hải

Chức danh hiện tại: Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm tra Công ty CP Đầu tư Văn Phú; Thành viên HĐQT không điều hành Quỹ Đầu tư Vinacapital Vietnam Opportunity (VOF).

Chức danh dự kiến được bầu: Thành viên độc lập HĐQT ABBANK.

Các nhân sự nêu trên đều là chuyên gia uy tín, có trình độ cao, có bề dày nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Đề xuất

HĐQT trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông:

1. Ghi nhận việc chấm dứt tư cách thành viên HĐQT đối với Ông John Chong Eng Chuan do thay đổi người đại diện vốn của Maybank tại ABBANK; thông qua việc miễn nhiệm thành viên độc lập HĐQT đối với Ông Trần Bá Vinh có đơn xin từ nhiệm theo nguyện vọng cá nhân.
2. Tiến hành bầu Ông Syed Ahmad Taufik Albar làm thành viên HĐQT và Ông Trịnh Thanh Hải làm thành viên độc lập HĐQT ABBANK (nhiệm kỳ của thành viên được bầu: 2025-2027).

Trân trọng kính trình!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đào Mạnh Kháng